

Báo cáo

DÒNG CHẢY PHÁP LUẬT KINH DOANH 2024

Nhóm Nghiên cứu

Đậu Anh Tuấn
Phạm Ngọc Thạch
Nguyễn Thị Diệu Hồng
Phạm Văn Hùng
Hoàng Thị Thanh
Nguyễn Minh Đức
Phan Minh Thủy
Nguyễn Thị Lệ Nghĩa



LIÊN ĐOÀN THƯƠNG MẠI
VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

BÁO CÁO

DÒNG CHẢY PHÁP LUẬT KINH DOANH 2024

Mục lục

LỜI GIỚI THIỆU	12
CHƯƠNG I. ĐIỂM LẠI PHÁP LUẬT	14
Soạn thảo chính sách: Thay đổi nhanh chóng và những thách thức	19
Hoạt động cắt giảm đơn giản hóa quy định về kinh doanh: Tiếp tục câu hỏi về tính thực chất	24
Cơ chế quản lý đầu tư kinh doanh: Điểm sáng và những băn khoăn đan xen	28
Các chính sách về tài chính: Một năm sôi động và tích cực	33
Giao dịch liên kết: Giải quyết vướng mắc, nhưng chưa đủ	36
Ngưỡng tiền thuế nợ áp dụng tạm hoãn xuất cảnh: Bao nhiêu là đủ?	38
Hỗ trợ đầu tư: Cần sự đảm bảo chắc chắn hơn	40
Người kinh doanh nhỏ lẻ: Nhóm yếu thế mới trên thị trường thương mại điện tử	43
Bất bình đẳng trong thương mại điện tử: Điểm mới và kỳ vọng	45
Quản lý chất lượng sản phẩm hàng hóa: Những vướng mắc chờ tháo gỡ	48
Luật Dược 2024: Bước chuyển biến tích cực	51
CHƯƠNG II. TIÊU CHUẨN, QUY CHUẨN KỸ THUẬT – NHỮNG VẤN ĐỀ ĐÁNG BÀN	54
Thông tin tổng quan	57
Đánh giá chất lượng một số tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật	61
Một số đề xuất	69
CHƯƠNG III. TRIỂN KHAI DỰ ÁN ĐẦU TƯ: HÀNH TRÌNH GIAN NAN	72
Quy trình thực hiện dự án đầu tư: Hiện trạng	75
Nhận diện	79
Đề xuất	97

CHƯƠNG IV. ĐIỆN RÁC: RÀO CẢN PHÁP LÝ VÀ GIẢI PHÁP	100
Chuyển đổi công nghệ với dự án hiện hữu và Đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư: Thiếu cam kết dài hạn với nhà đầu tư	103
Đầu tư theo phương thức đối tác công tư: Thiếu các hướng dẫn chi tiết	105
Năng lực của chính quyền địa phương	107
Thủ tục đầu tư: Chưa phân cấp triệt để	108
Quy hoạch điện: Thiếu cơ chế điều chỉnh linh hoạt	109
Chậm ban hành văn bản hướng dẫn	111
Kiến nghị	113
CHƯƠNG V. ĐÁNH GIÁ PHẢN HỒI CỦA CƠ QUAN SOẠN THẢO	114
Đánh giá mức độ tiếp thu	116
Các văn bản quy phạm pháp luật được ban hành mà VCCI góp ý	121

Danh mục Từ viết tắt

BLT	Xây dựng – Thuê dịch vụ – Chuyển giao
BOT	Xây dựng – Kinh doanh – Chuyển giao
BTL	Xây dựng – Chuyển giao – Thuê dịch vụ
EU	Liên minh châu Âu
GTGT	Giá trị gia tăng
NOXH	Nhà ở xã hội
OECD	Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế
PCI	Báo cáo chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh
PGI	Báo cáo chỉ số Xanh cấp tỉnh
PPP	Đầu tư theo phương thức đối tác công tư
QCVN	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia
TCVN	Tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia
TMĐT	Thương mại điện tử
TNCN	Thu nhập cá nhân
TTĐB	Tiêu thụ đặc biệt
UAV	Tàu bay không người lái và các phương tiện bay siêu nhẹ
UBND	Ủy ban nhân dân
VBQPPL	Văn bản quy phạm pháp luật
VCCI	Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam

Danh mục Bảng

Bảng 1: Tổng hợp các luật và dự thảo luật sửa đổi, bổ sung nhiều luật trọng giai đoạn 2022-2025	17
Bảng 2: Danh sách số lượng QCVN theo bộ ban hành và lĩnh vực	57
Bảng 3: Lộ trình thực hiện kỹ thuật hiện có tốt nhất với các nhà máy xử lý chất thải sinh hoạt theo quy định tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP	111

Danh mục Hình

Hình 1: Số lượng QCVN ban hành theo năm, bao gồm QCVN mới, thay thế và sửa đổi	58
Hình 2: Số lượng TCVN ban hành theo lĩnh vực	59
Hình 3: Số lượng TCVN ban hành theo năm	60
Hình 4: Sơ đồ hoá quy trình đầu tư	76
Hình 5: Quy trình thực hiện dự án đầu tư	85
Hình 6: Tỷ lệ tiếp thu các ý kiến của VCCI	116
Hình 7: Tỷ lệ tiếp thu theo loại văn bản	117
Hình 8: Số lượng góp ý theo tiêu chí	118
Hình 9: Các góp ý theo từng tiêu chí của từng bộ, ngành	119
Hình 10: Tỷ lệ tiếp thu theo tiêu chí	120

Danh mục Hộp

Hộp 1: Đấu giá quyền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất theo quy định tại Điều 55 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP	83
Hộp 2: Trờ ngại trong tiếp cận đất đai	86

Lời giới thiệu

Báo cáo Dòng chảy pháp luật kinh doanh năm 2024 là ấn phẩm do Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) thực hiện nhằm ghi lại những vấn đề đáng chú ý trong quá trình xây dựng các quy định pháp luật về kinh doanh trong năm 2024. Đây là năm thứ tám liên tiếp VCCI công bố Báo cáo Dòng chảy pháp luật kinh doanh.

Năm 2024 chứng kiến nhiều biến động quan trọng trên thế giới và tại Việt Nam. Trên thế giới, cuộc xung đột Nga – Ukraine tiếp tục kéo dài với nhiều diễn biến giằng co, dai dẳng; khu vực Trung Đông chứng kiến nhiều mâu thuẫn và xung đột đan xen; Châu Á cũng có những bất ổn chính trị. Năm vừa qua cũng chứng kiến nhiều cuộc bầu cử ở nhiều quốc gia trên thế giới, trong đó kết quả của các cuộc bầu cử sẽ tạo ra những thay đổi mang tính bước ngoặt với nhiều quốc gia và cả trật tự quốc tế. Về kinh tế, có sự tăng trưởng tích cực của nền kinh tế toàn cầu. Trí tuệ nhân tạo (AI) ngày càng đóng góp quan trọng trong các hoạt động kinh tế, khoa học, kỹ thuật và đặt ra những thách thức về bảo vệ quyền con người, bảo vệ dữ liệu cá nhân và kiểm soát những rủi ro tiềm ẩn từ công nghệ này. Trong nước, năm qua Việt Nam đã đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế trên 7%, thuộc nhóm ít các nước tăng trưởng cao trong khu vực, thế giới. Chính phủ đã chủ động, linh hoạt trong điều hành chính sách vĩ mô, kiểm soát lạm phát.

Công tác xây dựng thể chế kinh tế tiếp tục được lãnh đạo Đảng và Nhà nước hết sức quan tâm và có những chỉ đạo sát sao. Tại phiên khai mạc kỳ họp thứ 8 Quốc hội khóa XV, Tổng bí thư Tô Lâm cho biết ba điểm nghẽn lớn nhất hiện nay là thể chế, hạ tầng và nhân lực, trong đó thể chế là “điểm nghẽn của điểm nghẽn” và đề nghị mạnh mẽ chuyển đổi tư duy xây dựng pháp luật theo hướng bảo đảm yêu cầu quản lý, vừa khuyến khích sáng tạo, giải phóng toàn bộ sức sản xuất, khơi thông mọi nguồn lực để phát triển, “tư duy quản lý không cứng nhắc, đứt khoát từ bỏ tư duy không quản được thì cấm”¹. Trong Phiên họp Chính phủ chuyên đề về xây dựng pháp luật tháng 11/2024, Thủ tướng Chính phủ đã có ý kiến về thay đổi tư duy làm luật theo hướng “vừa quản được, vừa thông thoáng, khơi thông và huy động mọi nguồn lực để phát triển đất nước, nhất là trong giai đoạn tới phải đạt tăng trưởng 2 con số, thực hiện 2 mục tiêu 100 năm của đất nước”².

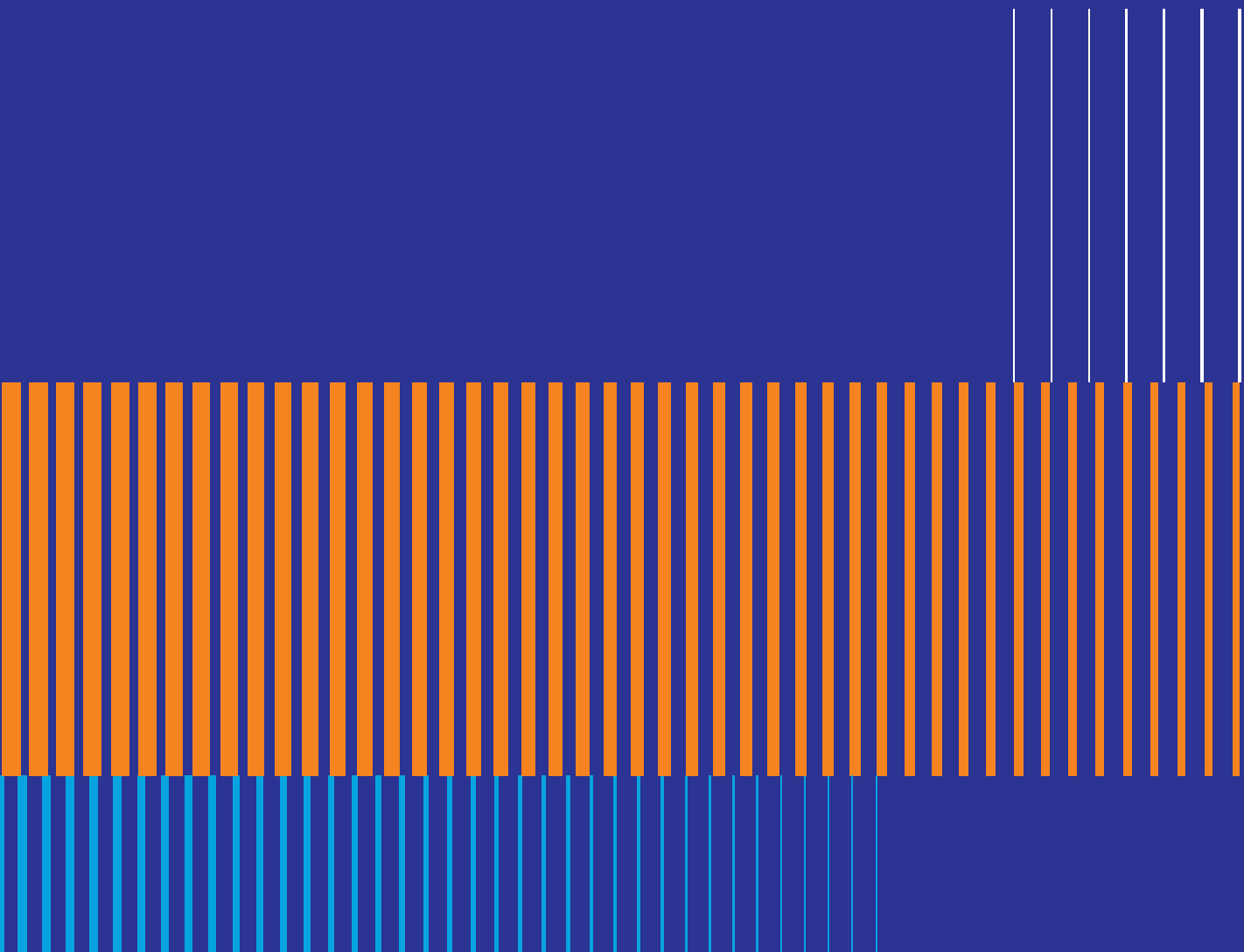
[1] “Tổng Bí thư Tô Lâm: Gỡ điểm nghẽn thể chế để không lỡ thời cơ phát triển” - <https://tuoitre.vn/tong-bi-thu-to-lam-go-diem-nghen-the-che-de-khong-lo-thoi-co-phat-trien-20241022075341728.htm>

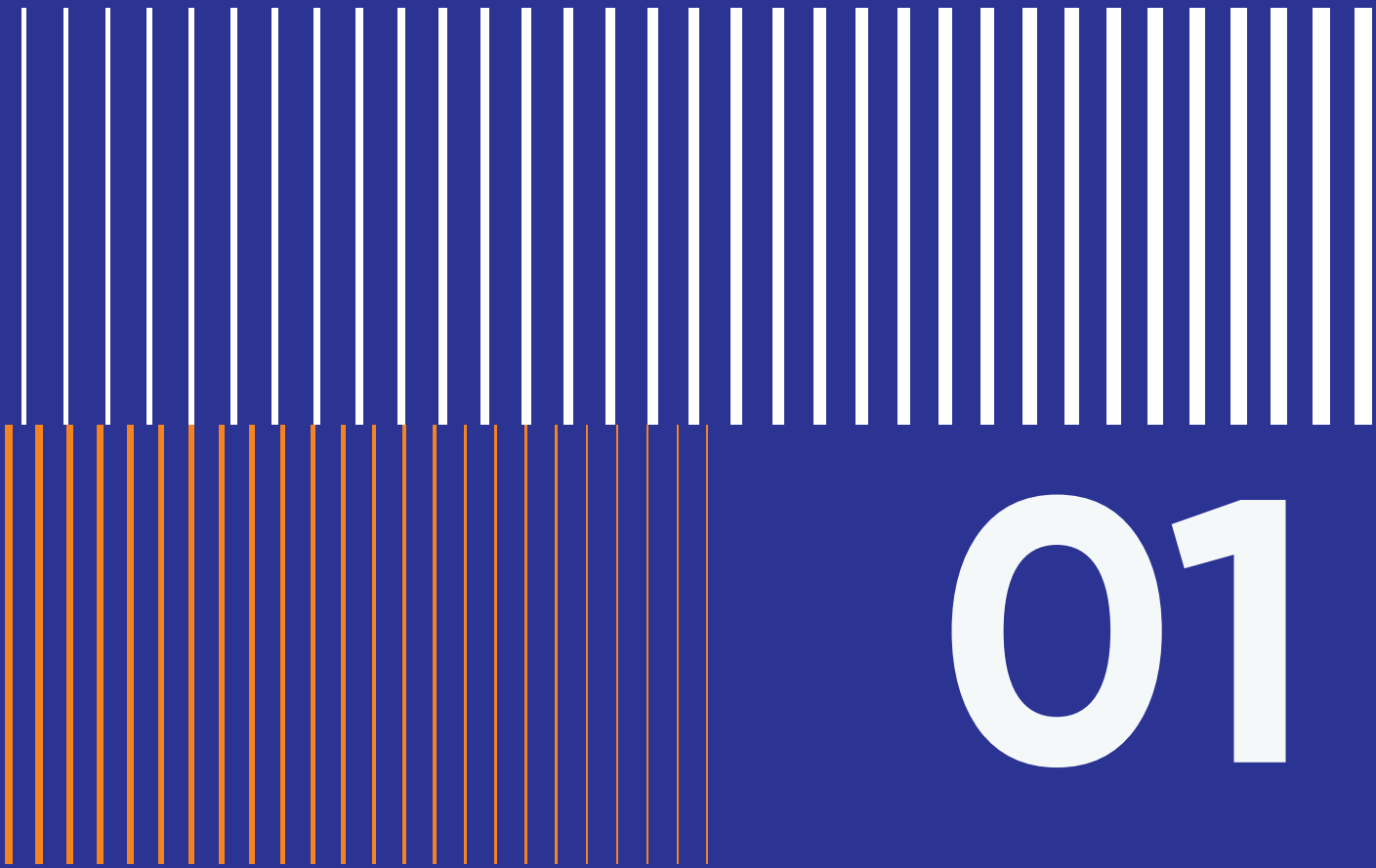
[2] “Thủ tướng: Thể chế là “đột phá của đột phá” để khơi thông mọi nguồn lực phát triển” - <https://baochinhphu.vn/thu-tuong-the-che-la-dot-pha-cua-dot-pha-de-koai-thong-moi-nguon-luc-phat-trien-102241204194221452.htm>

Chúng tôi thực hiện Báo cáo này để ghi lại những chuyển động pháp luật trong năm 2024, tác động tới môi trường đầu tư kinh doanh, những mặt được và hạn chế gây cản trở đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, Báo cáo cũng phân tích hai nhóm vấn đề pháp lý chuyên sâu là quy trình thực hiện dự án đầu tư nói chung và việc triển khai thực hiện dự án đầu tư điện rác. Đây là những vấn đề điển hình mà doanh nghiệp quan tâm, đang gặp vướng, từ đó nhận diện những bất cập và đề xuất một số giải pháp.

Báo cáo Dòng chảy pháp luật kinh doanh 2024 được xây dựng từ góc nhìn của doanh nghiệp đối với những quy định pháp luật, qua đó gửi gắm mong muốn, kỳ vọng của cộng đồng tới các nhà hoạch định và thực thi chính sách với mục tiêu góp phần xây dựng môi trường đầu tư kinh doanh ở nước ta ngày càng thông thoáng, thuận lợi.

Điểm lại pháp luật



A decorative graphic consisting of a series of vertical lines of varying heights and colors (white and orange) against a dark blue background, spanning the width of the page.

01

Năm 2024, Quốc hội đã ban hành 31 luật, Chính phủ ban hành 182 nghị định, các Bộ ban hành 629 thông tư. Khối lượng văn bản pháp luật năm 2024 đã tăng đáng kể so với năm 2023, đặc biệt là số lượng luật và nghị định đều tăng gần gấp đôi. Số lượng văn bản tăng đồng thời khối lượng công việc lập pháp, lập quy cũng ngày càng nhiều hơn, chặt chẽ hơn về quy trình.

Chất lượng các văn bản quy phạm pháp luật là điều mà lãnh đạo Quốc hội và Chính phủ thường xuyên nhấn mạnh khi chỉ đạo, điều hành công tác xây dựng pháp luật. Năm nay, nhiều biện pháp tiếp tục được thực hiện để nâng cao công tác này như:

- Các cuộc họp của ban soạn thảo, tổ biên tập thường xuyên hơn. Trước đây, chủ yếu công việc soạn thảo do đơn vị chuyên môn thuộc cơ quan chủ trì soạn thảo thực hiện. Việc họp ban soạn thảo, tổ biên tập có thể thực hiện hoặc không, và thường chỉ họp một lần. Trong thời gian trở lại đây, cách tiếp cận đã khác trước nhiều. Vai trò của các thành viên trong ban soạn thảo, tổ biên tập được phân định rõ ràng trong quyết định thành lập. Cơ quan chủ trì soạn thảo cũng tổ chức nhiều cuộc họp ban soạn thảo, tổ biên tập hơn, thậm chí lấy ý kiến thêm cả sau khi dự thảo công khai, thẩm định.
- Cơ quan chủ trì soạn thảo cũng tổ chức nhiều hơn các cuộc họp để thảo luận về dự thảo. Chẳng hạn, tổ chức cuộc họp với từng nhóm đối tượng tác động để thảo luận tập trung về nhóm nội dung cụ thể. Hoặc tổ chức các cuộc họp trong nhiều giai đoạn khác nhau của quá trình soạn thảo, kể cả trước khi có dự thảo chính thức hay sau cả giai đoạn thẩm định.

Như vậy, có thể thấy hoạt động xây dựng pháp luật trong năm 2024 tiếp tục có nhiều chuyển biến theo hướng chặt chẽ hơn về quy trình, tăng cường thảo luận và lấy ý kiến nhiều vòng, nhiều lượt, nhiều đối tượng.

Một xu hướng phổ biến là sử dụng một luật để sửa nhiều luật. Năm 2024 là năm chứng kiến nhiều văn bản theo xu hướng này.

Bảng 1 Tổng hợp các luật và dự thảo luật sửa đổi, bổ sung nhiều luật trọng giai đoạn 2022-2025

Năm	Tên văn bản	Ngày ban hành	Ghi chú
2022	Luật sửa đổi Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đầu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự 2022	11/01/2022	
2024	Luật sửa đổi Luật Đất đai, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản và Luật Các tổ chức tín dụng 2024	29/06/2024	Sửa đổi để đẩy sớm hiệu lực thi hành của các luật
	Luật sửa đổi Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính 2024	29/11/2024	
	Luật sửa đổi Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đầu thầu 2024	29/11/2024	
2025	Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu thầu; Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; Luật Hải quan; Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Luật Đầu tư; Luật Đầu tư công; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công	Dự kiến trình vào kỳ họp tháng 5/2025	Chưa ban hành

Cách tiếp cận này có ưu điểm vượt trội trong việc giải quyết toàn diện các vướng mắc, khó khăn liên quan đến một chủ đề, từ đó nhanh chóng khơi thông tổng thể các điểm nghẽn pháp lý, thay vì phải mất thời gian sửa đổi nhiều luật theo quy trình thông thường. Tuy nhiên, trong quá trình soạn thảo, cũng có băn khoăn về phạm vi nội dung sửa đổi. Các doanh nghiệp cho rằng, xu hướng này chỉ nên áp dụng để giải quyết trọn vẹn một chủ đề nhất định mà đã rà soát, phát hiện kỹ lưỡng vướng mắc từ trước. Các nội dung này phù hợp với quy trình soạn thảo rút gọn, thời gian xem xét và lấy ý kiến rất ngắn. Còn các vấn đề khác nên soạn thảo theo quy trình thông thường để có thể tham vấn và cân nhắc kỹ lưỡng trước khi ban hành, đảm bảo tính tổng thể, thống nhất của hệ thống pháp luật. Một ví dụ là quy định trách nhiệm của sàn thương mại điện tử trong việc kê khai, nộp thuế thay cho người bán. Một nội dung này nhưng 3 luật khác nhau cùng quy định với 3 mốc thời điểm khác nhau:

- ¹ Luật sửa Luật Thuế thu nhập cá nhân: hiệu lực từ ngày 01/01/2025;
- ² Luật sửa Luật Quản lý thuế: hiệu lực từ ngày 01/04/2025;
- ³ Luật Thuế giá trị gia tăng: hiệu lực từ ngày 01/07/2025.

Một vấn đề khác là việc soạn thảo các văn bản hướng dẫn chi tiết của văn bản luật sửa đổi nhiều luật. Thông thường, các văn bản hướng dẫn cũng sẽ soạn thảo theo trình tự rút gọn để đảm bảo hiệu lực thi hành đồng thời với luật. Với 2 luật sửa nhiều luật năm 2024, 17/20 nghị định và 3/3 thông tư hướng dẫn đều soạn thảo rút gọn.³ Khối lượng công việc nhiều, thời gian soạn thảo lại gấp rút nên không phù hợp với các vấn đề mới chưa được thảo luận kỹ lưỡng. Thực tế đã có tình trạng văn bản hướng dẫn không ban hành kịp thời hạn luật giao vì vấn đề kỹ thuật phức tạp, chưa được dự liệu kỹ càng khi đề xuất quy định trong luật. Việc này còn chưa kể việc soạn thảo rút gọn sẽ có hiệu lực ngay từ thời điểm ký ban hành, dẫn đến doanh nghiệp không có đủ thời gian chuẩn bị nhân lực, vật lực để tuân thủ quy định.

[3] <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Quyet-dinh-1610-QD-TTg-2024-Danh-muc-co-quan-chu-tri-soan-thao-van-ban-huong-dan-luat-nghi-quyet-636499.aspx>

1 Soạn thảo chính sách: Thay đổi nhanh chóng và những thách thức

Nhanh chóng thay đổi các chính sách

Hiện nay, quy trình xây dựng chính sách ở Việt Nam đang diễn ra khá nhanh chóng, nhất là các văn bản nhằm hiện thực hóa các chỉ đạo của Đảng, Nhà nước, đồng thời giải quyết nhanh nhất và kịp thời nhất các vướng mắc và bất cập của các chính sách hiện hành. Việc xây dựng chính sách một cách linh hoạt và nhanh nhạy giúp các cơ quan chức năng kịp thời tháo gỡ những nút thắt trong quá trình phát triển, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động kinh tế - xã hội.

Có thể quan sát, năm 2024, hoạt động xây dựng chính sách diễn ra với với tốc độ cao hơn.

Xoay chiều chính sách để phù hợp với thực tế: Điều này thấy khá rõ đối với chính sách áp dụng hợp đồng BT

Trước ngày 01/01/2021 – thời điểm Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư 2020 có hiệu lực, pháp luật cho phép các dự án áp dụng hợp đồng xây dựng - chuyển giao (BT). Từ năm 2021, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư 2020 đã “dừng triển khai dự án mới áp dụng loại hợp đồng BT” và có các quy định chuyển tiếp giải quyết cho những dự án đang được triển khai.

Sau đó hơn 2 năm, Quốc hội cho phép áp dụng hợp đồng BT tại Thành phố Hồ Chí Minh (Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hồ Chí Minh có hiệu lực từ 01/8/2023) và thành phố Hà Nội (Luật Thủ đô có hiệu lực từ 01/01/2025). Mới đây, Luật sửa đổi, bổ sung Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư đối tác công tư và Luật Đấu thầu 2024 lại quy định về hợp đồng BT và dự án được áp dụng hình thức hợp đồng BT (bắt đầu áp dụng từ 01/7/2025).

Có thể thấy, trong vòng chưa đầy 05 năm, chính sách áp dụng đối với hợp đồng BT có sự xoay chiều liên tục: cho áp dụng, cấm áp dụng, lại cho áp dụng. Tuy nhiên, việc cho phép áp dụng lại hợp đồng BT tại Luật sửa đổi, bổ sung Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư đối tác công tư và Luật Đấu thầu 2024 đã có sự điều chỉnh so với trước đây, nhằm khắc phục những hạn chế của hợp đồng BT trước đây.

Sửa đổi nhanh chóng của các quy định, ngay cả khi vừa ban hành

Luật Đấu thầu 2023 được ban hành vào tháng 6/2023, có hiệu lực vào ngày 01/01/2024. Chưa đầy 01 năm sau, các quy định tại Luật này tiếp tục được sửa đổi trong Luật sửa đổi, bổ sung Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đấu tư đối tác công tư và Luật Đấu thầu 2024 có hiệu lực từ 15/01/2025. Các quy định sửa đổi, bổ sung khá quan trọng liên quan đến chỉ định thầu; lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt; đấu thầu trước;... Các văn bản hướng dẫn Luật Đấu thầu cũng có sự điều chỉnh, thay đổi trong khoảng thời gian ngắn như Nghị định số 23/2024/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu thực hiện dự án thuộc trường hợp phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực ban hành vào ngày 27/02/2024, các quy định tại Nghị định này được sửa đổi tại Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 16/9/2024 và các quy định này lại tiếp tục được sửa đổi tại Nghị định hướng dẫn Luật sửa đổi Luật Đấu thầu 2024. Trong các văn bản hướng dẫn này, nhiều quy định về quy trình thực hiện thủ tục đấu thầu cũng có sự điều chỉnh, sửa đổi theo hướng rút ngắn quy trình đấu thầu.

Hiện nay, Luật Đấu thầu lại tiếp tục được đề nghị điều chỉnh trong Dự án Luật sửa đổi bổ sung một số điều của các luật: Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; Luật Hải quan; Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Luật Đầu tư; Luật Đầu tư công; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công. Luật này dự kiến sẽ được Quốc hội thông qua ngay tại kỳ họp Quốc hội lần thứ 9 vào tháng 5 năm 2025 này.

Hay như Luật Đất đai 2024, có hiệu lực vào ngày 01/8/2024 nhưng quy định tại Luật này đã được sửa đổi ngay tại Luật Đầu tư công 2024 (sửa đổi liên quan đến nội dung của kế hoạch sử dụng đất cấp huyện).

Bối cảnh ưu tiên phát triển kinh tế hiện nay, nhanh chóng tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc từ thể chế đã tạo ra sức ép lớn đối với các nhà soạn luật, buộc phải thay đổi tư duy, cách làm và đẩy nhanh tiến độ thực hiện. Chính điều này đã tạo ra cơ hội cho các doanh nghiệp, chủ thể kinh doanh nắm bắt cơ hội đầu tư và phát triển. Sự thay đổi, cải cách về thể chế nhanh chóng theo hướng thuận lợi hơn đã tạo ra môi trường kinh doanh thuận lợi, mở ra nhiều cơ hội mới cho doanh nghiệp trong và ngoài nước, đặc biệt là các doanh nghiệp trong lĩnh vực phát triển công nghệ cao.

Mặc dù quá trình xây dựng và triển khai chính sách nhanh chóng mang lại nhiều lợi ích, nhưng cũng không tránh khỏi những quan ngại nhất định. Việc thay đổi liên tục có thể dẫn đến sự thiếu ổn định trong môi trường pháp lý, gây khó khăn và lo ngại cho các doanh nghiệp trong việc thích nghi và điều chỉnh chiến lược kinh doanh. Ngoài ra, nếu không có sự giám sát chặt chẽ, với quy trình ban hành rất nhanh chóng, các chính sách mới có thể bị lợi dụng, ảnh hưởng đến tính minh bạch và công bằng trong xã hội.

Nhanh chóng hiện thực hoá chính sách, nghị quyết quan trọng của Đảng

Ngày 22/12/2024, Tổng Bí thư Tô Lâm đã ký ban hành Nghị quyết số 57-NQ/TW⁴ ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Nghị quyết số 57-NQ/TW⁴ khẳng định về đường hướng phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đang là yếu tố quyết định phát triển của các quốc gia; là điều kiện tiên quyết, thời cơ tốt nhất để nước ta phát triển giàu mạnh, hùng cường trong kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

Chỉ trong vòng chưa đầy hai tháng sau đó, ngày 19/2/2025, tại kỳ họp bất thường lần thứ 9, Quốc hội đã thông qua Nghị quyết số 193/2025/QH15 về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Nghị quyết này có một số chính sách nổi bật như:

- i Chấp nhận rủi ro trong nghiên cứu khoa học công nghệ;
- ii Cấp kinh phí khoa học công nghệ theo cơ chế quỹ phát triển khoa học công nghệ, đơn giản hoá quy trình và giảm các thủ tục hành chính;
- iii Tạo thuận lợi thương mại hoá kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (nói các quy định về sở hữu, quản lý, sử dụng tài sản đối với kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; nói quyền thành lập, điều hành doanh nghiệp cho các tổ chức khoa học công nghệ công lập, các viên chức từ cơ sở khoa học công nghệ công lập...);
- iv Các chính sách ưu đãi thuế cho doanh nghiệp và các nhân hoạt động khoa học công nghệ;
- v Cơ chế đặc biệt để phát triển hạ tầng (hỗ trợ tài chính cho doanh nghiệp triển khai nhanh 5G, chính sách phát triển cáp viễn thông kết nối quốc tế trên biển, thí điểm có kiểm soát dịch vụ viễn thông sử dụng công nghệ vệ tinh quỹ đạo tầm thấp...).

Phải nói rằng ít có luật, nghị quyết nào liên quan đến doanh nghiệp, kinh tế được thông qua trong thời gian ngắn như vậy để thực hiện Nghị quyết của Đảng. Quốc hội đã thể hiện tinh thần chủ động, quyết liệt và trách nhiệm chính trị cao khi chỉ trong vòng chưa đầy hai tháng kể từ khi Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 57-NQ/TW⁵, đã kịp thời thông qua Nghị quyết số 193/2025/QH15⁶ nhằm thể chế hóa các chủ trương lớn của Đảng. Đây là minh chứng rõ nét cho sự phối hợp chặt chẽ, nhịp nhàng giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị, bảo đảm sự thống nhất giữa ý chí của Đảng và hành động của Nhà nước.

Nghị quyết số 193/2025/QH15 không chỉ nhanh chóng cụ thể hóa các định hướng chiến lược về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, mà còn tạo lập hành lang pháp lý đặc thù, mở đường cho các cơ chế, chính sách đột phá, góp phần đưa tinh thần đổi mới của Đảng vào thực tiễn một cách hiệu quả và kịp thời, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững đất nước trong bối cảnh mới.

[4] Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

[5] Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

[6] Nghị quyết số 193/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

Quy trình lập pháp thay đổi một cách căn bản

Giảm thời gian soạn thảo, xây dựng văn bản pháp luật

Tại kỳ họp bất thường tháng 02/2025 vừa qua, Quốc hội đã thông qua Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (sửa đổi). Luật đã đổi mới căn bản, toàn diện quy trình soạn thảo, ban hành luật.

- Quy trình xây dựng chính sách sẽ tách bạch khỏi Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh.
Trước đây, Dự thảo Luật muốn đưa vào Chương trình xây dựng luật cần phải được thông qua đề nghị chính sách (Bước 1), chờ đến kỳ họp Quốc hội gần nhất để bổ sung vào Chương trình. Quy định mới không yêu cầu quá trình tuần tự như trước mà cho phép các công việc thực hiện song song. Đồng thời, chuyển thẩm quyền phê duyệt Chương trình lập pháp từ Quốc hội sang Ủy ban thường vụ Quốc hội. Có thể dự đoán, số lượng dự án luật mỗi năm có thể tăng lên nhiều, với tần suất thường xuyên hơn vào nhiều thời điểm trong năm.
- Luật được thông qua trong 1 kỳ họp, thay vì quy trình 2 kỳ họp như thông lệ trước đây (1 kỳ thảo luận, 1 kỳ thông qua).
Với các thay đổi trên, dự kiến rút ngắn thời gian soạn thảo ban hành luật từ 22 tháng xuống còn 10 tháng.
- Quy trình soạn thảo theo trình tự, thủ tục rút gọn tiếp tục rút ngắn khi cho phép bỏ qua quy trình xây dựng chính sách và chỉ cần thực hiện soạn thảo chi tiết. Thời gian soạn thảo theo quy trình rút gọn dự kiến giảm từ 7 - 10 tháng xuống còn 1 - 2 tháng.

Giảm thời gian đăng tải, lấy ý kiến công khai

- Không bắt buộc đăng tải công khai với Đề nghị xây dựng chính sách (nhưng bắt buộc tổ chức lấy ý kiến của đối tượng chịu tác động trực tiếp);
- Thời gian đăng tải công khai xin ý kiến Dự thảo Luật sẽ rút ngắn, từ 60 ngày (hiện hành) xuống 20 ngày.

Việc giảm thời gian đăng tải lấy ý kiến công khai đặt ra thách thức từ phía các doanh nghiệp, hiệp hội, những đối tượng chịu tác động trong việc tham gia vào hoạt động góp ý. Điều này đòi hỏi hơn tính chủ động từ các doanh nghiệp trong hoạt động góp ý, vận động chính sách.

Phong cách soạn thảo văn bản quy phạm thay đổi lớn

Phạm vi nội dung văn bản cấp luật đã có sự thu hẹp đáng kể. Theo đó, văn bản luật chỉ quy định các vấn đề mang tính ổn định, có giá trị lâu dài, quy định cụ thể các nội dung liên quan đến quyền con người, quyền nghĩa vụ công dân, tổ tụng tư pháp. Còn các vấn đề quản lý nhà nước, các vấn đề mới thì chỉ quy định nội dung chính sách có tính nguyên tắc, theo quy định tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Quốc hội. Đồng thời, luật cũng không cần xác định cụ thể nội dung quy định chi tiết tại điều, khoản, điểm như trước, theo quy định tại Luật Ban hành VBQPPL.

Ngoài ra, thông tư cũng có thể ban hành thủ tục hành chính mà không hạn chế chỉ trong trường hợp luật giao như trước.

Các thay đổi này cho phép văn bản cấp nghị định và thông tư có không gian tương đối rộng rãi để quy định chi tiết, mà không bị bó hẹp như trước.

2 Hoạt động cắt giảm đơn giản hóa quy định về kinh doanh: Tiếp tục câu hỏi về tính thực chất

Năm 2024, Chính phủ tiếp tục đẩy mạnh hoạt động cải cách thủ tục hành chính. Ngay từ đầu năm, Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 05/01/2024 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 đã chỉ đạo “*đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, chuyển đổi số quốc gia; tăng cường phân cấp, phân quyền gắn với phân bổ nguồn lực phù hợp, nâng cao năng lực thực thi và tăng cường kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực*”. Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ ban hành Kế hoạch hoạt động năm 2024⁷, trong đó yêu cầu đẩy mạnh cải cách hành chính trên cả 06 lĩnh vực với trọng tâm, trọng điểm về thể chế; cải cách thủ tục hành chính; cải cách tổ chức bộ máy hành chính; cải cách chế độ công vụ; cải cách tài chính công; xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số.

Về cải cách quy định thủ tục hành chính, thời gian qua, các bộ tiếp tục thực hiện cắt giảm đơn giản hóa quy định kinh doanh theo Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 12/5/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020 - 2025 và phân cấp giải quyết thủ tục hành chính theo Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt phương án phân cấp trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của các bộ, cơ quan ngang bộ. Đây là hai hoạt động nhận được sự quan tâm và tham gia của doanh nghiệp.

⁷ Quyết định số 42/QĐ-BCĐCCHC của Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ ngày 18/3/2024 về việc Ban hành Kế hoạch hoạt động năm 2024 của Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ.

Đối với hoạt động cắt giảm, đơn giản hóa quy định kinh doanh

Các bộ tiếp tục rà soát, kiến nghị ban hành các Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của mình. Đối với những Dự thảo Phương án lấy ý kiến doanh nghiệp và/ hoặc doanh nghiệp tiếp cận được, chúng tôi nhận thấy về cơ bản các bộ chủ yếu đề xuất các phương án cắt giảm, đơn giản hóa theo các hướng:

Sửa đổi, bãi bỏ một số trường thông tin trong các tài liệu (ví dụ: bãi bỏ trường thông tin ngày cấp, nơi cấp giấy tờ công dân tại mẫu đơn đề nghị cấp lại giấy chứng nhận hành nghề dịch vụ kế toán; sửa đổi người ký tên trên biểu mẫu của thủ tục Đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam thành “người đại diện theo pháp luật” ...);

Bãi bỏ một số tài liệu trong thành phần hồ sơ (ví dụ: bỏ yêu cầu phải có bản sao không cần chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Quyết định thành lập hoặc các quyết định khác có giá trị pháp lý tương đương trong Thủ tục Đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại ở nước ngoài).

Phương án cắt giảm, đơn giản hóa đã có một số đề xuất lớn hơn, như bãi bỏ hoàn toàn một số thủ tục hành chính (ví dụ: cắt giảm thủ tục đối với 5/7 hình thức khuyến mại); giảm số ngày giải quyết thủ tục (ví dụ: giảm số ngày giải quyết thủ tục từ 05 ngày làm việc xuống còn 03 ngày làm việc đối với thủ tục “đổi tên cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu”...);

Nhìn chung, các đề xuất trong các Phương án của các bộ sẽ tạo thuận lợi cho doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính, tuy nhiên, các phương án này dường như chưa thực sự đột phá, triệt để và được như kỳ vọng của doanh nghiệp. Ví dụ, đối với lĩnh vực khuyến mại, Phương án đề xuất và hiện thực hóa tại Nghị định số 128/2024/NĐ-CP ngày 10/10/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2018/NĐ-CP quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại bãi bỏ 5/7 thủ tục liên quan đến khuyến mại, tuy nhiên vẫn yêu cầu phải thực hiện báo cáo sau mỗi chương trình khuyến mại đối với hai loại khuyến mại “*tổ chức chương trình khách hàng thường xuyên, theo đó việc tặng thưởng cho khách hàng căn cứ trên số lượng hoặc trị giá mua hàng hóa, dịch vụ mà khách hàng thực hiện được thể hiện dưới hình thức thẻ khách hàng, phiếu ghi nhận sự mua hàng hóa, dịch vụ hoặc các hình thức khác*” và “*bán hàng, cung ứng dịch vụ có kèm theo phiếu dự thi cho khách hàng để chọn người trao thưởng theo thể lệ và giải thưởng đã công bố (hoặc các hình thức tổ chức thi và trao thưởng khác tương đương)*”. Mặc dù, Nghị định số 128/2024/NĐ-CP⁸ cũng đã quy định loại trừ các trường hợp các loại khuyến mại trên không phải thực hiện thủ tục báo cáo, tuy nhiên việc giữ lại thủ tục đối với các loại hình khuyến mại này là chưa hợp lý, gây khó cho doanh nghiệp. Khuyến mại là phổ biến trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, việc yêu cầu phải thực hiện báo cáo sau mỗi lần thực hiện khuyến mại đối với một số loại hình khuyến mại khiến cho chi phí tuân thủ của doanh nghiệp tăng lên. Doanh nghiệp kỳ vọng sẽ bỏ hoàn toàn thủ tục báo cáo này đối với tất cả các loại khuyến mại.

^[8] Nghị định số 128/2024/NĐ-CP ngày 10/10/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2018/NĐ-CP quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại.

Trong giai đoạn 2020 – 2024, hàng năm, các bộ đều đưa ra Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định về kinh doanh theo chỉ đạo của Nghị quyết số 68/NQ-CP⁹. Dưới góc nhìn của doanh nghiệp, mặc dù các Phương án đã đưa ra những đề xuất có tính cắt giảm, đơn giản hóa, nhưng các đề xuất này vẫn chưa có nhiều đột phá, đổi mới mang tính hình thức, chưa thực chất. Sự băn khoăn về tính thực chất thể hiện ở: (1) những đề xuất mang tính *nhỏ nhặt*, ví dụ: cắt bỏ trường thông tin trong tài liệu; bỏ một số tài liệu mà cơ quan nhà nước có thể tra cứu thông tin; giảm số ngày giải quyết thủ tục hay là giảm số lượng hồ sơ... (2) một số Phương án đưa ra những đề xuất sửa đổi các quy định trên lý thuyết vì thực tế các quy định này đã *không còn hiệu lực* (đã bị bãi bỏ hoặc thay thế do các văn bản cấp trên đã thay đổi);... Những đề xuất dạng này vẫn được tính vào số lượng quy định được cắt giảm, đơn giản hóa trong các con số thống kê hàng năm để xác định có đạt mục tiêu đặt ra – cắt giảm, đơn giản hóa ít nhất 20% số quy định và cắt giảm ít nhất 20% chi phí tuân thủ hay không. Trong khi đó, những đề xuất như bỏ các ngành nghề kinh doanh có điều kiện; bãi bỏ các điều kiện kinh doanh; bỏ hoàn toàn các thủ tục hành chính... mặc dù có được đề xuất, nhưng *rất ít* trong các Phương án.

Vì vậy, để nhận diện chính xác mức độ tác động của các đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa quy định về kinh doanh thực hiện theo Nghị quyết số 68/NQ-CP¹⁰ cần xác định chính xác bao nhiêu quy định kinh doanh bị bãi bỏ, được đơn giản hóa, các quy định kinh doanh bị bãi bỏ, hình thức đơn giản hóa chủ yếu là gì và đánh giá tác động đối với những đề xuất này tới hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp?... Thống kê trong Báo cáo tình hình, kết quả cải cách thủ tục hành chính năm 2024 của Văn phòng Chính phủ vào tháng 01/2025 thì từ năm 2021 đến nay, các bộ, cơ quan cắt giảm, đơn giản hóa là 3.195 quy định kinh doanh tại 281 văn bản quy phạm pháp luật trên tổng số 15.763 quy định kinh doanh, đạt 20,2%, tuy nhiên, doanh nghiệp kỳ vọng cần phân loại rõ hơn các đề xuất, cắt giảm đơn giản hóa từ đó có thể phân tích sâu hơn mức độ tác động của các đề xuất này.

Đối với hoạt động phân cấp, phân quyền

Phân cấp trong giải quyết thủ tục hành chính cũng là một trong những hoạt động được đẩy mạnh. Trong năm 2024, tổng số thủ tục hành chính đã được các bộ, ngành phân cấp là 172 thủ tục hành chính tại 32 văn bản quy phạm pháp luật, từ năm 2022 -2024, đã có 19/21 bộ, cơ quan thực hiện phân cấp 328/699 thủ tục hành chính tại 65 văn bản quy phạm pháp luật¹¹.

Với hoạt động phân cấp, việc phân cấp thẩm quyền cho các địa phương thực hiện các thủ tục sẽ tạo thuận lợi đáng kể cho các doanh nghiệp, nhất là các thủ tục liên quan đến thực hiện dự án đầu tư. Trong thời gian qua, một số văn bản pháp luật quan trọng đã sửa đổi để phân cấp xuống cho địa phương một số thủ tục quan trọng, điển hình như Luật sửa đổi Luật Đầu tư năm 2024 đã phân cấp thẩm quyền từ Thủ tướng Chính phủ xuống Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư của một số dự án; hoặc Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng đã phân cấp thẩm quyền thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi từ cơ quan chuyên môn thuộc bộ xuống cho cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh đối với công trình cấp I trở xuống,...Cộng đồng doanh nghiệp đánh giá rất cao việc phân cấp này.

⁹ Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 12/5/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020 – 2025.

¹⁰ Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 12/5/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020 – 2025.

¹¹ Báo cáo Tình hình thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2024 của Bộ Nội vụ ngày 25/12/2024.

Tuy vậy, trong các phương án về phân cấp và việc sửa đổi các văn bản pháp luật tương ứng, rất nhiều đề xuất phân cấp theo hướng từ người đứng đầu cơ quan xuống cho người đứng đầu đơn vị chuyên môn (từ bộ trưởng xuống cục trưởng, chủ tịch Ủy ban nhân dân xuống giám đốc sở) và giữ nguyên về trình tự, thời gian giải quyết thủ tục. Dưới góc độ của đối tượng thực hiện thủ tục hành chính, thủ tục sau phân cấp gần như không thay đổi, trong khi đáng lẽ ra, việc phân cấp này sẽ giảm các tầng nấc trung gian và thời gian giải quyết thủ tục sẽ rút ngắn.

Một vấn đề khác, thông thường, các Bộ sẽ dựa vào các phương án phân cấp đã được phê duyệt để sửa đổi các văn bản pháp luật tương ứng. Trong quá trình soạn thảo, các bộ thường chỉ sửa các quy định về thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính và điều chỉnh quy trình nếu có sự thay đổi. Cơ quan chủ trì soạn thảo sẽ không xem xét vấn đề khác của văn bản sửa đổi, kể cả việc văn bản đó có nhiều điểm vướng mắc, bất cập. Ví dụ, trong năm 2024, Bộ Ngoại giao chủ trì soạn thảo Dự thảo Quyết định sửa đổi, điều chỉnh một số điều của Quyết định số 06/2020/QĐ-TTg ngày 21/02/2020 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức và quản lý hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam. Dự thảo *chỉ sửa* nội dung liên quan đến phân cấp thẩm quyền giải quyết một số thủ tục trong Quyết định số 06/2020/QĐ-TTg¹² ở cấp địa phương, phân cấp cho “người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh” quyết định. Những sửa đổi tại Dự thảo chỉ giải quyết một phần rất nhỏ các vấn đề của Quyết định số 06/2020/QĐ-TTg, trong khi trong quá trình triển khai, Quyết định này theo phản ánh của các hiệp hội và doanh nghiệp có nhiều vướng mắc, bất cập, nhất là về trình tự, thủ tục hành chính, gây khó khăn cho đối tượng áp dụng. Tuy nhiên những vướng mắc này không được cân nhắc sửa đổi trong lần soạn thảo này. Điều đó cho thấy, hoạt động soạn thảo các văn bản với mục tiêu tạo thuận lợi cho doanh nghiệp, người dân về thủ tục hành chính, đôi khi còn máy móc – chỉ sửa đổi những gì được phê duyệt mà không cân nhắc, xem xét các vấn đề khác. Điều này cũng gây ra tình trạng lãng phí vì phải soạn thảo nhiều lần để giải quyết các vướng mắc, bất cập, trong khi có thể giải quyết trong một lần.

Trong gần 10 năm trở lại đây, Chính phủ có những đợt rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa quy định kinh doanh và những hoạt động này đã phát huy khá tốt, môi trường đầu tư kinh doanh vì thế thuận lợi hơn (năm 2016, hàng trăm điều kiện kinh doanh được bãi bỏ hoặc đơn giản hóa, các điều kiện kinh doanh tại thông tư đã được quy định tại nghị định; Danh mục ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện tại Luật Đầu tư từ 2014 đến 2016, 2020 thay đổi theo hướng thu hẹp các ngành nghề trong Danh mục;...). Những hoạt động này cũng khiến cho các nhà làm chính sách thay đổi về tư duy soạn thảo. Xét một cách công bằng, hệ thống pháp luật kinh doanh của nước ta có nhiều tín hiệu tích cực hơn trước đây. Mặc dù vậy, sau mỗi đợt rà soát, cải cách, *câu hỏi về tính thực chất của hoạt động này luôn đặt ra*. Bởi các đề xuất cắt giảm từ phía các bộ đôi khi còn mang tính hình thức, chưa có đánh giá tác động cụ thể nào về các cắt giảm này đối với hoạt động sản xuất kinh doanh. Hơn nữa, việc rà soát các quy định hiện có, nhưng kiểm soát các quy định ban hành mới chưa thực sự chú trọng, do đó, xét trong tổng thể, số quy định tạo gánh nặng cho doanh nghiệp có thể chưa thực sự giảm như các tỷ lệ mà bộ đưa ra. Đây được xem là một thách thức của các đợt rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa các quy định kinh doanh tiếp theo.

Tổng Bí thư Tô Lâm đã có chỉ đạo cần tiếp tục cải cách thể chế, cải thiện môi trường kinh doanh mạnh mẽ, cần bỏ ít nhất 30% điều kiện kinh doanh hiện có, giảm ít nhất 30% thời gian xử lý thủ tục hành chính và chi phí kinh doanh, chi phí không chính thức, phấn đấu trong 2-3 năm tới, môi trường đầu tư của Việt Nam nằm trong nhóm 3 nước đứng đầu ASEAN. Hiện nay Chính phủ đang rất quyết liệt triển khai chương trình cải cách theo định hướng này, hy vọng thời gian tới Việt Nam sẽ có những thay đổi mạnh mẽ và thực chất hơn nữa.

¹² Quyết định số 06/2020/QĐ-TTg ngày 21/02/2020 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức và quản lý hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam (Quyết định số 06/2020/QĐ-TTg).

3 Cơ chế quản lý đầu tư kinh doanh: Điểm sáng và những băn khoăn đan xen

Trong xu hướng cải cách thể chế đang được thúc đẩy mạnh mẽ như hiện nay, doanh nghiệp ghi nhận những chuyển động tích cực trong hoạt động soạn thảo chính sách. Năm 2024, có nhiều điểm sáng về chính sách mà cộng đồng doanh nghiệp đánh giá rất cao, cụ thể:

Thủ tục đầu tư đặc biệt:

Luật số 57/2024/QH15 sửa đổi Luật Đầu tư, đã bổ sung thủ tục đầu tư đặc biệt đối với một số lĩnh vực ưu tiên, trọng tâm¹³. Theo đó, khi nhà đầu tư đầu tư vào những lĩnh vực này trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung, khu thương mại tự do và khu chức năng trong khu kinh tế chỉ cần xin cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và giấy phép về môi trường, còn lại không phải thực hiện các thủ tục đầu tư thông thường khác (thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư, thẩm định công nghệ, lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, lập quy hoạch chi tiết, cấp Giấy phép xây dựng và các thủ tục để được phê duyệt, chấp thuận, cho phép trong lĩnh vực xây dựng, phòng cháy, chữa cháy). Đây là một bước đột phá mạnh mẽ trong việc rút ngắn quy trình đầu tư và dự đoán sẽ thu hút được các nhà đầu tư chiến lược trong những lĩnh vực trọng tâm.

¹³ Đầu tư xây dựng trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm nghiên cứu và phát triển R&D; đầu tư trong lĩnh vực công nghiệp mạch tích hợp bán dẫn, công nghệ thiết kế, chế tạo linh kiện, vi mạch điện tử tích hợp (IC), điện tử linh hoạt (PE), chip, vật liệu bán dẫn ...; Đầu tư trong lĩnh vực công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển, sản xuất sản phẩm thuộc danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Giải quyết những điểm vướng trên thực tiễn

Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 171/2024/QH15 về thí điểm thực hiện dự án nhà ở thương mại thông qua thỏa thuận về nhận quyền sử dụng đất hoặc đang có quyền sử dụng đất, cho phép thí điểm thực hiện dự án nhà ở thương mại thông qua thỏa thuận về quyền sử dụng đất. Theo đó, dự án của tổ chức kinh doanh bất động sản nhận quyền sử dụng đất/đang có quyền sử dụng đất không phải là đất ở sẽ được thực hiện dự án nhà ở thương mại trong một số trường hợp. Tổng diện tích đất ở trong các (bao gồm đất ở hiện hữu và đất dự kiến chuyển mục đích sử dụng đất thành đất ở) không vượt quá 30% của phần diện tích đất ở tăng thêm trong kỳ quy hoạch (so với hiện trạng sử dụng đất ở) theo phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai trong quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030 đã được phê duyệt. Việc ban hành quy định thí điểm này đã phần nào giải quyết được những điểm vướng trong thời gian qua, khi nhà đầu tư đang có/nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất không phải đất ở không thể thực hiện dự án xây dựng nhà ở thương mại vì thiếu cơ chế. Mới đây, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 75/2025/NĐ-CP¹⁴ để hướng dẫn Nghị quyết số 171/2024/NQ15¹⁵.

Cũng liên quan đến đất đai, năm 2024, Quốc hội ban hành Nghị quyết số 170/2024/QH15 quy định cơ chế, chính sách đặc thù để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc đối với các dự án, đất đai trong kết luận thanh tra, kiểm tra, bản án tại thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Đà Nẵng và tỉnh Khánh Hòa. Nghị quyết này đã đưa ra các hướng giải quyết đối với các dự án đầu tư có sử dụng đất tại 03 tỉnh thành phố này và đây được xem là giải pháp thích hợp để đảm bảo hài hòa lợi ích giữa các bên. Chính phủ cũng đã ban hành Nghị định số 76/2025/NĐ-CP¹⁶ hướng dẫn Nghị quyết này.

Bên cạnh những chính sách có tính đột phá, thể hiện tư duy tích cực, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, năm 2024 vẫn có một số chính sách đưa đến những băn khoăn:

Thủ tục gia nhập thị trường chưa thực sự thuận lợi

Theo quy định tại Luật Công chứng 2024, để thành lập văn phòng công chứng phải thực hiện theo hai bước: 1) để nghị cấp phép thành lập văn phòng công chứng; 2) đăng ký hoạt động sau khi có quyết định thành lập. Cả hai hoạt động này đều thực hiện tại Sở Tư pháp. Thiết kế thủ tục theo hai bước lần lượt như này là không cần thiết và khiến cho thủ tục gia nhập thị trường trong lĩnh vực này dài, phức tạp. Trên thực tế, có thể gộp chung hai thủ tục này làm một, cơ quan quản lý sẽ xem xét điều kiện thành lập trong một lần nộp hồ sơ và áp dụng cơ chế “hậu kiểm” để xác định trong quá trình hoạt động, văn phòng công chứng có đáp ứng các điều kiện hoạt động hay không.

¹⁴ Nghị định số 75/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 171/2024/QH15 ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội về thí điểm thực hiện dự án nhà ở thương mại thông qua thỏa thuận về nhận quyền sử dụng đất hoặc đang có quyền sử dụng đất.

¹⁵ Nghị quyết số 171/2024/QH15 ngày 30/11/2024 của Quốc hội về thí điểm thực hiện dự án nhà ở thương mại thông qua thỏa thuận về nhận quyền sử dụng đất hoặc đang có quyền sử dụng đất.

¹⁶ Nghị định số 76/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết Nghị quyết số 170/2024/QH15 ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội về cơ chế, chính sách đặc thù để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc đối với các dự án, đất đai trong kết luận thanh tra, kiểm tra, bản án tại Thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Đà Nẵng và tỉnh Khánh Hòa.

Biện pháp quản lý quá mức cần thiết

Về nguyên tắc, khi xác định một ngành nghề kinh doanh là ngành nghề kinh doanh có điều kiện, cần phải xác định được những lợi ích công cộng (bao gồm: quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe cộng đồng) nào mà ngành nghề kinh doanh đó tác động và Nhà nước muốn kiểm soát. Hiện nay, khi xây dựng chính sách, các nhà soạn thảo chính sách dường như không quá tập trung vào yếu tố giải trình này, chính vì vậy việc xác định các biện pháp quản lý bằng điều kiện kinh doanh là chưa chính xác. Vô hình trung, tạo gánh nặng về chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp.

Tàu bay không người lái (UAV) là phương tiện bay điều khiển từ xa hoặc tự động, không cần phi công ngồi trên máy bay. Ban đầu, UAV chủ yếu được sử dụng trong quân sự để thực hiện nhiệm vụ do thám và tấn công từ xa. Ngày nay, ứng dụng của UAV đã mở rộng sang nhiều lĩnh vực dân sự như nông nghiệp, giao thông, quay phim, giám sát môi trường, và cứu hộ.

Trong nông nghiệp, UAV giúp nông dân giám sát cây trồng, phun thuốc bảo vệ thực vật và thu thập dữ liệu về đất đai một cách chính xác. Trong ngành công nghiệp điện ảnh, UAV cho phép quay phim và chụp ảnh từ trên cao, tạo ra những góc nhìn độc đáo và ấn tượng. Ngoài ra, trong lĩnh vực giao thông, UAV được sử dụng để giám sát tình trạng giao thông, hỗ trợ điều tiết và giảm thiểu ùn tắc.

UAV cũng đóng vai trò quan trọng trong việc giám sát môi trường, giúp theo dõi chất lượng không khí, nước và phát hiện các hiện tượng bất thường như cháy rừng. Trong các hoạt động cứu hộ, UAV có thể nhanh chóng tiếp cận những khu vực khó khăn, cung cấp hình ảnh và thông tin quan trọng để hỗ trợ cứu nạn.

Công nghệ UAV ngày càng phát triển với khả năng tự động hóa cao, giúp chúng thực hiện các nhiệm vụ phức tạp một cách hiệu quả.

Việc sử dụng tàu bay không người lái và phương tiện bay siêu nhẹ tác động tới một số lợi ích công cộng như: uy hiếp an toàn hàng không và đe dọa quốc phòng, an ninh. UAV có thể được dùng cho nhiều nhiệm vụ như trinh sát, chỉ thị mục tiêu, và thậm chí là tấn công. Các nguy cơ này chủ yếu xuất phát từ hoạt động sử dụng UAV hơn là từ khâu sản xuất hay kinh doanh. Do đó, việc áp dụng các biện pháp kiểm soát chặt chẽ đối với sản xuất UAV bằng điều kiện kinh doanh là quá mức cần thiết.

UAV có ảnh hưởng sâu rộng đến kinh tế, xã hội và quân sự. Việc phát triển ngành công nghiệp UAV trong nước có thể mang lại nhiều lợi ích, từ thúc đẩy kinh tế đến đảm bảo an ninh và nhu cầu quốc phòng. Các doanh nghiệp nội địa có thể giúp chuyển giao công nghệ từ quân sự sang dân sự và ngược lại. Do đó, chính sách quản lý thông thoáng sẽ tạo điều kiện thuận lợi để thúc đẩy mục tiêu này.

Tư duy “tiền kiểm” vẫn còn nặng nề trong các chính sách quản lý

Trong quá trình hoạt động, việc chuyển nhượng phần vốn góp, mua bán doanh nghiệp diễn ra thường xuyên. Theo quy định của pháp luật doanh nghiệp, việc chuyển nhượng phần vốn góp, mua bán doanh nghiệp được các bên tự thực hiện, không phải xin phép và chỉ phải thực hiện thủ tục với cơ quan quản lý nhà nước khi đã hoàn tất.

Mặc dù tính chất hoạt động như doanh nghiệp, nhưng văn phòng công chứng khi hoạt động lại chịu khá nhiều ràng buộc khi thực hiện chuyển nhượng toàn bộ vốn góp của toàn bộ thành viên hợp danh của Văn phòng công chứng, mua bán doanh nghiệp tư nhân. Thực chất, đây là hoạt động mua bán doanh nghiệp. Theo quy định tại Luật Công chứng 2024, khi thực hiện hoạt động mua bán này, văn phòng công chứng phải xin phép sự chấp thuận của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Công chứng là hoạt động gắn với trách nhiệm cá nhân và hoạt động này ảnh hưởng đến tính an toàn, tin cậy của các giao dịch trên thị trường, vì vậy cơ chế quản lý chặt chẽ là phù hợp. Nhưng yêu cầu phải xin phép các hoạt động chuyển nhượng phần vốn góp, mua bán doanh nghiệp trên là quá mức cần thiết. Bởi, Luật Công chứng đã có những quy định điều kiện của bên nhận chuyển nhượng, bên mua và trách nhiệm của công chứng viên về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của văn phòng công chứng phát sinh trong thời gian trước ngày chuyển giao văn phòng công chứng. Những quy định này đã đảm bảo kiểm soát những rủi ro của hoạt động chuyển giao, vì vậy yêu cầu phải cấp phép trước khi thực hiện các hoạt động này tạo thêm thủ tục và chi phí tuân thủ của văn phòng công chứng.

Sự ngập ngừng trong chuyển đổi quản lý theo cơ chế thị trường

Xăng dầu hiện nay được điều chỉnh bởi các quy định của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP¹⁷, Nghị định số 08/2018/NĐ-CP¹⁸, Nghị định số 95/2021/NĐ-CP¹⁹, Nghị định số 80/2023/NĐ-CP²⁰. Đây là loại hàng hóa có vai trò quan trọng đối với nền kinh tế, an ninh năng lượng và đời sống xã hội. Vì vậy, Nhà nước áp dụng cơ chế quản lý theo hướng can thiệp mạnh mẽ vào thị trường như: đặt ra điều kiện kinh doanh và cấp phép đối với các thương nhân kinh doanh xăng dầu; kiểm soát giá bán lẻ xăng dầu; yêu cầu doanh nghiệp đầu mối phải dự trữ lưu thông; giới hạn về hoạt động mua bán xăng dầu giữa các thương nhân...

Từ Nghị định số 83/2014/NĐ-CP đến các Nghị định sau này, các chính sách quản lý về xăng dầu đã có những điều chỉnh theo hướng nới lỏng hơn điều kiện kinh doanh (Nghị định số 08/2018/NĐ-CP đã bỏ yêu cầu thương nhân đầu mối phải sở hữu hoặc đồng sở hữu kho tiếp nhận xăng, phương tiện vận tải xăng dầu, thay vào đó thương nhân đầu mối có thể được thuê các cơ sở vật chất này,...); điều chỉnh quy định về điều hành giá xăng dầu theo hướng linh hoạt hơn (giảm chu kỳ điều hành giá từ 15 ngày xuống còn 10 ngày, bổ sung cơ chế điều chỉnh giá linh hoạt; thay đổi phương thức tính giá cơ sở...); cho phép doanh nghiệp bán lẻ lấy hàng từ nhiều nguồn...

¹⁷ Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

¹⁸ Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

¹⁹ Nghị định số 95/2021/NĐ-CP ngày 01/11/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 về kinh doanh xăng dầu.

²⁰ Nghị định số 80/2023/NĐ-CP của Chính phủ: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2021/NĐ-CP ngày 01/11/2021 và Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

Trong vòng 10 năm, các quy định về quản lý xăng dầu đã nhiều lần điều chỉnh và theo hướng sát hơn với thị trường. Có thể nhận thấy, mỗi lần sửa đổi, chỉ tập trung sửa đổi theo một số yêu cầu trong một số bối cảnh đặc biệt (chẳng hạn, Nghị định số 08/2018/NĐ-CP sửa đổi trong bối cảnh thực hiện hoạt động rà soát cắt giảm các điều kiện kinh doanh nên các sửa đổi tập trung chủ yếu vào điều kiện kinh doanh; Nghị định số 80/2023/NĐ-CP sửa đổi trong bối cảnh năm 2023 nước ta có giai đoạn thị trường bị thiếu hụt nguồn cung xăng dầu nên các sửa đổi tập trung vào chu kỳ điều hành giá, cho phép doanh nghiệp bán lẻ lấy hàng từ nhiều nguồn; quy định về trách nhiệm đảm bảo nguồn cung của thương nhân đầu mối ...).

Trên thực tế, các quy định về quản lý xăng dầu trong pháp luật hiện hành đã phát sinh bất cập và chưa phù hợp với yêu cầu phát triển trong bối cảnh hiện nay, do đó cần thiết phải xem xét và sửa đổi một cách toàn diện Nghị định số 83/2014/NĐ-CP. Năm 2024, Bộ Công Thương đã chủ trì soạn thảo Dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 83/2014/NĐ-CP. Dự thảo này đã có hướng tiếp cận mới hơn, quản lý xăng dầu theo hướng gần hơn với thị trường, có sự điều tiết hợp lý của nhà nước.

Tuy vậy, doanh nghiệp vẫn cảm nhận thấy sự dè dặt trong việc thay đổi cơ chế quản lý trước đây. Yếu tố kiểm soát quá mức của Nhà nước đối với loại hàng hóa này vẫn còn khá rõ. Dự thảo hạn chế quyền của các thương nhân phân phối mua bán xăng dầu với nhau. Cơ quan soạn thảo có thể có nhiều lý do để hạn chế việc này (lo ngại về việc mua bán xăng dầu qua nhiều tầng nấc trung gian, khiến giá xăng dầu lên cao hoặc lo ngại về số liệu thống kê không chính xác). Tuy nhiên, Nhà nước có thể kiểm soát được số liệu xăng dầu lưu thông trên thị trường thông qua hóa đơn bán hàng, yêu cầu kết nối dữ liệu của thương nhân đầu mối..., còn các tầng nấc trung gian khiến cho giá xăng dầu lên cao là lý do chưa thuyết phục và đi ngược lại quy luật của thị trường. Các bên trên thị trường bán buôn xăng dầu có xu hướng ưu tiên mua của những thương nhân có giá thấp hơn.

Việc mua bán xăng dầu của các thương nhân phân phối là thể hiện quyền tự do kinh doanh, là nhu cầu cạnh tranh trên thị trường được ghi nhận tại pháp luật doanh nghiệp, pháp luật cạnh tranh, quy định hạn chế này có thể là không thích hợp với quan điểm cơ chế quản lý xăng dầu cần tiến gần hơn với thị trường.

Liên quan đến nguyên tắc điều chỉnh giá xăng dầu, cũng có một số điều chỉnh về công thức giá bán xăng dầu, trong đó Nhà nước sẽ quy định chi phí kinh doanh định mức, doanh nghiệp sẽ tự tính giá bán theo công thức và quyết định giá bán buôn, bán lẻ không cao hơn giá bán tính theo công thức này. Đây được xem là nỗ lực của cơ quan soạn thảo, để đảm bảo quy định này phù hợp với pháp luật về giá, khi không còn quy định giá trần của mặt hàng xăng dầu. Tuy nhiên, việc thay đổi này vẫn đưa đến những băn khoăn cho doanh nghiệp vì Nhà nước vẫn kiểm soát giá xăng dầu. Điều doanh nghiệp cần là tự quyết định giá bán không có giá trần. Nhà nước có thể kiểm soát với các yêu cầu về công khai, minh bạch về giá để người tiêu dùng lựa chọn và khi thị trường biến động, Nhà nước có thể áp dụng các biện pháp bình ổn giá theo quy định của pháp luật về giá.

4 Các chính sách về tài chính: Một năm sôi động và tích cực

Năm 2024 ghi nhận sự tích cực đến từ hoạt động soạn chính sách trong lĩnh vực tài chính, thuế. Hàng loạt văn bản pháp luật quan trọng về thuế, phí đã được sửa đổi, bổ sung. Đây là những văn bản tác động lớn cộng đồng kinh doanh và nhận được sự quan tâm và theo dõi sát sao của doanh nghiệp.

Năm 2024, Nhà nước tiếp tục các chính sách miễn giảm thuế phí để hỗ trợ doanh nghiệp, kích thích phát triển. Các chính sách miễn giảm đáng chú ý trong năm gồm:

- Giảm thuế bảo vệ môi trường đối với xăng dầu theo Nghị quyết số 42/2023/UBTVQH15;
- Giảm 2% thuế giá trị gia tăng (GTGT) cho một số hàng hóa, dịch vụ theo Nghị quyết số 110/2023/QH15 và Nghị quyết 142/2024/QH15;
- Gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng (GTGT), thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN), thuế thu nhập cá nhân (TNCN) và tiền thuê đất theo Nghị định số 64/2024/NĐ-CP;
- Gia hạn thuế tiêu thụ đặc biệt đối với ô tô sản xuất, lắp ráp trong nước theo Nghị định 65/2024/NĐ-CP;
- Giảm 50% từ tháng 9 đến tháng 11/2024 đối với lệ phí trước bạ cho ô tô sản xuất, lắp ráp theo Nghị định số 109/2024/NĐ-CP;
- Giảm mức thu của 36 khoản phí và lệ phí từ ngày 01/7/2024 đến hết ngày 31/12/2024 theo Thông tư số 43/2024/TT-BTC;
- Giảm phí, lệ phí từ 10% đến 50% đối với việc sử dụng dịch vụ công trực tuyến theo Thông tư số 63/2023/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Trong bối cảnh kinh tế toàn cầu đang phục hồi chậm sau đại dịch và các biến động kinh tế khác, các chính sách miễn giảm thuế và lệ phí mà Đảng, Quốc hội, Chính phủ thực hiện trong năm 2024 đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ doanh nghiệp và người dân. Những chính sách này không chỉ giúp giảm gánh nặng tài chính cho doanh nghiệp mà còn kích thích tiêu dùng và đầu tư, từ đó thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Cộng đồng doanh nghiệp đánh giá rất cao các chính sách miễn giảm này, thể hiện sự đồng hành của Nhà nước đối với cộng đồng kinh doanh.

Bên cạnh, những chính sách miễn giảm thuế, 2024 cũng là năm có nhiều luật thuế lớn được kiến nghị sửa đổi, bổ sung như Luật thuế GTGT, Luật thuế thu nhập cá nhân, Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt. Đây là các đạo luật tác động rất lớn tới cộng đồng doanh nghiệp và nhận được sự quan tâm rất lớn của doanh nghiệp.

Một điểm có thể nhận thấy, một số sửa đổi, bổ sung tại các luật thuế đang hướng tới sự hoàn thiện thống nhất các quy định điều chỉnh liên quan đến kinh tế số và thương mại điện tử. Chẳng hạn, Luật thuế GTGT quy định rõ trách nhiệm nộp thuế của các nhà cung cấp nước ngoài không có cơ sở tại Việt Nam và các tổ chức quản lý nền tảng số, đồng thời yêu cầu các sàn giao dịch thương mại điện tử phải khấu trừ và nộp thuế thay cho hộ kinh doanh và cá nhân kinh doanh trên sàn. Luật thuế thu nhập cá nhân được sửa đổi, bổ sung quy định liên quan đến quản lý thuế trong lĩnh vực thương mại điện tử và nền tảng số. Theo đó, các tổ chức quản lý sàn thương mại điện tử và nền tảng số có chức năng thanh toán sẽ chịu trách nhiệm khấu trừ, nộp thuế thay, và kê khai thuế cho các giao dịch kinh doanh của hộ kinh doanh và cá nhân trên nền tảng của họ. Đối với các nhà cung cấp nước ngoài, họ có nghĩa vụ tự thực hiện hoặc ủy quyền cho việc đăng ký, khai báo, và nộp thuế tại Việt Nam. Trong trường hợp hộ kinh doanh và cá nhân không thuộc diện khấu trừ và nộp thuế thay, họ phải tự mình thực hiện các nghĩa vụ thuế. Những thay đổi này nhằm tăng cường quản lý thuế trên các nền tảng thương mại điện tử và đảm bảo thu thuế đầy đủ từ các hoạt động kinh doanh trực tuyến.

Đây là vấn đề đã được thảo luận và có những tranh luận trong thời gian dài giữa cơ quan quản lý với các doanh nghiệp sàn thương mại điện tử. Từ phía doanh nghiệp có những băn khoăn về chi phí vận hành sẽ gia tăng khi phải thực hiện nghĩa vụ này và cuối cùng chi phí này sẽ được chuyển vào chi phí của người bán trên sàn và cho khách hàng. Trên thực tế, một số cửa hàng trên sàn thương mại điện tử đã thông báo về tăng giá sản phẩm và khuyến khích người mua chuyển sang đặt hàng ở các nền tảng khác để có giá thấp hơn tính từ thời điểm chính sách này được áp dụng.

Một điểm đáng chú ý và nhận được sự quan tâm, thảo luận sôi nổi của doanh nghiệp đó là các chính sách dự kiến của Dự thảo Luật sửa đổi Luật thuế tiêu thụ đặc biệt. Hiếm có dự luật nào có những ý kiến tranh luận, phản biện mạnh mẽ như Luật thuế tiêu thụ đặc biệt. Từ việc đưa vào hay đưa ra các mặt hàng dự kiến đánh thuế, đến phương pháp đánh thuế cũng như lộ trình tăng thuế. Nếu như năm 2023, doanh nghiệp có ý kiến mạnh mẽ về việc đánh thuế tiêu thụ đặc biệt đối với game online và phương pháp tính thuế đối với mặt hàng rượu, bia, thì năm 2024 vấn đề doanh nghiệp quan tâm là lộ trình tăng thuế đối với các mặt hàng rượu, bia, thuốc lá.

Dự thảo luật đang dự kiến tăng thuế đối với các mặt hàng này từ năm 2026 và tăng dần để đạt đến mức tối đa đến năm 2030 (rượu từ 20 độ trở lên, bia từ năm 2026 mức thuế 80%, mỗi năm tăng 5% và đến năm 2030 là 100%; thuốc lá điều từ 2026 là mức 5.000 đồng/bao, mỗi năm tăng 1000 đồng/bao, từ năm 2030 là 10.000 đồng/bao). Các doanh nghiệp đồng tình với việc tăng thuế đối với các mặt hàng này nhằm hạn chế tiêu dùng, tuy nhiên với lộ trình tăng thuế áp dụng ngay trong năm sau và tăng đều trong các năm đưa đến những quan ngại cho doanh nghiệp. Việc tăng thuế tiêu thụ đặc biệt có thể mang lại nguồn thu ngân sách trong ngắn hạn, nhưng sẽ làm suy giảm nhu cầu tiêu dùng, giảm lợi nhuận của doanh nghiệp và hạn chế đầu tư dài hạn.

Theo Báo cáo nghiên cứu dự thảo tăng thuế TTĐB đối với mặt hàng bia được thực hiện bởi ba Viện (Viện nghiên cứu chiến lược và chính sách Công Thương – Bộ Công Thương, Viện nghiên cứu Đồ uống Việt Nam và nhóm nghiên cứu của Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương và Tổng cục thống kê) việc tăng thuế TTĐB theo 2 Phương án của Cơ quan soạn thảo có thể làm sụt giảm GDP lần lượt là 14.276 tỷ đồng tương đương 0,0354% (phương án 1) và 32.525 tỷ đồng, tương đương 0,08% (phương án 2), thu nhập người lao động giảm

khoảng 3.422 – 4.585 tỷ đồng trong giai đoạn 2026-2030.

Mặt khác, việc tăng thuế tiêu thụ đặc biệt đột ngột có thể tạo ra những tác động ngoài mong muốn như kích thích buôn lậu, sản xuất phi chính thức và giảm thu ngân sách nhà nước. Tăng thuế cũng có thể làm gia tăng chênh lệch giá giữa sản phẩm hợp pháp và hàng nhập lậu, khiến người tiêu dùng chuyển sang các sản phẩm không được kiểm soát chất lượng, gây rủi ro cho sức khỏe cộng đồng.

Doanh nghiệp không phản đối tăng thuế, chỉ mong muốn trì hoãn thời hạn tăng thuế đối với rượu, bia đến năm 2028 và áp dụng tăng thuế mỗi năm 5%; giảm mức thuế tuyệt đối đánh vào hàng thuốc lá, đồng thời kiến nghị tăng cường kiểm soát buôn lậu và hàng giả để bảo vệ doanh nghiệp và người tiêu dùng.

5 Giao dịch liên kết: Giải quyết vướng mắc, nhưng chưa đủ

Nghị định số 132/2020/NĐ-CP²¹ được ban hành ngày 5/11/2020 nhằm quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết. Mục tiêu chính của nghị định là ngăn ngừa hành vi chuyển giá, bảo đảm nguyên tắc giao dịch độc lập và bảo vệ nguồn thu ngân sách nhà nước. Nghị định cũng góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật thuế phù hợp với thông lệ quốc tế và các cam kết của Việt Nam trong khuôn khổ BEPS của OECD.

Mặc dù, so với Nghị định số 20/2017/NĐ-CP²², Nghị định số 132/2020/NĐ-CP đã sửa đổi nhiều quy định chưa phù hợp trong thực tiễn (ví dụ: miễn nghĩa vụ lập hồ sơ nếu doanh thu dưới 50 tỷ đồng và tổng các giao dịch liên kết dưới 30 tỷ đồng trong kỳ tính thuế; Duy trì trần khống chế chi phí lãi vay như Nghị định số 68/2020/NĐ-CP²³ (với tỷ lệ 30% EBIT), thay vì mức cũ 20% theo Nghị định số 20/2017/NĐ-CP, giúp giảm bớt áp lực tài chính cho doanh nghiệp vay vốn để đầu tư; ...), nhưng vẫn còn một số quy định gây khó cho các doanh nghiệp trong hoạt động đầu tư, kinh doanh như: Xác định giao dịch giữa các doanh nghiệp với ngân hàng là giao dịch liên kết, từ đó loại trừ chi phí lãi vay vượt mức trần cho phép quy định tại Điều 5.2.b; Điều 16.3.a (tổng chi phí lãi vay sau khi trừ lãi tiền gửi và lãi cho vay phát sinh trong kỳ của người nộp thuế được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp không vượt quá 30% của tổng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trong kỳ cộng chi phí lãi vay sau khi trừ lãi tiền gửi và lãi cho vay phát sinh trong kỳ cộng chi phí khấu hao phát sinh trong kỳ của người nộp thuế).

Trong năm 2022 và 2023, mặt bằng lãi suất cho vay trên thị trường tăng mạnh khiến chi phí lãi vay của nhiều doanh nghiệp vượt mức giới hạn cho phép. Trong hoàn cảnh đó, quy định trên tại Nghị định số 132/2020/NĐ-CP khiến các doanh nghiệp chịu khó khăn kếp, vừa phải trả lãi nhiều hơn cho ngân hàng, nhưng không được khấu trừ thuế cho phần chi phí này. Vấn đề này tác động mạnh đến các doanh nghiệp sử dụng nhiều vốn trong các lĩnh vực như hạ tầng, sản xuất, chế biến, chế tạo... Lãi suất của khoản vay này tương ứng với mức bình quân của thị trường, hai bên không có biểu hiện cố tình nâng chi phí lãi vay để giảm nghĩa vụ thuế phải nộp.

Ngay từ đầu năm 2024, VCCI đã có Công văn gửi Thủ tướng Chính phủ đề nghị sớm có giải pháp tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, trong thời gian chờ sửa đổi Nghị định số 132/2020/NĐ-CP.

²¹ Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05/11/2020 của Chính phủ quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết.

²² Nghị định số 20/2017/NĐ-CP ngày 04/2/2017 của Chính phủ quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết.

²³ Nghị định số 68/2020/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 8 Nghị định số 20/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017 của Chính phủ quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết.

Liên quan đến những vướng mắc của các quy định về giao dịch liên kết, Bộ Tài chính cũng đã nhận thấy vấn đề này và có văn bản lấy ý kiến về việc sửa đổi Nghị định số 132/2020/NĐ-CP theo hướng loại trừ quan hệ liên kết giữa ngân hàng và doanh nghiệp tại Điều 5.2.d của Nghị định. Dự thảo Nghị định sửa đổi Nghị định số 132/2020/NĐ-CP và sau này là Nghị định số 20/2025/NĐ-CP đã sửa đổi Điều 5.2.d theo các kiến nghị của cộng đồng doanh nghiệp loại bỏ các giao dịch giữa ngân hàng và doanh nghiệp là giao dịch liên kết. Điều này cho thấy sự lắng nghe và tinh thần cầu thị của cơ quan soạn thảo và vai trò ngày càng mạnh mẽ của doanh nghiệp trong hoạt động góp ý xây dựng chính sách.

Tuy vậy, quy định về trần chi phí lãi vay 30% EBIT đối với giao dịch trong nước, không có chênh lệch thuế suất tại Điều 16.3 Nghị định số 132/2020/NĐ-CP vẫn chưa được sửa đổi. Một trong những mục đích của việc bị giới hạn chi phí vốn vay tại quy định này, được suy đoán là nhằm chống lại tình trạng “vốn mòng” của doanh nghiệp. Hạn chế vốn mòng giúp bảo đảm an ninh an toàn tài chính, tránh tình trạng doanh nghiệp lớn vay nợ quá nhiều, không bảo đảm các tỷ lệ an toàn và dễ dẫn đến mất thanh khoản khi có biến động ngoài kỳ vọng. Tuy nhiên, sử dụng công cụ quản lý thuế cho mục tiêu chính sách này chưa thực sự phù hợp trong bối cảnh của Việt Nam.

Việc chống “vốn mòng” và bảo đảm an toàn tài chính cho ngân hàng, doanh nghiệp lớn nên thực hiện theo pháp luật về quản lý thị trường tín dụng. Luật Các tổ chức tín dụng 2024 đã có nhiều quy định phù hợp, như Điều 136 hạn chế tỷ lệ cấp tín dụng tập trung và Điều 153 yêu cầu các giao dịch liên kết tuân thủ nguyên tắc độc lập, bình đẳng.

Việc áp dụng giới hạn chi phí lãi vay cố định ở mức 30% EBITDA có thể gây méo mó thị trường tín dụng. Trong nhiều trường hợp, doanh nghiệp vay vốn với lãi suất thị trường, đúng nguyên tắc giao dịch độc lập, nhưng vẫn bị khống chế chi phí lãi vay một cách cứng nhắc.

Thực tế, các ngành sản xuất và hạ tầng thường có đòn bẩy tài chính cao, với nhu cầu vốn lớn và thời gian hoàn vốn dài. Việc doanh nghiệp mẹ cho vay hoặc bảo lãnh cho doanh nghiệp con là hình thức tài trợ phổ biến. Do đó, quy định khống chế chi phí lãi vay nếu áp dụng cứng nhắc sẽ trở thành rào cản cho các tập đoàn trong việc huy động vốn nội bộ để triển khai các dự án lớn, ảnh hưởng đến năng lực cạnh tranh và tiến trình công nghiệp hóa. Trong khi đó, các quy định tín dụng hiện hành đã đủ để kiểm soát rủi ro vốn mòng một cách hiệu quả hơn.

Mặt khác, không có cam kết quốc tế nào buộc Việt Nam phải áp dụng trần chi phí lãi vay một cách bình đẳng cho cả giao dịch liên kết nội địa và quốc tế. Đây là một hiểu lầm phổ biến trong các cuộc thảo luận về quản lý giao dịch liên kết tại Việt Nam.

Các hiệp định tránh đánh thuế hai lần của Việt Nam có điều khoản “chống phân biệt đối xử”, nhưng theo hướng dẫn của OECD, điều khoản này không ngăn cản quốc gia áp dụng quy định vốn mòng riêng cho giao dịch liên kết quốc tế, miễn là tuân thủ nguyên tắc giao dịch độc lập. OECD cũng khẳng định trong điểm hành động 4 của BEPS rằng việc áp dụng giới hạn khấu trừ lãi vay là tùy chọn với từng nước, đặc biệt đối với các doanh nghiệp liên kết trong nước.

Thực tiễn quốc tế cho thấy nhiều quốc gia chỉ áp dụng trần lãi vay với các doanh nghiệp có giao dịch liên kết xuyên biên giới. Ví dụ, Úc áp dụng mức khống chế 30% EBITDA cho các doanh nghiệp có yếu tố nước ngoài, còn doanh nghiệp nội địa không bị ràng buộc. Ấn Độ cũng chỉ giới hạn khấu trừ lãi vay với các khoản vay từ doanh nghiệp liên kết nước ngoài.

Điểm then chốt là việc kiểm soát lãi vay nhằm ngăn ngừa chuyển giá, tập trung vào giao dịch liên kết quốc tế vốn có rủi ro cao hơn. Việc phân biệt này không dựa trên quốc tịch mà dựa vào tính chất giao dịch và nguy cơ chuyển giá.

6 Ngưỡng tiền thuế nợ áp dụng tạm hoãn xuất cảnh: Bao nhiêu là đủ?

Hoạt động chống thất thu thuế đang được đẩy mạnh trong thời gian gần đây. Một trong biện pháp quản lý thuế nhận được nhiều sự quan tâm của cộng đồng doanh nghiệp đó là tạm hoãn xuất cảnh đối với cá nhân kinh doanh, chủ hộ kinh doanh, cá nhân là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp thuộc trường hợp bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế.

Thời điểm cuối năm 2023, đầu năm 2024, cơ quan thuế đẩy mạnh áp dụng biện pháp tạm hoãn xuất cảnh đối với những cá nhân nợ thuế, đặc biệt đối với các trường hợp bỏ địa chỉ đã đăng ký kinh doanh. Tính riêng trong 09 tháng của năm 2024, cơ quan thuế đã ban hành hơn 23.700 thông báo tạm hoãn xuất cảnh đối với người nợ thuế với tổng số nợ thuế của các cá nhân này là 51.000 tỷ đồng. Từ cuối năm 2023 đến tháng 9/2024, cơ quan thuế đã thu được 1.844 tỷ đồng của 2.873 người nộp thuế đang bị tạm hoãn xuất cảnh²⁴.

Tuy nhiên, doanh nghiệp và người nộp thuế cho rằng, có nhiều bất cập khi triển khai biện pháp tạm hoãn xuất cảnh, cụ thể: Quy định hiện hành không đưa ra về mức nợ thuế (ngưỡng) bị áp dụng biện pháp tạm hoãn xuất cảnh trong quá trình thực hiện tạm hoãn xuất cảnh. Việc xác định ở ngưỡng nào tùy thuộc hoàn toàn vào cơ quan quản lý thuế. Điều này dẫn tới trường hợp, doanh nghiệp chỉ nợ một ngưỡng thuế rất thấp, người đại diện theo pháp luật đã bị tạm hoãn xuất cảnh. Ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động của doanh nghiệp.

Năm 2024, Bộ Tài chính chủ trì soạn thảo Dự thảo Nghị định về ngưỡng áp dụng tạm hoãn xuất cảnh trong đó quy định cụ thể ngưỡng tiền thuế nợ và thời gian nợ trong các trường hợp bị tạm hoãn xuất cảnh. Tại Dự thảo thời điểm lấy ý kiến doanh nghiệp, ngưỡng đề xuất là 10 triệu đồng đối với cá nhân và 100 triệu đồng đối với doanh nghiệp. Trong văn bản góp ý, VCCI cho rằng đây là ngưỡng quá thấp và đề xuất nâng ngưỡng số tiền nợ thuế phải áp dụng biện pháp cấm xuất cảnh lên mức 01 tỷ đồng đối với doanh nghiệp và 200 triệu đồng đối với cá nhân.

Lý do đề xuất nâng ngưỡng số tiền nợ thuế là vì hiện nay, cơ quan thuế có nhiều biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về thuế như: trích tiền từ tài khoản ngân hàng, thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng, kê biên và bán đấu giá tài sản... Trong đó, cần ưu tiên áp dụng biện pháp trích tiền từ tài khoản ngân hàng hoặc bên thứ ba, trước khi hạn chế quyền đi lại của người dân.

²⁴ “Tháo gỡ vướng mắc trong quy định tạm hoãn xuất cảnh vì nợ thuế” - <https://baochinhphu.vn/thao-go-vuong-mac-trong-quy-dinh-tam-hoan-xuat-can-vi-no-thue-102241009154753524.htm>

Theo Tổng cục Thuế (hợp báo ngày 25/4/2024), ngành thuế đang nắm dữ liệu hàng triệu tài khoản ngân hàng. Trong bối cảnh thanh toán không dùng tiền mặt phát triển nhanh và dữ liệu được kết nối hiệu quả, biện pháp trích tiền từ tài khoản trở nên rất khả thi và cần được tập trung triển khai.

Khi biện pháp này được thực hiện hiệu quả, các biện pháp khác như thông báo hóa đơn không còn giá trị hoặc cấm xuất cảnh chỉ nên áp dụng với các trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, số nợ thuế lớn.

Đầu năm 2025, Nghị định số 49/2025/NĐ-CP được ban hành, quy định cụ thể các ngưỡng nợ thuế áp dụng biện pháp tạm hoãn xuất cảnh. Theo đó, cá nhân kinh doanh, chủ hộ kinh doanh sẽ bị tạm hoãn xuất cảnh nếu có số tiền thuế nợ từ 50 triệu đồng trở lên và đã quá hạn nộp trên 120 ngày. Đối với cá nhân là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, ngưỡng áp dụng là 500 triệu đồng trở lên, cũng với thời gian nợ thuế quá hạn trên 120 ngày. Các cá nhân, doanh nghiệp này đều thuộc trường hợp bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về thuế.

So với quy định trước đây và dự thảo lấy ý kiến, Nghị định 49 đã đưa ra các tiêu chí rõ ràng và cụ thể hơn về ngưỡng nợ thuế và thời gian quá hạn. Mức tiền nợ thuế cũng đã được nâng lên đáng kể, góp phần thu hẹp phạm vi áp dụng biện pháp tạm hoãn xuất cảnh. Tuy nhiên, mức ngưỡng này vẫn chưa hoàn toàn đáp ứng kỳ vọng của cộng đồng doanh nghiệp, vốn mong muốn chỉ áp dụng biện pháp hạn chế đi lại trong những trường hợp đặc biệt nghiêm trọng với số tiền nợ thuế cao.

7 Hỗ trợ đầu tư: Cần sự đảm bảo chắc chắn hơn

Vào cuối năm 2023, Quốc hội đã thông qua Nghị quyết số 107/2023/QH15 quy định về việc áp dụng thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung nhằm thực thi các cam kết trong khuôn khổ chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu. Theo đó, các tập đoàn đa quốc gia có quy mô lớn – cụ thể là những tập đoàn có doanh thu hợp nhất toàn cầu của công ty mẹ tối cao đạt từ 750 triệu euro trở lên trong ít nhất hai trong bốn năm tài chính gần nhất – sẽ phải chịu mức thuế thu nhập doanh nghiệp tối thiểu là 15%. Trường hợp quốc gia nơi tập đoàn đầu tư có mức thuế thu nhập doanh nghiệp thấp hơn 15%, phần chênh lệch sẽ bị thu thêm tại quốc gia mà công ty mẹ hoặc công ty con đang hoạt động để đảm bảo đủ mức thuế tối thiểu.

Trong báo cáo “Dòng chảy pháp luật kinh doanh 2023”, chúng tôi đã phân tích các vấn đề chiến lược liên quan đến thuế tối thiểu toàn cầu cũng như định hướng xây dựng các biện pháp hỗ trợ đầu tư thay thế. Việc áp dụng chính sách thuế tối thiểu toàn cầu sẽ đặt Việt Nam trước thách thức không nhỏ trong việc duy trì sức hút đầu tư nước ngoài. Tuy nhiên, đây cũng là thời điểm thuận lợi để Việt Nam chuyển đổi cách tiếp cận, từng bước nâng cao chất lượng chính sách hỗ trợ đầu tư thay vì tiếp tục phụ thuộc vào ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp như trước kia. Các chính sách hỗ trợ mới sẽ được triển khai thông qua Quỹ hỗ trợ đầu tư, với các nội dung cụ thể như xác định đối tượng doanh nghiệp được hưởng hỗ trợ, các hoạt động đủ điều kiện và quy trình thủ tục nhận hỗ trợ – những yếu tố đang được cộng đồng doanh nghiệp đặc biệt quan tâm.

Năm 2024, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 182/2024/NĐ-CP quy định về việc thành lập, quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ đầu tư. Nghị định này bao gồm nhiều nội dung quan trọng, đáng chú ý như sau:

- *Nguyên tắc áp dụng chính sách hỗ trợ:* Doanh nghiệp đáp ứng điều kiện của hạng mục hỗ trợ chi phí nào thì sẽ được xem xét hỗ trợ đối với hạng mục đó. Việc hỗ trợ được thực hiện theo từng năm tài chính để nghị hỗ trợ hoặc theo chi phí đầu tư ban đầu. Mức hỗ trợ được xác định dựa trên đề xuất của doanh nghiệp, kết quả xét duyệt và tuân theo nguyên tắc được quy định. Mỗi doanh nghiệp hoặc dự án được hỗ trợ tối đa trong 5 năm, thời gian này có thể được gia hạn theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.
- *Yêu cầu hoàn trả hỗ trợ chi phí:* Doanh nghiệp đã nhận hỗ trợ sẽ phải hoàn trả số tiền tương ứng nếu vi phạm các điều kiện như: không đáp ứng tiêu chí hỗ trợ, đã được hỗ trợ từ nguồn khác cho cùng hạng mục chi phí, hoặc có hành vi gian dối trong hồ sơ.

- *Đối tượng được hỗ trợ:* Chủ yếu là các doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp có dự án trung tâm nghiên cứu và phát triển. Tuy nhiên, không phải tất cả các doanh nghiệp trong nhóm này đều được hỗ trợ. Chỉ những doanh nghiệp đáp ứng các điều kiện cụ thể như quy mô vốn, doanh thu dự án tối thiểu, tiến độ giải ngân hoặc có cam kết sử dụng kỹ sư và cán bộ quản lý người Việt Nam sau 5 năm hoạt động trong lĩnh vực thiết kế vi mạch – mới được xem xét hỗ trợ.
- *Các hạng mục hỗ trợ chi phí bao gồm:* chi phí đào tạo, phát triển nguồn nhân lực; chi phí nghiên cứu và phát triển; chi phí đầu tư tạo tài sản cố định; chi phí sản xuất sản phẩm công nghệ cao; chi phí đầu tư xây dựng công trình hạ tầng xã hội; và các trường hợp đặc biệt khác do Chính phủ quyết định. Mức hỗ trợ tối đa cho từng loại chi phí cũng được quy định rõ.
- *Nguyên tắc xét duyệt hỗ trợ:* Việc hỗ trợ cho doanh nghiệp phải đảm bảo không vượt quá khả năng tài chính của Quỹ. Các đề xuất hỗ trợ sẽ được UBND cấp tỉnh và doanh nghiệp phối hợp xây dựng trên cơ sở khả năng cân đối nguồn lực của Quỹ trong năm tài chính. Hội đồng quản lý Quỹ sẽ tiến hành đánh giá, tổng hợp và báo cáo Chính phủ xem xét quyết định mức hỗ trợ, căn cứ theo định hướng phát triển kinh tế - xã hội và chiến lược thu hút đầu tư trong từng giai đoạn.
- *Trình tự, thủ tục hỗ trợ:* Doanh nghiệp cần lập hồ sơ đầy đủ theo quy định và nộp trước ngày 10/7 của năm liền kề năm tài chính để nghị hỗ trợ. Cơ quan tiếp nhận và đánh giá hồ sơ là Ban Quản lý Khu kinh tế, Khu công nghiệp, Khu công nghệ cao hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư – tùy theo địa bàn dự án. UBND tỉnh sẽ tiếp nhận, xem xét và tổng hợp các hồ sơ đề xuất gửi lên Cơ quan điều hành Quỹ. Cơ quan này sẽ thực hiện đánh giá tổng thể và báo cáo Chính phủ để xem xét, quyết định tổng mức hỗ trợ cho từng doanh nghiệp.

Các chính sách nêu trên đã thể hiện rõ định hướng của Việt Nam trong việc xây dựng cơ chế hỗ trợ đầu tư dành cho các doanh nghiệp công nghệ cao, có quy mô vốn lớn hoặc có khả năng đào tạo nguồn nhân lực trong lĩnh vực thiết kế vi mạch. Đây là cách tiếp cận phù hợp trong bối cảnh Việt Nam đang nỗ lực thu hút đầu tư vào các ngành công nghệ cao, đồng thời chú trọng phát triển đội ngũ lao động chất lượng cao. Các quy định liên quan đến nguyên tắc áp dụng, danh mục hạng mục hỗ trợ và trình tự, thủ tục tiếp cận nguồn hỗ trợ được xây dựng tương đối rõ ràng, góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp trong quá trình triển khai.

Tuy vậy, trong quá trình đóng góp xây dựng Nghị định này, doanh nghiệp còn có một số băn khoăn như:

- *Mở rộng các hạng mục hỗ trợ chi phí:* Bên cạnh những hạng mục đã được quy định, cần xem xét mở rộng hỗ trợ đối với các chi phí liên quan đến chuyển đổi năng lượng và phát triển kinh tế tuần hoàn. Xu hướng sản xuất xanh, thân thiện với môi trường ngày càng được các quốc gia, doanh nghiệp và người tiêu dùng quan tâm, đồng thời cũng là định hướng lớn của Đảng và Nhà nước trong việc phát triển kinh tế gắn với bảo vệ môi trường. Việc đưa vào hỗ trợ các chi phí như: lắp đặt, vận hành hệ thống điện mặt trời mái nhà, điện gió; xây dựng và vận hành các công trình tái chế, tái sử dụng chất thải rắn, nước thải, khí thải, nhiệt thừa; triển khai các giải pháp hạn chế bụi, tiếng ồn; hoặc chi phí chuyển đổi phương tiện sử dụng nhiên liệu hóa thạch sang phương tiện thân thiện với môi trường... sẽ tạo động lực mạnh mẽ thúc đẩy doanh nghiệp đầu tư vào các dự án phát triển bền vững và xanh hơn.

- *Quy trình hỗ trợ:* Mặc dù Nghị định số 182/2024/NĐ-CP²⁵ đã quy định rõ về trình tự và thủ tục hỗ trợ đầu tư, song vẫn còn một số điểm khiến doanh nghiệp băn khoăn. Cụ thể, theo quy định, mỗi doanh nghiệp hoặc dự án chỉ được hỗ trợ tối đa 5 năm – thời gian này có thể được kéo dài theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Doanh nghiệp phải nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ trước ngày 10/7 của năm liền kề sau năm tài chính đề nghị, và việc tổng hợp, trình Hội đồng quản lý Quỹ phải hoàn tất trước ngày 15/10. Sau đó, trong vòng 15 ngày, Chính phủ sẽ xem xét và quyết định mức hỗ trợ.

Tuy nhiên, việc hỗ trợ được xem xét theo từng năm, phụ thuộc vào khả năng cân đối tài chính của Quỹ. Điều này dẫn đến rủi ro là doanh nghiệp dù đủ điều kiện và đã thực hiện đúng các hoạt động theo quy định nhưng vẫn có thể không nhận được hỗ trợ nếu ngân sách Quỹ không đủ. Từ góc độ của một nhà đầu tư đang chuẩn bị triển khai dự án, sự không chắc chắn này buộc họ phải tính đến kịch bản xấu nhất – không được hỗ trợ, dù đã tuân thủ đầy đủ quy định. Ngay cả đối với những doanh nghiệp đã đầu tư và đang được hỗ trợ, việc phải chờ xét duyệt hàng năm khiến họ không thể yên tâm về tính ổn định và liên tục của chính sách.

Sự thiếu chắc chắn này có thể làm giảm hiệu quả trong việc thu hút và giữ chân nhà đầu tư, đồng thời làm giảm hiệu quả sử dụng ngân sách hỗ trợ. Vì vậy, doanh nghiệp rất cần có cam kết rõ ràng từ phía Nhà nước về mức hỗ trợ trong suốt thời gian đề xuất (có thể tối đa 5 năm như quy định), để có cơ sở vững chắc khi lập kế hoạch và quyết định đầu tư.

²⁵ Nghị định số 182/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ quy định về thành lập, quản lý và sử dụng Quỹ Hỗ trợ đầu tư

8 Người kinh doanh nhỏ lẻ: Nhóm yếu thế mới trên thị trường thương mại điện tử

650.000 gian hàng trực tuyến trên sàn thương mại điện tử, 318.900 tỷ đồng giá trị hàng hóa giao dịch trên 5 sàn TMĐT phổ biến năm 2024²⁶ và 20,5 tỷ USD doanh thu TMĐT bán lẻ năm 2023²⁷ là những con số minh chứng rõ nét cho sự phát triển mạnh mẽ hoạt động kinh doanh của người kinh doanh nhỏ lẻ trên các nền tảng TMĐT.

Tuy nhiên, những con số này chỉ thể hiện mặt sáng của vấn đề. Chỉ trong năm 2024, có đến 165.000 gian hàng rời bỏ thương mại điện tử²⁸, phản ánh sự cạnh tranh ngày càng khốc liệt. Trong khi đó, pháp luật thương mại điện tử hiện hành lại dường như lại “bỏ ngỏ” quyền và lợi ích của chủ thể này.

Trong thị trường thương mại truyền thống, mối quan hệ chỉ đơn thuần giữa hai chủ thể: người bán – người mua. Mối quan hệ trở nên phức tạp hơn trong thị trường TMĐT với sự tham gia của nhiều chủ thể: người bán – sàn TMĐT – người tiêu dùng – các chủ thể khác (bên vận chuyển, thanh toán...). Trong đó, các nền tảng TMĐT đã dần trở thành kênh kinh doanh hàng hóa, dịch vụ quan trọng. Về phía người tiêu dùng, 61% người dùng internet cho biết sàn TMĐT là kênh mua sắm trực tuyến ưa chuộng²⁹. Về phía người bán, doanh số trên 5 sàn TMĐT hàng hoá phổ biến năm 2024 đạt 318.900 tỷ đồng. Sự phát triển này cho phép các nền tảng nắm giữ nhiều lợi thế quan trọng mà có thể tạo ra sự chênh lệch đáng kể về quyền lực trong quan hệ thương mại điện tử:

- **Hiệu ứng mạng:** nền tảng càng có nhiều người dùng thì nền tảng đó càng có giá trị. Người mua ưa thích sử dụng vì đa dạng lựa chọn hàng hóa còn người bán tiếp tục tìm đến nền tảng vì có nhiều khách hàng trên đó. Hiệu ứng mạng giúp các nền tảng lớn có quyền lực lớn trên thị trường;
- **Lợi thế từ dữ liệu lớn:** các nền tảng có khả năng thu thập, phân tích dữ liệu người dùng để cải thiện dịch vụ và tối ưu hoá doanh thu. Trong khi đó, doanh nghiệp nhỏ có thể gặp khó khăn trong việc tiếp cận nguồn dữ liệu tương tự, khiến họ mất đi lợi thế cạnh tranh;
- **Nguy cơ phụ thuộc vào nền tảng:** người bán có thể gặp khó khăn trong việc chuyển đổi kênh bán hàng khi chỉ một số ít nền tảng lớn, trong khi người tiêu dùng đã có thói quen mua sắm trên nền tảng đó.

²⁶ Báo cáo Toàn cảnh thị trường sàn bán lẻ trực tuyến 2024 và dự báo 2025 của Metric.

²⁷ Cục Thương mại Điện tử và Kinh tế số – Bộ Công Thương, Sách trắng Thương mại điện tử Việt Nam năm 2023, trang 40.

²⁸ Thương mại điện tử bùng nổ, vì sao có đến 150.000 nhà bán rời sàn? - <https://nld.com.vn/thuong-mai-dien-tu-bung-no-vi-sao-co-den-150000-nha-ban-roi-san-196250204081744829.htm>

²⁹ Cục Thương mại Điện tử và Kinh tế số – Bộ Công Thương, Sách trắng Thương mại điện tử Việt Nam năm 2023, trang 46.

Ở phía người bán, phần lớn họ là các hộ, cá nhân kinh doanh nhỏ lẻ. Nếu như trong mối quan hệ thương mại thông thường, các thương nhân bình đẳng trong giao dịch, có thể tự do thỏa thuận theo Luật Thương mại. Ngược lại, người bán nhỏ lẻ trên TMĐT thường ở vị thế yếu hơn nhiều so với các nền tảng TMĐT. Họ có thể dễ bị áp đặt các chính sách bất lợi và mất khả năng thương lượng, như thay đổi điều khoản đột ngột, bị đình chỉ hoặc cấm mà không có lý do rõ ràng, hạn chế tiếp cận dữ liệu... Các hành vi này có thể ảnh hưởng bất lợi với cá nhân kinh doanh nhỏ, đưa vào vào tình thế bị động và dẫn “bào mòn” sức khỏe và nhiệt huyết kinh doanh của họ.

Nghiên cứu của Ủy ban Châu Âu đã chỉ ra 46% doanh nghiệp trên thị trường EU sử dụng nền tảng trực tuyến gặp phải các vấn đề trong quan hệ thương mại với nền tảng, trong số đó, 21% cho biết các vấn đề xảy ra thường xuyên. Những doanh nghiệp phụ thuộc nhiều vào nền tảng (chiếm hơn 50% doanh thu từ nền tảng) có khả năng gặp vấn đề cao hơn đáng kể (75%) và thường xuyên hơn (33%). Thiệt hại kinh tế ước tính từ 2 đến 19.5 tỷ Euro mỗi năm.³⁰

Pháp luật hiện hành đã tồn tại cơ chế xử lý trong một số trường hợp cụ thể. Luật Cạnh tranh 2020 quy định xử lý các hành vi thỏa thuận hạn chế cạnh tranh hoặc lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường. Đây là cơ chế rất tốt và phù hợp với thông lệ quốc tế. Tuy nhiên, như thế là chưa đủ trong trường hợp này. Các hành vi bất lợi cho người bán vẫn có thể diễn ra mà không cần có thỏa thuận hay ở vị trí thống lĩnh.³¹ Đây là “khoảng hở” giữa pháp luật cạnh tranh và thực tiễn hoạt động thương mại điện tử.

Trong giai đoạn thâm nhập thị trường trước đây, các nền tảng thường tạo điều kiện thuận lợi, các ưu đãi cho người bán để phát triển thị trường, tạo hiệu ứng mạng thu hút người dùng tham gia nền tảng. Người bán hưởng lợi từ chính sách này nên chưa đặt ra các vấn đề này.

Hiện nay, thị trường dần định hình, cán cân giữa các bên cũng có sự thay đổi. Thời điểm này có lẽ cũng là thời điểm phù hợp để thiết kế lại chính sách, đảm bảo cân bằng quyền lợi giữa các chủ thể. Việc này sẽ đảm bảo tính cạnh tranh trên thị trường TMĐT, thúc đẩy các doanh nghiệp, cá nhân kinh doanh nhỏ tiếp tục gia nhập, hoạt động và phát triển trong nền kinh tế số. Khi đó, thị trường TMĐT mới có thể tiếp tục phát triển lành mạnh và bền vững và đảm bảo mọi chủ thể đều có thể hưởng lợi ích từ nền kinh tế số.

³⁰ Fairness and transparency for business users of online services - [https://www.europarl.europa.eu/RegData/etudes/BRIE/2018/625134/EPRS_BRI\(2018\)625134_EN.pdf](https://www.europarl.europa.eu/RegData/etudes/BRIE/2018/625134/EPRS_BRI(2018)625134_EN.pdf)

³¹ Nghiên cứu đánh giá tác động của EU khi đề xuất Quy định về việc thúc đẩy công bằng và minh bạch cho người dùng doanh nghiệp của các dịch vụ trung gian trực tuyến.

9 Bất bình đẳng trong thương mại điện tử: Điểm mới và kỳ vọng

Đầu tháng 10/2024, sự kiện sàn thương mại điện tử Temu gia nhập thị trường Việt Nam gây chú ý của dư luận. Sàn này dù chưa công bố chính thức vào Việt Nam nhưng đã cho phép người dùng vào truy cập app mua hàng bằng tiếng Việt³² và triển khai các chương trình tiếp thị liên kết để thu hút người dùng gia nhập nền tảng.

Phản ứng nhanh nhạy của cơ quan quản lý

Ngay khi Temu xuất hiện, một làn sóng quan ngại đã nhanh chóng nổi lên. Hai vấn đề chính được dư luận và giới chuyên gia chỉ ra là:

Thứ nhất, tính pháp lý của nền tảng: Temu hoạt động như một sàn TMĐT xuyên biên giới nhưng chưa hề đăng ký hoạt động tại Việt Nam theo quy định tại Nghị định 52/2013/NĐ-CP³³ (sửa đổi bởi Nghị định 85/2021/NĐ-CP³⁴), trong đó yêu cầu các sàn TMĐT có ngôn ngữ tiếng Việt phải đăng ký hoạt động với Bộ Công Thương.

Thứ hai, chiến lược hàng giá rẻ: Các sản phẩm trên Temu được bán với giá rất thấp, dấy lên lo ngại về việc cạnh tranh không lành mạnh và nguy cơ hàng hóa kém chất lượng, không kiểm soát được nguồn gốc.

Trước tình hình này, các cơ quan nhà nước đã có phản ứng kịp thời và quyết đoán. Bộ Công Thương đã có Công văn 8598/BCT-TMĐT ngày 26/10/2024 yêu cầu sàn TMĐT tuân thủ quy định pháp luật Việt Nam. Tiếp đó, ngày 8/11, Tổng cục Hải quan yêu cầu các chi cục không thông quan với các đơn hàng TMĐT xuyên biên giới thiếu thông tin hoặc từ các nền tảng chưa đăng ký hoạt động tại Việt Nam.

³² Temu chưa đăng ký hoạt động ở Việt Nam - <https://vnexpress.net/temu-chua-dang-ky-hoat-dong-o-viet-nam-4807681.html>

³³ Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16/5/2013 của Chính phủ quy định về thương mại điện tử.

³⁴ Nghị định số 85/2021/NĐ-CP ngày 25/9/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về thương mại điện tử.

Bản thân Temu sau đó đã có văn bản chính thức về việc thực hiện các yêu cầu tuân thủ pháp luật thương mại điện tử Việt Nam khi gia nhập thị trường.³⁵

Sau hàng loạt động thái cứng rắn này, Temu buộc phải điều chỉnh chính sách: giới hạn đơn hàng từ 887.000 đồng – 1.000.000 đồng, đồng thời rút ngôn ngữ tiếng Việt khỏi ứng dụng và website – một động thái được xem là bước lùi nhằm tránh vi phạm quy định pháp luật Việt Nam.

Bãi bỏ Quyết định số 78/2010/QĐ-TTg³⁶: Một tín hiệu tích cực

Vụ việc của Temu cũng dấy lên lo ngại về tình trạng bất bình đẳng giữa hàng hóa, doanh nghiệp Việt Nam so với hàng hóa, doanh nghiệp kinh doanh xuyên biên giới. Một ví dụ điển hình là Quyết định 78/2010/QĐ-TTg ngày 30/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ về mức giá trị hàng hóa nhập khẩu gửi qua dịch vụ chuyển phát nhanh được miễn thuế. Theo đó, cho phép miễn thuế nhập khẩu và thuế giá trị gia tăng với các đơn hàng TMĐT dưới 1 triệu đồng. Trong khi đa số mặt hàng hiện chịu thuế giá trị gia tăng 10%, quy định này là một “lỗ hổng” tạo lợi thế cho hàng hóa nước ngoài đổ hàng giá rẻ vào Việt Nam.

Báo cáo 2575/BC-UBTCNS15 ngày 28/10/2024 của Ủy ban Tài chính - Ngân sách của Quốc hội về thẩm tra dự án Luật sửa 07 Luật thuộc lĩnh vực tài chính, Ủy ban Tài chính - Ngân sách của Quốc hội có ý kiến đề nghị Chính phủ khẩn trương chấm dứt hiệu lực của Quyết định 78/2010/QĐ-TTg.

Ngày 12/11/2024, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết 218/NQ-CP về Phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 10/2024, trong đó giao Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ bãi bỏ quy định tại Quyết định 78/2010/QĐ-TTg. Bộ Tài chính đã khẩn trương soạn thảo, xin ý kiến các đơn vị. Ngày 3/1/2025, Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Đức Phớc ký Quyết định số 01/2025/QĐ-TTg bãi bỏ toàn bộ Quyết định 78/2010/QĐ-TTg.

³⁵ Thông tin mới về hoạt động của Temu tại Việt Nam - <https://dantri.com.vn/kinh-doanh/thong-tin-moi-ve-hoat-dong-cua-temu-tai-viet-nam-20241024175251877.htm>

³⁶ Quyết định số 78/2010/QĐ-TTg ngày 30/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ về mức giá trị hàng hóa nhập khẩu gửi qua dịch vụ chuyển phát nhanh được miễn thuế.

Các vấn đề còn bỏ ngỏ

Bãi bỏ Quyết định 78/2010/QĐ-TTg là một bước tiến, nhưng bên cạnh đó vẫn còn nhiều vấn đề cần tiếp tục giải pháp, cụ thể:

Bất bình đẳng giữa doanh nghiệp đầu tư tại Việt Nam và doanh nghiệp xuyên biên giới:

Các nền tảng TMĐT có vốn nước ngoài nếu muốn thành lập pháp nhân tại Việt Nam phải đáp ứng hàng loạt điều kiện pháp lý. Đầu tiên là giấy phép thiết lập website cung cấp dịch vụ thương mại điện tử, đăng ký với Bộ Công Thương theo Nghị định 52/2013/NĐ-CP. Kế đó là giấy phép kinh doanh do Sở Công Thương cấp, theo Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam – một thủ tục được đánh giá là rất khó khăn, do bản chất là biện pháp bảo hộ thị trường nội địa khi Việt Nam gia nhập các hiệp định thương mại tự do.

Tuy nhiên, đáng chú ý là giấy phép kinh doanh này lại không áp dụng với các nền tảng TMĐT xuyên biên giới, kể cả khi các nền tảng này cũng có 100% vốn nước ngoài. Sự khác biệt trong cách áp dụng chính sách này khiến cho sàn TMĐT thành lập tại Việt Nam phải đối mặt với nhiều rào cản hơn so với các đối thủ xuyên biên giới – từ đó tạo ra một môi trường kinh doanh thiếu công bằng, làm xói mòn niềm tin của nhà đầu tư vào hệ sinh thái thương mại điện tử trong nước.

Về lâu dài, nếu không có cơ chế điều chỉnh phù hợp, thực trạng này có thể dẫn đến hiệu ứng “bảo hộ ngược”, khiến các nhà đầu tư nước ngoài không còn mặn mà với việc thành lập pháp nhân tại Việt Nam, mà chọn vận hành xuyên biên giới để né tránh các rào cản pháp lý.

Hàng hóa nhập khẩu qua TMĐT vẫn được miễn thuế nhập khẩu:

Hàng hóa nhập khẩu gửi qua dịch vụ bưu chính, chuyển phát nhanh có giá trị từ 1 triệu đồng trở xuống vẫn được miễn thuế nhập khẩu, theo quy định tại Điều 29.2 Nghị định 134/2016/NĐ-CP³⁷ (sửa đổi bởi Điều 1.11 Nghị định 18/2021/NĐ-CP). Điều này có nghĩa là Nhà nước chỉ mới thu thuế GTGT, còn vẫn miễn thuế nhập khẩu.

Trong khi, các doanh nghiệp Việt Nam nhập khẩu nguyên vật liệu về để sản xuất thành sản phẩm tiêu thụ nội địa lại phải nộp thuế nhập khẩu. Điều này vô hình chung vẫn tạo ra sự “bất bình đẳng”, ưu thế hơn cho hàng hóa nước ngoài.

Xuất khẩu trực tuyến vẫn còn bỏ ngỏ:

Ở chiều ngược lại, xuất khẩu trực tuyến từ Việt Nam ra thế giới vẫn chưa được chú trọng đúng mức. Hạ tầng pháp lý và chính sách hiện tại vẫn chủ yếu tập trung vào việc quản lý hàng hóa nhập khẩu và giám sát các nền tảng nước ngoài. Nghị định mới về hải quan và các văn bản liên quan chủ yếu đặt trọng tâm vào kiểm soát dòng chảy hàng hóa từ nước ngoài vào Việt Nam, trong khi chưa có cơ chế riêng hỗ trợ doanh nghiệp Việt xuất khẩu thông qua TMĐT xuyên biên giới – một lĩnh vực đầy tiềm năng.

³⁷ Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

10 Quản lý chất lượng sản phẩm hàng hóa: Những vướng mắc chờ tháo gỡ

Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật và Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa có thể coi là “bộ đôi luật mẹ”, quyết định toàn bộ cách thức tiếp cận và phương thức kiểm soát chất lượng, an toàn sản phẩm, đồng thời chi phối hàng trăm luật khác. Do vậy, đây là hai đạo luật rất quan trọng, quyết định đến chi phí sản xuất của hàng hóa Việt Nam, tác động đến doanh nghiệp trong nhiều lĩnh vực sản xuất, kinh doanh quan trọng của nền kinh tế.”

Hai đạo luật này đã ban hành cách đây gần thập kỷ và đang bộc lộ những vấn đề về tư duy và cách thức quản lý. Năm 2024, Chính phủ đã tiến hành soạn thảo và trình Quốc hội dự thảo Luật sửa đổi Luật Tiêu chuẩn Quy chuẩn kỹ thuật và dự thảo Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa.

Trong quá trình đó, cộng đồng doanh nghiệp đã tích cực nhiều lần đóng góp, kiến nghị các vấn đề quan trọng, có thể kể đến như:

Đánh giá tác động khi xây dựng quy chuẩn kỹ thuật

Việc xây dựng và thẩm định quy chuẩn kỹ thuật quốc gia theo trình tự, tiêu chí quy định tại Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật 2006. Theo đó, Luật chỉ yêu cầu thẩm định dự thảo theo 3 tiêu chí: (1) Sự phù hợp với quy định pháp luật và cam kết quốc tế; (2) tính thống nhất, đồng bộ với hệ thống quy chuẩn; (3) tuân thủ nghiệp vụ, trình tự, thủ tục xây dựng. Trong các tiêu chí này, không có yêu cầu xem xét về tính hợp lý, khả thi của quy chuẩn kỹ thuật, tức xem xét liệu việc ban hành quy chuẩn đó có tạo ra rào cản kỹ thuật không cần thiết cho hoạt động sản xuất kinh doanh hay không.

Do không đánh giá tác động nên trong thời gian qua, nhiều quy chuẩn kỹ thuật được ban hành mà không có tính khả thi. Chẳng hạn, không có đơn vị đánh giá sự phù hợp như không chỉ định đơn vị hợp quy keo dán gỗ, không có đơn vị có năng lực thử nghiệm công nghệ 5G... Hoặc chỉ tiêu trong quy chuẩn quá nghiêm ngặt, gây khó khăn cho doanh nghiệp như độ ẩm của phân vi sinh quá thấp trong quy chuẩn phân bón, yêu cầu hàm lượng photpho quá thấp trong quy chuẩn nước thải ngành thủy sản.

Nhận thấy tình trạng này, VCCI, với tư cách thành viên ban soạn thảo, đã kiến nghị cần phải đánh giá tác động với các dự thảo quy chuẩn trước khi ban hành. Sau đó, ý kiến này đã được cơ quan soạn thảo tiếp thu và đưa vào dự thảo.

Hàng hóa nhóm 2

Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa phân loại hàng hóa thành 2 nhóm: hàng hóa nhóm 1 (ít nguy hiểm) và hàng hóa nhóm 2 (nguy hiểm, kiểm soát chặt). Các Bộ, ngành sẽ ban hành Danh mục hàng hóa nhóm 2 làm cơ sở quản lý.

Nhiều doanh nghiệp cho rằng Danh mục hàng hóa nhóm 2 trong thời gian vừa qua gây khó khăn rất nhiều cho doanh nghiệp. Có tình trạng các bộ, ngành lạm dụng đưa hàng hóa vào Danh mục, gây tổn kém chi phí cho doanh nghiệp. Chẳng hạn, ngô nhập khẩu làm thức ăn chăn nuôi là hàng hóa nhóm 2 với lý do nếu bảo quản không cẩn thận sẽ gây mốc, sinh ra độc tố aflatoxin gây ung thư gan. Giải thích như vậy là không hợp lý vì bản thân ngô không tiềm ẩn nguy cơ gây hại.

Do vậy, các doanh nghiệp cho rằng quy định cần tiến tới kiểm soát chặt chẽ việc ban hành Danh mục này. Cụ thể, không giao thẩm quyền này cho Bộ, ngành nữa, mà chuyển thẩm quyền lên cho Chính phủ. Đồng thời, cần cơ chế yêu cầu các bộ quản lý ngành phải công bố số liệu kiểm tra chất lượng hàng hóa. Việc định kỳ rà soát sẽ góp phần loại bỏ các mặt hàng mà thực tế cho thấy có nguy cơ thấp, rất ít vi phạm, trong khi nếu duy trì thì chi phí kiểm tra sẽ rất tốn kém cho doanh nghiệp.

Phương thức quản lý vẫn nặng về tiền kiểm

Phương thức quản lý hiện nay vẫn duy trì theo cách thức tiền kiểm, theo đó, doanh nghiệp sản xuất hàng hóa nhóm hai sẽ phải thực hiện thủ tục hợp quy, công bố hợp quy và in nhãn bao bì trước khi đưa hàng ra thị trường. Hàng hóa nhập khẩu phải dừng tại cảng để lấy mẫu kiểm nghiệm.

Các doanh nghiệp cho rằng mô hình này bộc lộ các hạn chế. Một là, kết quả hợp quy chỉ dựa trên kết quả kiểm nghiệm của một mẫu thử, không mang tính đại diện nên hiệu quả quản lý thực chất còn hạn chế. Hai là, doanh nghiệp đã tuân thủ các quy chuẩn trong quá trình sản xuất nên việc yêu cầu thực hiện thủ tục hành chính gây tổn kém thời gian, chi phí của doanh nghiệp.

Các doanh nghiệp cho rằng tư duy quản lý nên chuyển sang hậu kiểm trên cơ sở quản lý rủi ro. Ví dụ điển hình nhất cho thành công này là Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm áp dụng hậu kiểm giúp tiết kiệm 90% chi phí hành chính, đồng thời tỷ lệ vi phạm lại giảm so với trước khi thay đổi.

Phương thức quản lý có nguy cơ tăng thủ tục, chi phí cho doanh nghiệp

Dự thảo bổ sung các yêu cầu bắt buộc áp dụng nhãn điện tử, mã số mã vạch trong quản lý chất lượng sản phẩm. Từ phía doanh nghiệp, việc ứng dụng công nghệ vào quản lý, kinh doanh có nhiều ưu điểm, nhưng việc đầu tư công nghệ cũng tốn kém rất nhiều. Việc yêu cầu áp dụng công nghệ số với công nghệ cụ thể sẽ có thể gây tác động tiêu cực đến chi phí vận hành của doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Cụ thể, doanh nghiệp phải đăng ký sử dụng mã số, mã vạch với cơ quan nhà nước có thẩm quyền, phát sinh chi phí duy trì hàng năm, đồng thời cần đầu tư hạ tầng công nghệ để kết nối hệ thống.

Cộng đồng doanh nghiệp cho rằng luật chỉ nên kiểm soát các vấn đề an toàn, chẳng hạn như phải có nhãn thông tin, nội dung của nhãn. Doanh nghiệp sẽ tự lựa chọn hình thức thể hiện (dưới dạng vật lý hay điện tử) sao cho phù hợp nhất.

11 Luật Dược 2024: Bước chuyển biến tích cực

Thực tiễn triển khai Luật Dược 2016 đã bộc lộ một số vướng mắc và khó khăn, đặc biệt là trong công tác đảm bảo cung ứng thuốc – vấn đề trở nên đặc biệt cấp thiết trong bối cảnh đại dịch COVID-19 giai đoạn 2021–2022. Sự gián đoạn nghiêm trọng trong chuỗi cung ứng thuốc đã đặt ra yêu cầu cấp bách phải điều chỉnh khung pháp lý nhằm thích ứng linh hoạt và hiệu quả hơn với các tình huống khẩn cấp và hỗ trợ phát triển ngành dược bền vững.

Trên cơ sở đó, từ năm 2022, cơ quan quản lý đã khẩn trương nghiên cứu, xây dựng dự thảo và tổ chức lấy ý kiến rộng rãi để sửa đổi, bổ sung Luật Dược. Kết quả, ngày 21/11/2024, Quốc hội đã chính thức thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Dược, và luật này sẽ chính thức có hiệu lực từ ngày 01/7/2025. Chính phủ sẽ sớm ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành nhằm cụ thể hóa và triển khai hiệu quả các nội dung đổi mới.

Luật sửa đổi lần này tập trung vào nhiều nội dung quan trọng như: ưu đãi và hỗ trợ đầu tư, cải cách thủ tục hành chính, mở rộng quyền và trách nhiệm của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FIE), hoàn thiện hành lang pháp lý cho các mô hình kinh doanh hiện đại, đồng thời nâng cao hiệu quả quản lý giá thuốc phù hợp với Luật Giá, và bãi bỏ một số thủ tục không còn phù hợp như xác nhận nội dung thông tin thuốc.

Một số điểm nổi bật được cộng đồng doanh nghiệp đánh giá cao như:

- *Cơ chế công nhận, thừa nhận dựa trên sự tin cậy*: Cho phép rút ngắn thời gian cấp phép lưu hành đối với các loại thuốc đã được phê duyệt tại các quốc gia có hệ thống quản lý dược tiên tiến. Đây là bước tiến quan trọng nhằm đẩy nhanh khả năng tiếp cận thuốc mới, chất lượng cao cho người bệnh tại Việt Nam.
- *Quy định rõ ràng hơn về hoạt động của doanh nghiệp FIE*: Luật sửa đổi đã có những điều chỉnh tích cực nhằm tạo điều kiện thuận lợi hơn cho các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động tại Việt Nam, dù vẫn còn một số điểm cần tiếp tục hoàn thiện.
- *Tăng tốc xử lý hồ sơ trong giai đoạn chuyển tiếp*: Cơ quan quản lý đang nỗ lực rút ngắn thời gian gia hạn hồ sơ còn tồn đọng nhằm đảm bảo nguồn cung thuốc không bị gián đoạn trong thời gian chuyển tiếp giữa Luật Dược 2016 và Luật Dược sửa đổi 2024.
- *Chính sách phát triển ngành dược bền vững*: Luật đã thể hiện rõ định hướng khuyến khích chuyển giao công nghệ, sản xuất trong nước các loại thuốc biệt dược, đồng thời mở rộng các chính sách ưu đãi, hỗ trợ nghiên cứu, phát triển và thử nghiệm lâm sàng – những yếu tố then chốt để ngành dược Việt Nam phát triển mạnh mẽ và cạnh tranh quốc tế.

Kỳ vọng của doanh nghiệp đối với quá trình triển khai Luật Dược sửa đổi

Mặc dù những thay đổi trong Luật Dược 2024 nhận được đánh giá tích cực, cộng đồng doanh nghiệp kỳ vọng quá trình triển khai sẽ mang lại hiệu quả thực chất, thông qua các quy định hướng dẫn rõ ràng, thống nhất và dễ thực hiện. Một số điểm kỳ vọng cụ thể bao gồm:

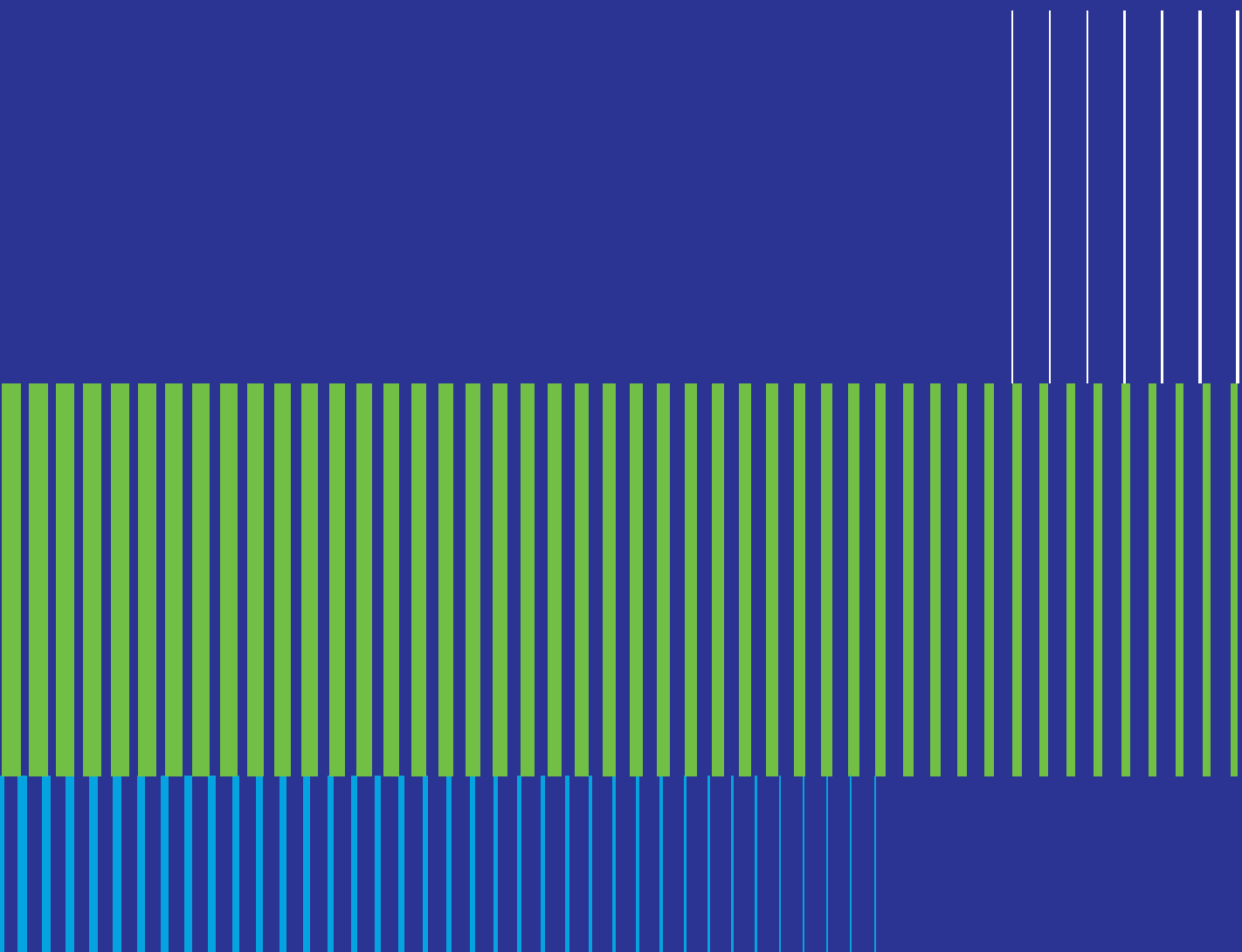
- *Hướng dẫn cụ thể để thực thi cơ chế tham chiếu, thừa nhận, công nhận:* Doanh nghiệp mong muốn có quy trình chi tiết, minh bạch giúp đơn giản hóa thủ tục cấp giấy đăng ký lưu hành thuốc, tận dụng hiệu quả dữ liệu phê duyệt từ các quốc gia trên thế giới, tiết kiệm nguồn lực, và đẩy nhanh tiếp cận với các thuốc đảm bảo chất lượng, hiệu quả và an toàn. Việc giảm bớt các yêu cầu hành chính không cần thiết và linh hoạt trong cách tiếp cận, ghi nhận sự khác biệt trong quản lý của các quốc gia trên thế giới với Việt Nam sẽ là yếu tố quyết định thành công của chính sách này.
- *Giải pháp về quản lý giá thuốc hợp lý hơn:* Doanh nghiệp đề xuất xem xét quy định phù hợp về các mức chênh lệch giữa giá bán buôn dự kiến và giá trúng thầu, đặc biệt trong các gói đàm phán giá quốc gia. Cần có cơ chế tham chiếu giá phù hợp để vừa bảo đảm quản lý hiệu quả, vừa khuyến khích doanh nghiệp nhập khẩu và duy trì nguồn cung ổn định.
- *Đẩy mạnh cải cách hành chính và số hóa:* Việc liên thông dữ liệu giữa các cơ quan quản lý, đơn giản hóa thủ tục và cắt giảm các quy định không cần thiết sẽ giúp giảm gánh nặng chi phí tuân thủ, nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.
- *Quy định rõ các chính sách ưu đãi phát triển ngành dược:* Doanh nghiệp mong muốn các chính sách hỗ trợ cần được tập hợp và quy định cụ thể, thống nhất trong một văn bản để dễ hiểu, dễ áp dụng và triển khai hiệu quả.

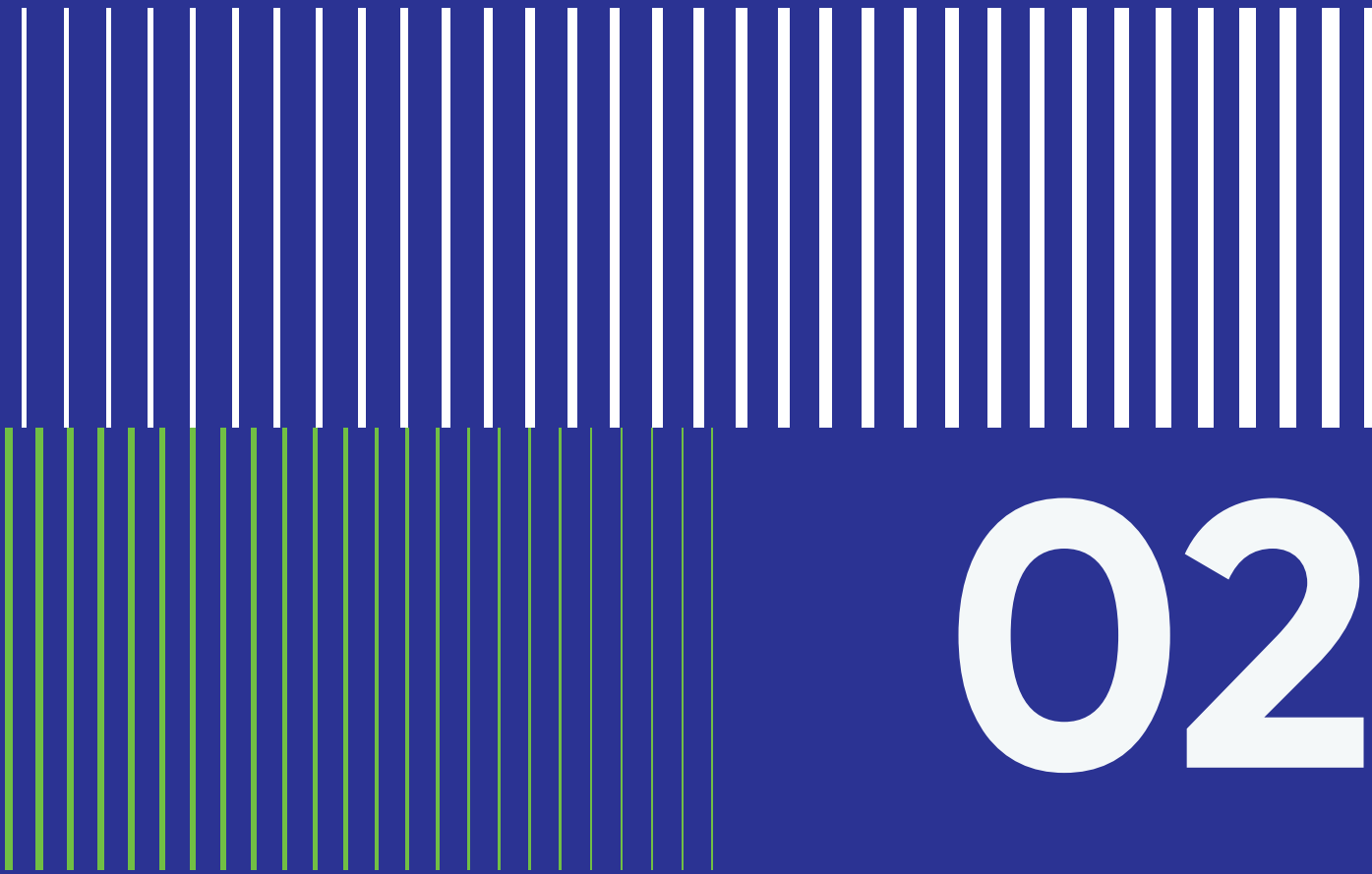
Cùng với Luật Dược sửa đổi, hai đạo luật khác cũng mang lại tín hiệu tích cực cho ngành dược:

- *Luật Đấu thầu (sửa đổi) năm 2023:* Đã phân loại rõ ràng các nhóm thuốc có thương hiệu riêng biệt phục vụ đấu thầu, đồng thời cho phép bán thuốc qua các nhà thuốc tại bệnh viện công – mở ra kênh phân phối linh hoạt hơn cho doanh nghiệp.
- *Luật Bảo hiểm y tế (sửa đổi) năm 2024:* Cho phép thiết lập chu kỳ cố định hai năm để xem xét, cập nhật Danh mục thuốc được bảo hiểm y tế chi trả (NRDL). Đây là bước tiến rõ rệt so với cơ chế không có kế hoạch trước đây, giúp doanh nghiệp chủ động hơn trong chiến lược phát triển và tiếp cận thị trường thuốc phát minh.

Luật Dược sửa đổi 2024 là một bước tiến quan trọng, thể hiện quyết tâm của Nhà nước trong việc hoàn thiện khung pháp lý, tạo động lực phát triển cho ngành dược. Tuy nhiên, để luật thực sự đi vào cuộc sống và phát huy hiệu quả, việc triển khai thực hiện cần đồng bộ, minh bạch và sát với thực tiễn. Doanh nghiệp kỳ vọng sẽ tiếp tục được đồng hành, đối thoại và đóng góp trong quá trình xây dựng các văn bản hướng dẫn thi hành – từ đó cùng chung tay phát triển ngành dược Việt Nam hiện đại, bền vững và hướng tới hội nhập quốc tế sâu rộng.

Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật: Những vấn đề đáng bàn



A decorative graphic consisting of a series of vertical lines of varying heights and colors (white and light green) against a dark blue background, spanning the width of the page.

02

Các tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật do Nhà nước ban hành là những văn bản pháp lý có tác động rất lớn đến hoạt động của các doanh nghiệp. Nếu các tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật được xây dựng hợp lý, minh bạch, khả thi và thống nhất có thể là hạ tầng quan trọng giúp nâng cao chất lượng sản phẩm hàng hoá, tạo thuận lợi cho hoạt động thương mại, thúc đẩy sự phát triển của các ngành công nghiệp và nền kinh tế. Ngược lại nếu các tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật không hợp lý, quá mức cần thiết có thể nảy sinh nhiều tác động tiêu cực đến hoạt động của các doanh nghiệp như làm tăng chi phí, kéo dài thời gian cung ứng hàng hoá, dịch vụ, tạo sự độc quyền hoặc thống lĩnh thị trường,...

Qua 17 năm thi hành Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật, các cơ quan nhà nước của Việt Nam đã ban hành khoảng 800 quy chuẩn kỹ thuật và gần 14.000 tiêu chuẩn quốc gia. Trong số đó, không ít tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật gây ra vướng mắc bất cập khi triển khai được cộng đồng doanh nghiệp phản ánh, kiến nghị. Chúng tôi sử dụng các tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật này như những ví dụ minh hoạ cho một số vấn đề có thể gặp phải trong quá trình xây dựng các tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.

1 Thông tin tổng quan

Tính đến hết năm 2024, các cơ quan nhà nước đã ban hành 804 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia còn hiệu lực. Các quy chuẩn này hiện do 13 bộ, ngành quản lý. Số lượng cụ thể chia theo từng bộ ngành được tổng hợp trong bảng sau:

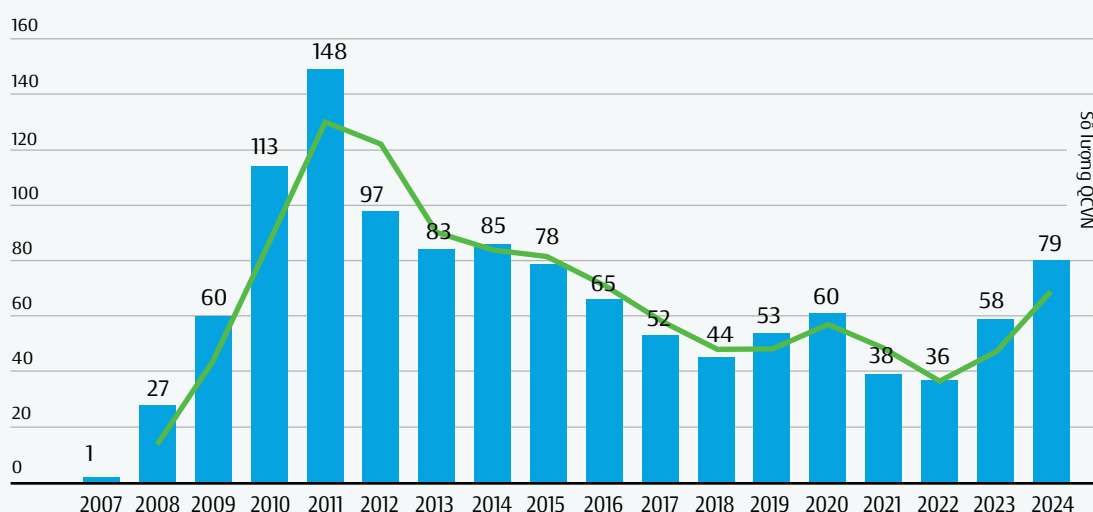
Bảng 2 Danh sách số lượng QCVN theo bộ ban hành và lĩnh vực

TT	Bộ, ngành	Lĩnh vực, đối tượng áp dụng QCVN	Số lượng QCVN
1	Công an	Kho chứa, vũ khí, vật liệu...	7
2	Công Thương	Trang thiết bị hệ thống điện, xăng dầu, an toàn vật liệu nổ công nghiệp...	93
3	Khoa học và Công nghệ	Thép, mũ bảo hiểm, xăng dầu, đồ chơi trẻ em, phóng xạ...	23
4	Lao động - Thương binh và Xã hội	An toàn lao động, trang thiết bị lao động...	34
5	Quốc phòng	Đạn, pháo, vũ khí, bảo mật dữ liệu...	15
6	Tài chính	Thiết bị cứu sinh, một số thiết bị dự trữ nhà nước...	31
7	Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Rạp chiếu phim	1
8	Xây dựng	Vật liệu xây dựng, các loại công trình...	26
9	Y tế	Chất lượng thực phẩm, thuốc, nước...	78
10	Tài nguyên và Môi trường	Quan trắc môi trường, tiếng ồn, độ rung, yêu cầu đối với các loại chất thải ra môi trường...	85
11	Giao thông vận tải	Mũ bảo hiểm, yêu cầu vật liệu cho công trình giao thông, phương tiện giao thông...	148
12	Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Phân bón, thú y, các loại thực phẩm...	131
13	Thông tin và Truyền thông	Thiết bị đầu đầu cuối, trí tuệ nhân tạo, internet vạn vật...	132
Tổng			804

Phân tích theo thời gian cho thấy, trong 4 năm đầu khi thực thi Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật 2006, số lượng QCVN được ban hành tăng rất nhanh. Năm 2011 cũng là năm có số lượng QCVN được ban hành cao nhất trong lịch sử, lên đến 148 QCVN. Các năm sau đó chứng kiến xu hướng giảm ban hành các QCVN. Từ 2012 đến 2015 số lượng QCVN được ban hành ở mức 80 đến hơn 90 văn bản mỗi năm. Từ năm 2016 đến năm 2023, số lượng QCVN ban hành mỗi năm tiếp tục xu hướng giảm, chỉ còn khoảng 40 đến 60 QCVN mỗi năm.

Hình
1

Số lượng QCVN ban hành theo năm, bao gồm QCVN mới, thay thế và sửa đổi

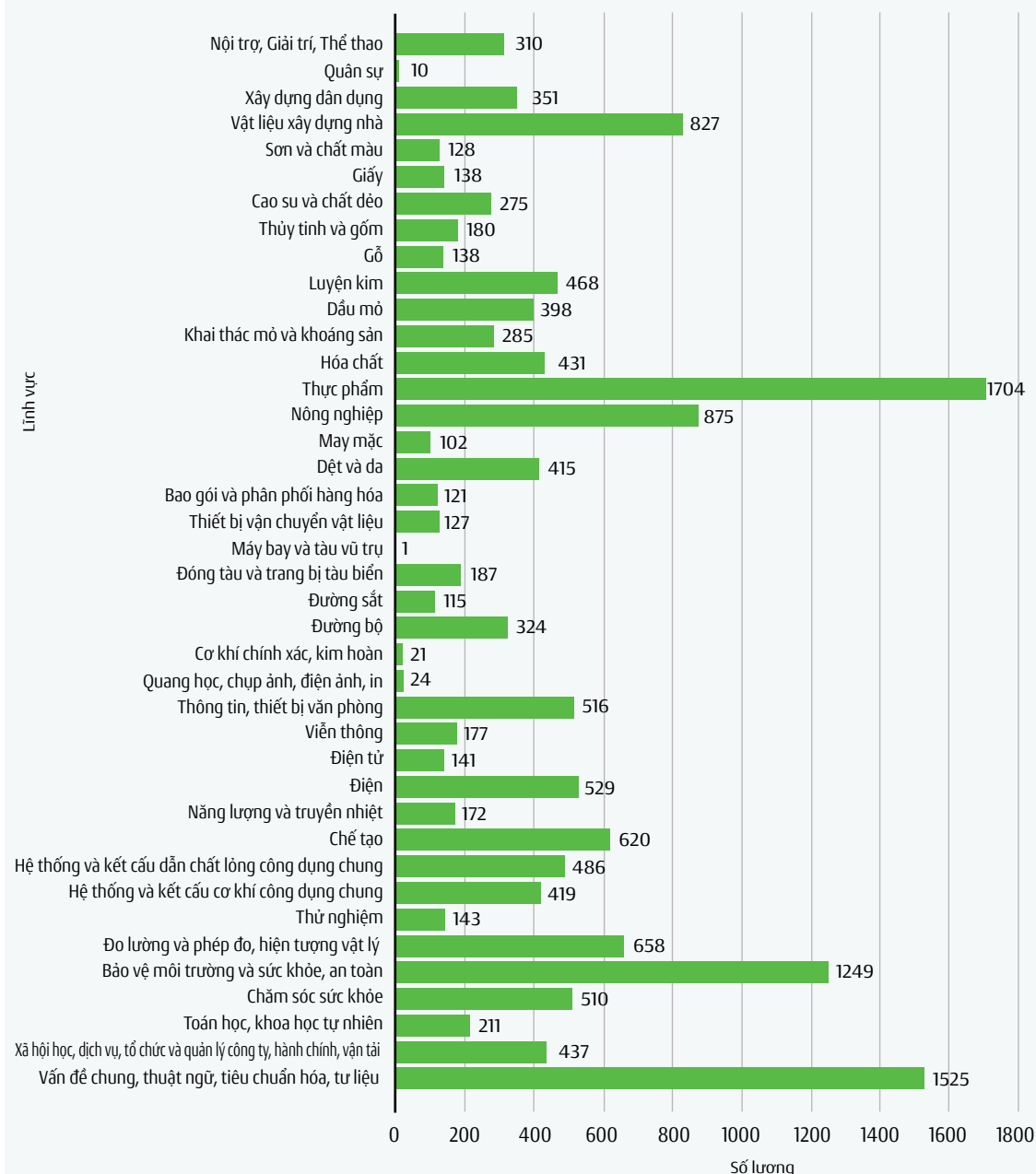


Đối với tiêu chuẩn quốc gia (viết tắt là TCVN), Việt Nam hiện có khoảng 14000 TCVN và được phân loại theo 40 lĩnh vực. Số lượng TCVN của từng lĩnh vực được thể hiện trong đồ thị dưới đây. Lĩnh vực có nhiều TCVN nhất là thực phẩm với 1700 TCVN. Các lĩnh vực khác có nhiều TCVN gồm vật liệu xây dựng, các vấn đề chung (thuật ngữ, tiêu chuẩn hoá...), bảo vệ môi trường, nông nghiệp. Một loạt các ngành có hơn 400 TCVN gồm luyện kim, hoá chất, chế tạo dệt may, da giày và thông tin văn phòng.

Hình

2

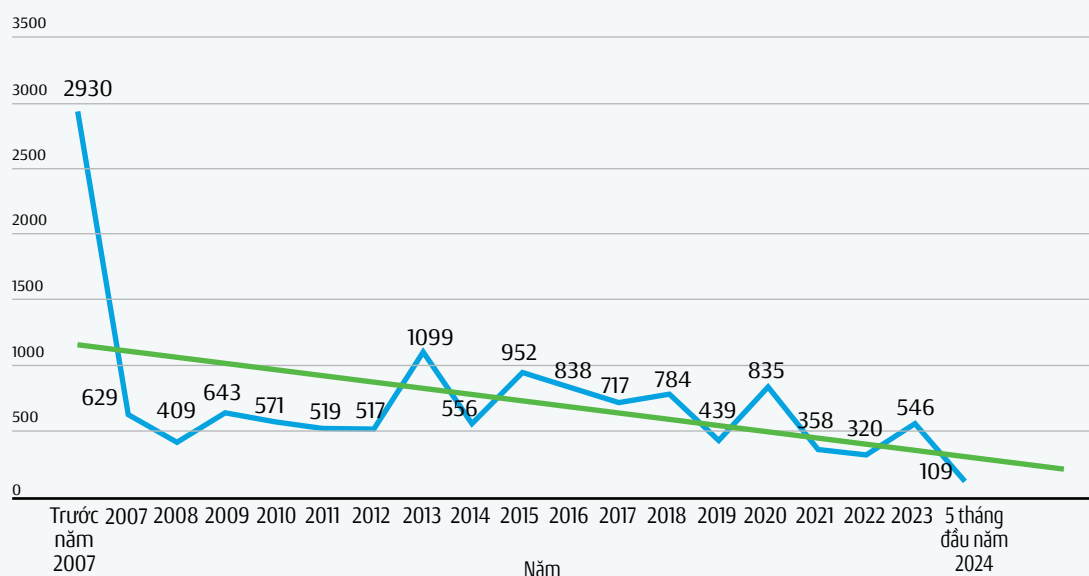
Số lượng TCVN ban hành theo lĩnh vực



Đồ thị số lượng TCVN ban hành qua từng năm cũng cho thấy xu hướng giảm ban hành trong thời gian gần đây. Trước khi Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật 2006 có hiệu lực năm 2007, số lượng TCVN của Việt Nam là 2930 văn bản. Các năm từ 2008 đến 2012, trung bình Việt Nam ban hành khoảng 500-600 TCVN mỗi năm. Giai đoạn từ 2013 đến 2020, số lượng TCVN được ban hành mỗi năm tăng lên khoảng 700-900 văn bản. Tuy nhiên, từ 2021 đến 2024, số lượng này giảm xuống chỉ còn 300-400 văn bản mỗi năm.

Hình
3

Số lượng TCVN ban hành theo năm



2 Đánh giá chất lượng một số tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật

Để đánh giá chất lượng của các tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, chúng tôi sử dụng các tiêu chí chung để đánh giá chất lượng văn bản quy phạm pháp luật, gồm sự cần thiết, tính hợp lý, tính thống nhất, tính khả thi, tính minh bạch, đúng trình tự thủ tục. Chúng tôi đi sâu phân tích và phát triển thêm một số tiêu chí chi tiết hơn dành riêng cho các tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật khác với các văn bản quy phạm pháp luật khác.

Sự cần thiết ban hành

Việc ban hành tiêu chuẩn hoặc quy chuẩn kỹ thuật thường nhằm đạt được các mục tiêu chính sách quan trọng. Quy chuẩn kỹ thuật thường được xây dựng để bảo đảm an toàn, vệ sinh, sức khỏe con người, bảo vệ động vật, thực vật, môi trường; bảo vệ lợi ích và an ninh quốc gia, quyền lợi của người tiêu dùng. Trong khi đó, tiêu chuẩn kỹ thuật được thiết lập để phân loại, đánh giá sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, quá trình, môi trường và các đối tượng khác.

Các yêu cầu thiết yếu khác

Ngoài việc bảo vệ lợi ích công cộng như an toàn, vệ sinh, sức khỏe con người, và bảo vệ môi trường, khoản 2 Điều 3 Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật 2006 còn cho phép ban hành quy chuẩn kỹ thuật nhằm đáp ứng các yêu cầu thiết yếu khác. Tuy nhiên, điều này có thể không phù hợp với quy định của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) và có khả năng mâu thuẫn với Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa 2007 về danh mục hàng hóa nhóm 2. Trên thực tế, đã có trường hợp ban hành quy chuẩn kỹ thuật không nhằm bảo vệ các lợi ích công cộng được liệt kê, như QCVN 20:2019/BKHCN Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Thép không gỉ.

Mục tiêu bảo hộ thị trường

Một quy chuẩn kỹ thuật khi được ban hành có thể hướng tới nhiều mục đích cùng một lúc, trong đó có cả các mục tiêu để bảo vệ lợi ích công cộng và mục tiêu bảo hộ thị trường. Trên thực tế, không ít trường hợp các quốc gia trên thế giới ban hành các quy định về hàng rào kỹ thuật nhằm bảo hộ hàng hoá sản xuất trong nước, nhưng được thuyết minh bằng những lý do khác như bảo vệ con người, tài sản. Bảo hộ thị trường có thể là “con dao hai lưỡi” đối với sự phát triển kinh tế và để có một chính sách bảo hộ tốt cần rất nhiều yếu tố.

Trong trường hợp một quy chuẩn kỹ thuật được sử dụng làm công cụ bảo hộ thì cần được thuyết minh hết sức kỹ lưỡng và đánh giá tác động, cơ hội và thách thức đối với sự phát triển của ngành.

Mục tiêu nâng cao chất lượng hoặc thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm

Qua quan sát, chúng tôi nhận thấy một số trường hợp, cơ quan nhà nước đưa ra các mục tiêu chính sách khác như nhằm nâng cao chất lượng của sản phẩm, hàng hoá (ví dụ QCVN 20:2019/BKHCN về Thép không gỉ) hoặc nhằm thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm (ví dụ, chỉ tiêu xi hạt lò cao để sản xuất xi măng trong QCVN 16:2023/BXD về Sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng). Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy rằng quy chuẩn kỹ thuật hầu như không có tác dụng như vậy. Trong khi đó, chi phí tuân thủ và tác động tiêu cực về mặt kinh tế của các quy chuẩn kỹ thuật này là hiện hữu. Trong trường hợp cần hướng đến mục tiêu nâng cao chất lượng sản phẩm hoặc thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm, cơ quan nhà nước nên sử dụng công cụ ban hành tiêu chuẩn đi kèm với các chính sách hỗ trợ khác như truyền thông nâng cao nhận thức hoặc giảm thuế, phí.

Giải pháp khác thay thế

Cuối cùng, khi thảo luận về sự cần thiết ban hành một quy chuẩn kỹ thuật, các cơ quan soạn thảo luôn cần đặt câu hỏi về việc “liệu có biện pháp quản lý khác tốt hơn”. Các biện pháp cũng có tác dụng bảo đảm an toàn cho sản phẩm hàng hoá có thể kể đến như đăng ký lưu hành sản phẩm và/hoặc quản lý quy trình sản xuất. Điều này để tránh chi phí xã hội không đáng có của việc làm thủ tục hợp quy sản phẩm.

Tên gọi của tiêu chuẩn

Đối với các tiêu chuẩn do không bắt buộc áp dụng nên ít gây vướng mắc bất cập đối với doanh nghiệp hơn so với quy chuẩn kỹ thuật. Mặc dù vậy, các tiêu chuẩn quốc gia lại có tác dụng để phân loại, đánh giá và gọi tên cho chính xác. Vì vậy, trong trường hợp tiêu chuẩn sử dụng các tên gọi, từ ngữ phổ biến có thể ảnh hưởng lớn đến thương mại. Các tiêu chuẩn quốc gia về nước mắm, nước mắm truyền thống là ví dụ cho trường hợp này. Khi đó, việc tham vấn và cân nhắc kỹ lưỡng về sự cần thiết cũng như lựa chọn từ ngữ là rất quan trọng trước khi ban hành tiêu chuẩn quốc gia.

Tính hợp lý

Việc xác định tính hợp lý của tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật liên quan đến việc đánh giá xem các quy định cụ thể trong đó có đạt được mục tiêu chính sách ban đầu một cách hiệu quả hay không, đồng thời giảm thiểu tác động tiêu cực và chi phí xã hội ở mức thấp nhất.

Chỉ tiêu không nhằm mục đích an toàn

Thông thường, các quy chuẩn kỹ thuật sẽ bao gồm một hoặc nhiều chỉ tiêu đánh giá cho sản phẩm, hàng hoá. Một thực tế hiện nay là nhiều các chỉ tiêu được đưa vào quy chuẩn kỹ thuật không nhằm mục đích bảo đảm an toàn mà nhằm các mục tiêu khác như phản ánh chất lượng của sản phẩm, hàng hoá đó. Tình trạng trộn lẫn các chỉ tiêu bảo đảm an toàn và các chỉ tiêu khác trong các quy chuẩn kỹ thuật diễn ra khá phổ biến, xuất hiện ở nhiều loại sản phẩm, hàng hoá.

Các ví dụ thực tế như quy chuẩn về pin lithium (QCVN 101:2020/BTTTT về Pin lithium cho thiết bị cầm tay) và giấy vệ sinh (QCVN 09:2015/BCT về Sản phẩm khăn giấy và giấy vệ sinh) cho thấy sự thiếu hợp lý trong việc thiết lập các chỉ tiêu. Pin lithium có thể gây mất an toàn do phản ứng hóa học sinh nhiệt, dẫn đến cháy nổ hoặc bỏng. Tuy nhiên, quy chuẩn lại bao gồm các chỉ tiêu về dung lượng và khả năng sạc nhanh. Tương tự, giấy vệ sinh có thể gây mất an toàn nếu chứa hóa chất độc hại, nhưng quy chuẩn lại thêm các chỉ tiêu về độ bền dai và khả năng thấm nước.

Thực trạng này có thể do sự tách rời trong quá trình xây dựng chính sách. Việc đưa một loại hàng hóa vào danh mục nhóm 2 được thực hiện mà không gắn kết chặt chẽ với việc xác định các chỉ tiêu đánh giá. Khi quyết định đưa hàng hóa vào danh mục nhóm 2, có xem xét nguy cơ mất an toàn, nhưng khi xác định chỉ tiêu, yếu tố này lại ít được chú trọng, dẫn đến việc các chỉ tiêu không liên quan đến an toàn vẫn được đưa vào quy chuẩn kỹ thuật.

Chỉ tiêu quá nghiêm ngặt

Một số quy chuẩn kỹ thuật đưa ra chỉ tiêu quá nghiêm ngặt, gây khó khăn vướng mắc cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. Các ví dụ được doanh nghiệp phản ánh như độ ẩm của phân vi sinh quá thấp trong QCVN 01-189:2019/BNNPTNT về Chất lượng phân bón, yêu cầu quá cao đối với nhà xưởng của QCVN 06:2022/BXD về An toàn cháy cho nhà và công trình, yêu cầu hàm lượng melamine bằng không trong sữa, yêu cầu hàm lượng photpho quá thấp trong quy chuẩn nước thải ngành thủy sản trong dự thảo QCVN về nước thải công nghiệp, quy chuẩn thiết bị 5G phải hỗ trợ kiến trúc mạng lai ghép trong QCVN 129:2021/BTTTT về Thiết bị đầu cuối mạng thông tin di động 5G lai ghép...

Chỉ tiêu quá dễ đáp ứng gây tổn kém chi phí kiểm tra

Nếu các chỉ tiêu quá cao và nghiêm ngặt, doanh nghiệp sẽ phải chi nhiều chi phí để tuân thủ. Ngược lại, chỉ tiêu quá thấp cũng gây vấn đề, vì khi đó mọi loại hàng hóa trên thị trường đều dễ dàng đáp ứng, bất kể có chỉ tiêu đó hay không. Điều này dẫn đến việc lãng phí chi phí thử nghiệm và chứng nhận không cần thiết. Mặc dù các chỉ tiêu có thể cần thiết để đảm bảo an toàn sản phẩm, nếu đặt quá cao sẽ gây hại. Tuy nhiên, do rủi ro vi phạm rất thấp, nên chi phí thử nghiệm và chứng nhận trở nên lãng phí. Các ví dụ được doanh nghiệp phản ánh bao gồm chỉ tiêu hoạt động phóng xạ đối với xi lò cao và tro bay trong QCVN 16:2023/BXD về Sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng, và chỉ tiêu kim loại nặng trong thức ăn chăn nuôi có nguồn gốc thực vật trong QCVN 01-190:2020/BNNT về Thức ăn chăn nuôi.

Phép đo trùng lặp không cần thiết

Một vấn đề được nhiều ý kiến phản ánh là tình trạng trùng lặp không cần thiết của các phép đo. Theo các doanh nghiệp, có những trường hợp phép đo có bản chất tương tự nhau mà kết quả của phép đo trước hoàn toàn có thể được sử dụng cho sản phẩm sau. Tuy nhiên, quy định pháp luật vẫn yêu cầu lặp lại các phép đo này, gây tổn kém cho doanh nghiệp. Nguyên nhân có thể do trong quá trình soạn thảo quy chuẩn, các cơ quan không xem xét đến chi phí thử nghiệm. Các ví dụ được doanh nghiệp nêu ra bao gồm việc lặp lại quá nhiều phép đo cho các kiểu dáng sản phẩm tivi và dây cáp điện công nghiệp.

Tính thống nhất

Tính thống nhất đề cập đến việc nội dung của văn bản pháp luật phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước; không trái với các văn bản pháp luật có hiệu lực pháp lý cao hơn; không chồng chéo, mâu thuẫn, trùng lặp với các văn bản khác; không trái với các cam kết quốc tế mà Việt Nam tham gia. Các tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, ngoài đáp ứng các tiêu chí trên, còn cần bảo đảm tính tương thích so với các tiêu chuẩn của thế giới nhằm giảm tạo sự thuận lợi cho quá trình áp dụng hoặc chi phí cho quá trình đánh giá sự phù hợp.

Quy chuẩn kỹ thuật chứa đựng điều kiện đầu tư kinh doanh

Luật Đầu tư 2014 đã cấm việc ban hành điều kiện đầu tư kinh doanh tại văn bản cấp thông tư. Quy chuẩn kỹ thuật thường được ban hành ở văn bản cấp thông tư. Qua rà soát, hiện vẫn còn QCVN 01-133:2013/BNNT về Kho chứa thóc và QCVN 01-134: 2013/BNNT về Cơ sở xay, sát thóc gạo chứa đựng nội dung về điều kiện đầu tư kinh doanh.

Sao chép máy móc tiêu chuẩn nước ngoài

Các quy chuẩn kỹ thuật của Việt Nam hiện nay chủ yếu được soạn thảo dựa trên việc tham khảo các tiêu chuẩn nước ngoài hoặc tiêu chuẩn quốc tế. Trong quá trình này, các cơ quan soạn thảo thường loại bỏ hoặc điều chỉnh các nội dung không phù hợp với điều kiện của Việt Nam. Tuy nhiên, trong một số trường hợp, việc sao chép máy móc vẫn xảy ra. Các ví dụ được đưa ra gồm yêu cầu xác định độ bền bằng giá trong TCVN 6415-12:2016

về Gạch gốm ốp, lát và yêu cầu thử nghiệm trong điều kiện khắc nghiệt trong các quy chuẩn thiết bị công nghệ thông tin.

Không công nhận tiêu chuẩn nước ngoài hoặc có sự khác biệt nhỏ so với tiêu chuẩn nước ngoài làm tăng chi phí đánh giá sự phù hợp

Ngược lại với trường hợp sao chép máy móc, lại có những quy chuẩn hoặc tiêu chuẩn không công nhận tiêu chuẩn tương ứng của nước ngoài hoặc có sự sai khác nhỏ so với tiêu chuẩn nước ngoài gây tổn kém chi phí thử nghiệm. Các tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật nên được xây dựng theo hướng tương đồng với các tiêu chuẩn của quốc tế nhằm tạo sự thuận lợi cho hoạt động thương mại. Tuy nhiên, có doanh nghiệp phản ánh tình trạng hàng hoá về Việt Nam lại phải thử nghiệm lại dù đã có kết quả thử nghiệm tương đồng trên thế giới. Các ví dụ được doanh nghiệp phản ánh là các quy chuẩn về mạng 5G/4G, wifi và các tiêu chuẩn về thép xây dựng³⁸ yêu cầu phải thử nghiệm lại dù nội dung các tiêu chuẩn này chủ yếu là sao chép tiêu chuẩn nước ngoài.

Chống chéo giữa các bộ ngành về quản lý cùng một hàng hoá

Tình trạng một loại hàng hoá do hai bộ ngành khác nhau quản lý trước đây diễn ra khá phổ biến. Năm 2018, trong đợt cắt giảm, đơn giản hoá các quy định về đầu tư kinh doanh của Chính phủ, tình trạng này đã được giải quyết tương đối triệt để. Tuy nhiên, hiện nay vẫn còn một số trường hợp chống chéo gây khó khăn cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Các ví dụ được phản ánh là sản phẩm sơn cùng một mã hải quan (mã HS) nhưng lại chia cho Bộ Xây dựng và Bộ Công Thương, thiết bị điện vừa phải chứng nhận hợp quy vừa phải dán nhãn năng lượng.

Không thống nhất về hình thức và biện pháp quản lý

Một số loại mặt hàng vừa chịu sự quản lý của quy chuẩn kỹ thuật, vừa chịu sự quản lý của các văn bản quy phạm pháp luật khác có nội dung kỹ thuật. Ví dụ được phản ánh là thực phẩm và thức ăn chăn nuôi.

³⁸ TCVN 1651-1:2018 về Thép cốt bê tông.

Tính khả thi

Tính khả thi liên quan đến các điều kiện cần thiết để thi hành chính sách trong văn bản pháp luật. Với tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, tính khả thi phụ thuộc vào đối tượng áp dụng, chẳng hạn như quy chuẩn về nước thải sẽ khác với quy chuẩn về sản phẩm, hàng hóa. Dù vậy, một điều kiện quan trọng để thi hành các tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật là cần có hoạt động chứng nhận sự phù hợp với đủ năng lực.

Không có hoặc không đủ đơn vị đánh giá sự phù hợp

Trường hợp quy chuẩn kỹ thuật có hiệu lực nhưng không có hoặc không đủ đơn vị đánh giá sự phù hợp sẽ gây rủi ro rất lớn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Điều này có thể khiến cho hàng hoá bị ách tắc hoặc độc quyền cung cấp dịch vụ đánh giá sự phù hợp. Các ví dụ được phản ánh như, không chỉ định đơn vị hợp quy keo dán gỗ, không có đơn vị đủ năng lực thử nghiệm công nghệ 5G, thiếu đơn vị thử nghiệm thuốc thú y, không đủ năng lực thử nghiệm máy phát điện xoay chiều sử dụng động cơ đốt trong pít-tông (piston).

Phương pháp thử bó buộc, lạc hậu hoặc quá tốn kém

Phương pháp thử nghiệm rất quan trọng để có thể thực hiện các thủ tục hợp chuẩn, hợp quy. Các phương pháp thử nghiệm này thường được ban hành dưới dạng tiêu chuẩn và được dẫn chiếu trong quy chuẩn kỹ thuật để các bên liên quan áp dụng. Tuy nhiên, một số doanh nghiệp phản ánh tình trạng các quy định về phép đo kiểm này bó buộc và lạc hậu so với sự thay đổi của xã hội. Các vướng mắc được phản ánh như thử nghiệm ra đa trong môi trường chuẩn, thử nghiệm ứng suất bề mặt kính của kính phẳng tối nhiệt, thử nghiệm từ tính hàng không, thử nghiệm khoá vòi phun trong thiết bị bơm thuốc bảo vệ thực vật.

Thời hạn áp dụng, lộ trình và quy định chuyển tiếp

Thời hạn phải áp dụng quy chuẩn kỹ thuật mới cũng là một yếu tố rất quan trọng đối với các doanh nghiệp. Theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, thời điểm có hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật không sớm hơn 45 ngày kể từ ngày ban hành. Nhiều trường hợp doanh nghiệp phản ánh thời hạn áp dụng quy chuẩn kỹ thuật mới 45 ngày là quá ngắn để doanh nghiệp có thể đáp ứng. Điều này có thể gây cản trở rất lớn đến chuỗi cung ứng và làm giảm khả năng dự báo của môi trường đầu tư kinh doanh. Một số trường hợp được doanh nghiệp phản ánh như thay đổi quy chuẩn vật liệu xây dựng năm 2017 và 2023; thay đổi các quy chuẩn về an toàn điện và thu phát vô tuyến thiết bị điện tử; tiêu chuẩn camera giám sát hành trình lắp trên xe ô tô kinh doanh vận tải; dự thảo quy chuẩn nước thải công nghiệp.

Việc thay đổi các quy chuẩn kỹ thuật quá nhanh không chỉ gây thiệt hại cho các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh mặt hàng đó, mà còn ảnh hưởng đến các bên cung cấp dịch vụ thử nghiệm. Nhiều trường hợp sự thay đổi quy chuẩn khiến cho các khoản đầu tư máy móc, thiết bị để cung cấp dịch vụ thử nghiệm bị lãng phí. Chính sự rủi ro này khiến nhiều trường hợp các đơn vị thử nghiệm không mặn mà đầu tư máy móc mới dù thị trường có nhu cầu, do họ không thể biết được liệu quy định có thay đổi trước khi họ kịp thu hồi vốn hay không. Ví dụ, doanh nghiệp phản ánh bốn lần thay đổi chỉ tiêu đối với sản phẩm thép gây tốn kém chi phí mua máy móc thử nghiệm.

Tính minh bạch

Tính minh bạch đề cập đến việc nội dung của các tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật rõ ràng, khách quan, dễ hiểu, không bị diễn giải theo nhiều cách khác nhau, thuận tiện cho việc áp dụng.

Nội dung tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật không rõ ràng, gây tranh cãi trong quá trình áp dụng

Chúng tôi nhận được một số ví dụ phản ánh từ các doanh nghiệp về tình trạng các tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật có nội dung không rõ ràng, vô nghĩa, hoặc nhiều nghĩa, gây tranh cãi trong quá trình áp dụng như môi trường đo kiểm thiết bị âm thanh không dây trong QCVN 91:2015/BTTTT về Thiết bị âm thanh không dây dải tần 25MHz đến 2000MHz, tiêu chuẩn thử nghiệm silic trong phân bón silicat kiềm trong TCVN 11407:2019 về Phân bón - Xác định hàm lượng silic hữu hiệu bằng phương pháp phổ hấp thụ phân tử.

Phân loại sản phẩm khó tra cứu

Các quy chuẩn về an toàn thực phẩm bị doanh nghiệp phản ánh là rất khó tra cứu do mỗi quy chuẩn không áp dụng cho mặt hàng mà áp dụng cho chỉ tiêu. Như vậy, cùng một mặt hàng sẽ phải cùng lúc đáp ứng nhiều quy chuẩn kỹ thuật. Thêm vào đó, trong mỗi quy chuẩn này lại sử dụng cách gọi phân loại hàng hoá khác nhau, gây nhiều khó khăn khi áp dụng.

Sai sót về ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo

Các sai sót về ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo vẫn tồn tại như trường hợp QCVN 16:2023/BXD về Sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng đối với chỉ tiêu độ hút nước, tải trọng uốn gãy, độ bền rạn men của loại ngói gốm tráng men.

Trình tự thủ tục soạn thảo, ban hành

Việc xây dựng và ban hành các tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật phải bảo đảm tuân thủ đúng trình tự, thủ tục. Trong đó, nội dung được doanh nghiệp quan tâm nhất là bảo đảm việc đăng tải công khai và tham vấn ý kiến của các doanh nghiệp chịu tác động.

Lấy ý kiến đối tượng chịu tác động

Việc đăng tải công khai dự thảo và lấy ý kiến đối tượng chịu tác động của các quy chuẩn kỹ thuật là yêu cầu bắt buộc trong quá trình soạn thảo các tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật. Đối tượng lấy ý kiến là các tổ chức, cá nhân có liên quan. Thời hạn lấy ý kiến là 60 ngày. Tuy nhiên, tình trạng quy chuẩn kỹ thuật được ban hành mà doanh nghiệp là đối tượng chịu tác động không được biết trước vẫn diễn ra. Tình trạng này có thể do nhiều nguyên nhân, cả từ phía doanh nghiệp và cơ quan nhà nước. Thực tế này cho thấy có thể cải thiện về

mặt thực thi để quá trình lấy ý kiến diễn ra thân thiện hơn với cả doanh nghiệp và cơ quan tham mưu soạn thảo. Các trường hợp được phản ánh như công tác tham vấn chưa rộng rãi đối với tiêu chuẩn thử nghiệm silic trong phân bón tại TCVN 11407:2019 về Phân bón - Xác định hàm lượng silic hữu hiệu bằng phương pháp phổ hấp thụ phân tử, không đăng tải dự thảo quy chuẩn đối với QCVN 20:2019/BKHCN về Thép không gỉ.

Một số vấn đề khi tham khảo tiêu chuẩn của nước ngoài

Hiện nay, không có bất kỳ một quy định nào liên quan đến việc tham khảo các tiêu chuẩn của nước ngoài trong quá trình xây dựng tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật của Việt Nam. Trên thực tế, các ý kiến tham gia khảo sát đều đồng tình rằng hầu hết các tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật của Việt Nam được ban hành dựa trên việc tham khảo các tiêu chuẩn quốc tế và của nước ngoài. Điều này dẫn đến một số vướng mắc xuất hiện có thể kể đến như:

- Không rõ phạm vi áp dụng của tiêu chuẩn nước ngoài là tự nguyện hay bắt buộc trong một số trường hợp cụ thể hay bắt buộc cho tất cả, ví dụ trường hợp đặc tính điện của pin lithium.
- Không hiểu rõ nội dung của tiêu chuẩn nước ngoài dẫn đến quá trình Việt hoá không đầy đủ, chính xác, từ đó nảy sinh vướng mắc, bất cập trong quá trình áp dụng. Ví dụ như dự thảo QCVN 134:2024/BTTTT về Mức hấp thụ riêng đối với thiết bị vô tuyến cầm tay và đeo trên cơ thể người hay khái niệm “baby food” của Châu Âu trong QCVN 8-1:2011/BYT về Giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.
- Tiêu chuẩn hoặc quy chuẩn của Việt Nam chậm được cập nhật dù tiêu chuẩn nước ngoài đã có sự điều chỉnh. Ví dụ trường hợp chậm điều chỉnh quy chuẩn sản phẩm dinh dưỡng cho trẻ từ 6 tháng đến 3 tuổi tại QCVN 11-3:2012/BYT về Sản phẩm dinh dưỡng công thức với mục đích ăn bổ sung cho trẻ từ 6 đến 36 tháng tuổi, chậm cập nhật TCVN 5935-1:2013 về Cáp điện và Phụ kiện cáp điện lực.

3 Một số đề xuất

Hiện nay, Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật đang được soạn thảo và trình Quốc hội. Dự kiến Quốc hội sẽ thông qua luật này vào kỳ họp tháng 5 năm 2025. Đây là cơ hội để Việt Nam có thể củng cố quy trình xây dựng các tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật nhằm nâng cao chất lượng các văn bản này, góp phần vào sự phát triển kinh tế và xã hội quốc gia.

Về trình tự thủ tục xây dựng tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật

Chúng tôi khuyến nghị nên đưa báo cáo đánh giá tác động thành một tài liệu bắt buộc trong hồ sơ xây dựng các quy chuẩn kỹ thuật. Nội dung của báo cáo đánh giá tác động bao gồm các vấn đề về sự cần thiết, tính hợp lý và tính khả thi của việc ban hành quy chuẩn kỹ thuật.

Trong trường hợp cơ quan soạn thảo tham khảo tiêu chuẩn của nước ngoài khi ban hành tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật của Việt Nam thì cần lưu ý một số vấn đề như (1) ngoài nội dung của tiêu chuẩn, cần tham khảo cả đối tượng áp dụng của tiêu chuẩn đó; (2) việc dịch thuật cần được tiến hành kỹ lưỡng và cần có chú giải các thuật ngữ một cách cẩn thận; (3) cho phép doanh nghiệp áp dụng đồng thời cả phiên bản cũ và mới khi tiêu chuẩn nước ngoài có sự thay đổi mà chưa kịp thay đổi tiêu chuẩn hoặc quy chuẩn tương ứng của Việt Nam.

Vấn đề đăng tải công khai dự thảo tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật cần được bảo đảm. Hồ sơ đăng tải không chỉ là dự thảo tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật mà còn phải bao gồm cả các tờ trình, báo cáo đánh giá tác động. Nên có một đầu mối chung để đăng tải, tránh việc đăng tải tản mát trên nhiều website gây khó khăn cho việc theo dõi.

Việc tham vấn đối tượng chịu tác động khi soạn thảo tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật là hết sức quan trọng. Đối tượng tham vấn bắt buộc phải bao gồm các doanh nghiệp, hiệp hội doanh nghiệp ngành hàng và đơn vị cung cấp dịch vụ đánh giá sự phù hợp có hoặc có thể liên quan đến tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.

Đối với công tác thẩm định, cần có sự tham gia nhiều hơn của đại diện các đối tượng chịu tác động và đơn vị pháp chế. Các ý kiến trong báo cáo thẩm định cần được giải trình hoặc tiếp thu trước khi ban hành quy chuẩn kỹ thuật.

Việt Nam cần tiến tới bỏ cơ chế quy chuẩn kỹ thuật theo thông lệ quốc tế, thay vào đó là ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về việc những trường hợp nào phải áp dụng bắt buộc các tiêu chuẩn.

Về nội dung của các tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật

Các quy chuẩn kỹ thuật chỉ nên được ban hành nhằm hướng đến mục tiêu bảo đảm tính an toàn của sản phẩm, hàng hoá hoặc các lợi ích công cộng. Các mục tiêu khác như bảo hộ thị trường, thúc đẩy giao dịch hay nâng cao chất lượng sản phẩm hàng hoá cần được cân nhắc hết sức thận trọng trong quá trình soạn thảo. Trước khi ban hành một quy chuẩn kỹ thuật, cơ quan soạn thảo cần cân nhắc các giải pháp khác như quy định trách nhiệm pháp lý nếu để xảy ra rủi ro hoặc các biện pháp giám sát quá trình khác. Trong trường hợp ban hành tiêu chuẩn sử dụng tên gọi thông dụng thì cần có sự cân nhắc hết sức kỹ lưỡng.

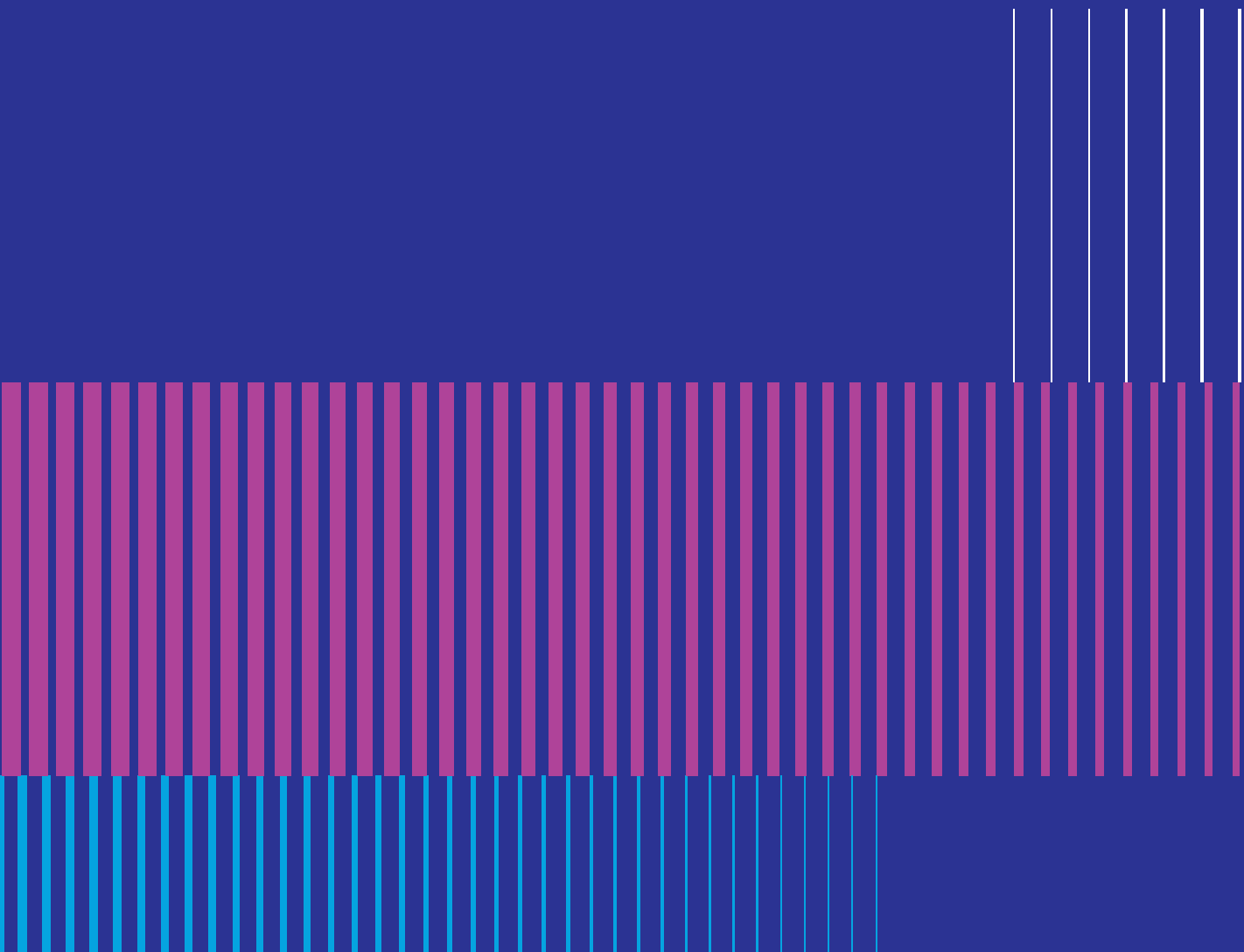
Khi lựa chọn đưa các chỉ tiêu thử nghiệm vào trong quy chuẩn kỹ thuật cũng cần thuyết minh về mục tiêu nâng cao tính an toàn, chứ không nên đưa các chỉ tiêu về phẩm cấp của hàng hoá. Các chỉ tiêu không nên cao quá khiến ít doanh nghiệp đáp ứng được và cũng không nên thấp quá gây lãng phí chi phí thử nghiệm. Các phép đo cần được thiết kế sao cho sử dụng lại được các kết quả đo đã có và chấp nhận các kết quả đo tương đương trong tiêu chuẩn quốc tế.

Các quy chuẩn kỹ thuật không được phép bao gồm nội dung về điều kiện đầu tư kinh doanh. Tính tương thích của tiêu chuẩn và quy chuẩn của Việt Nam với quốc tế cần được chú trọng để bảo đảm tạo thuận lợi cho hoạt động thương mại. Cần bảo đảm nguyên tắc mỗi loại sản phẩm hàng hoá không phải đáp ứng cùng lúc nhiều quy chuẩn khác nhau.

Trước khi ban hành các tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật cần có khảo sát về năng lực của dịch vụ đánh giá sự phù hợp để tránh đứt gãy cung ứng hàng hoá hoặc độc quyền, thống lĩnh cung cấp dịch vụ. Thời hạn áp dụng quy chuẩn cần được thiết kế đủ dài (từ một đến vài năm) để các bên có thời gian tuân thủ.

Các vấn đề về kỹ thuật soạn thảo văn bản cần được chú trọng thông qua việc tham vấn chuyên gia về soạn thảo văn bản và pháp chế.

Triển khai dự án đầu tư: Hành trình gian nan



A decorative graphic consisting of a series of vertical lines of varying heights and colors (white and pink) against a dark blue background, spanning the width of the page.

03

Các năm gần đây, Chính phủ có nhiều biện pháp khai thông các nguồn lực đầu tư, trong đó tập trung đơn đốc các bộ, cơ quan trung ương và địa phương giải quyết, tháo gỡ khó khăn vướng mắc liên quan đến dự án đầu tư, bao gồm các dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư công, nguồn vốn đầu tư tư nhân trong nước, nguồn đầu tư trực tiếp nước ngoài và các nguồn vốn khác.

Về thể chế, Chính phủ đẩy mạnh hoạt động cải cách thủ tục hành chính, cắt giảm các quy định kinh doanh, thúc đẩy môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, thông thoáng hơn. Liên quan đến các quy định về thực hiện dự án đầu tư, hoạt động phân cấp thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính diễn ra rất mạnh mẽ (chẳng hạn, pháp luật đầu tư phân cấp một số dự án trước đây do Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư xuống cho Chủ tịch UBND cấp tỉnh; pháp luật về xây dựng phân cấp thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đối với các công trình cấp 1 trở xuống, trước đây các công trình này đều phải lên bộ). Tăng thẩm quyền và đề cao tính chịu trách nhiệm của chính quyền địa phương sẽ tạo không gian điều hành cho chính quyền tỉnh trong việc thu hút đầu tư và sàng lọc các dự án đầu tư. Điều này khiến cho quy trình thực hiện đầu tư rút ngắn và thuận lợi hơn đáng kể. Mặc dù có những nỗ lực tháo gỡ những điểm nghẽn trong hoạt động đầu tư, nhưng trên thực tế vẫn còn tồn tại nhiều vướng mắc trong quá trình triển khai dự án đầu tư, đặc biệt là các thủ tục hành chính kéo dài, gây ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện, thậm chí làm đình trệ nhiều dự án quan trọng. Những khó khăn này xuất phát từ nhiều nguyên nhân khác nhau, trong đó có sự chồng chéo giữa các quy định pháp luật, sự thiếu đồng bộ trong cơ chế thực hiện, cũng như công tác phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước.

Để nhận diện được những điểm vướng về mặt pháp lý và thực tiễn khi triển khai dự án đầu tư ở nước ta, chúng tôi đã tiến hành rà soát hệ thống văn bản pháp luật liên quan để xác định trình tự, thủ tục thực hiện dự án đầu tư, từ giai đoạn chuẩn bị đến giai đoạn thực hiện và đưa vào vận hành, khai thác. Đồng thời với việc rà soát văn bản pháp luật, chúng tôi cũng thực hiện tham vấn các doanh nghiệp thực hiện dự án đầu tư cũng như tìm kiếm các nguồn thông tin phản ánh trên phương tiện truyền thông. Từ đó xác định những điểm vướng về mặt pháp lý và thực tiễn trong quy trình thực hiện thủ tục đầu tư và đưa ra một số kiến nghị, đề xuất.

1 Quy trình thực hiện dự án đầu tư: Hiện trạng

Quy trình dự án đầu tư thông thường

Thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất liên quan đến nhiều văn bản pháp luật ở nhiều lĩnh vực khác nhau, như: đầu tư, đất đai, bảo vệ môi trường, nhà ở, kinh doanh bất động sản, quy hoạch, phòng cháy chữa cháy, xây dựng, đầu thầu, lâm nghiệp... Thực hiện dự án đầu tư được tính từ thời điểm có ý tưởng cho đến khi được phép triển khai thực hiện, hoàn thành, nghiệm thu và đưa vào vận hành.

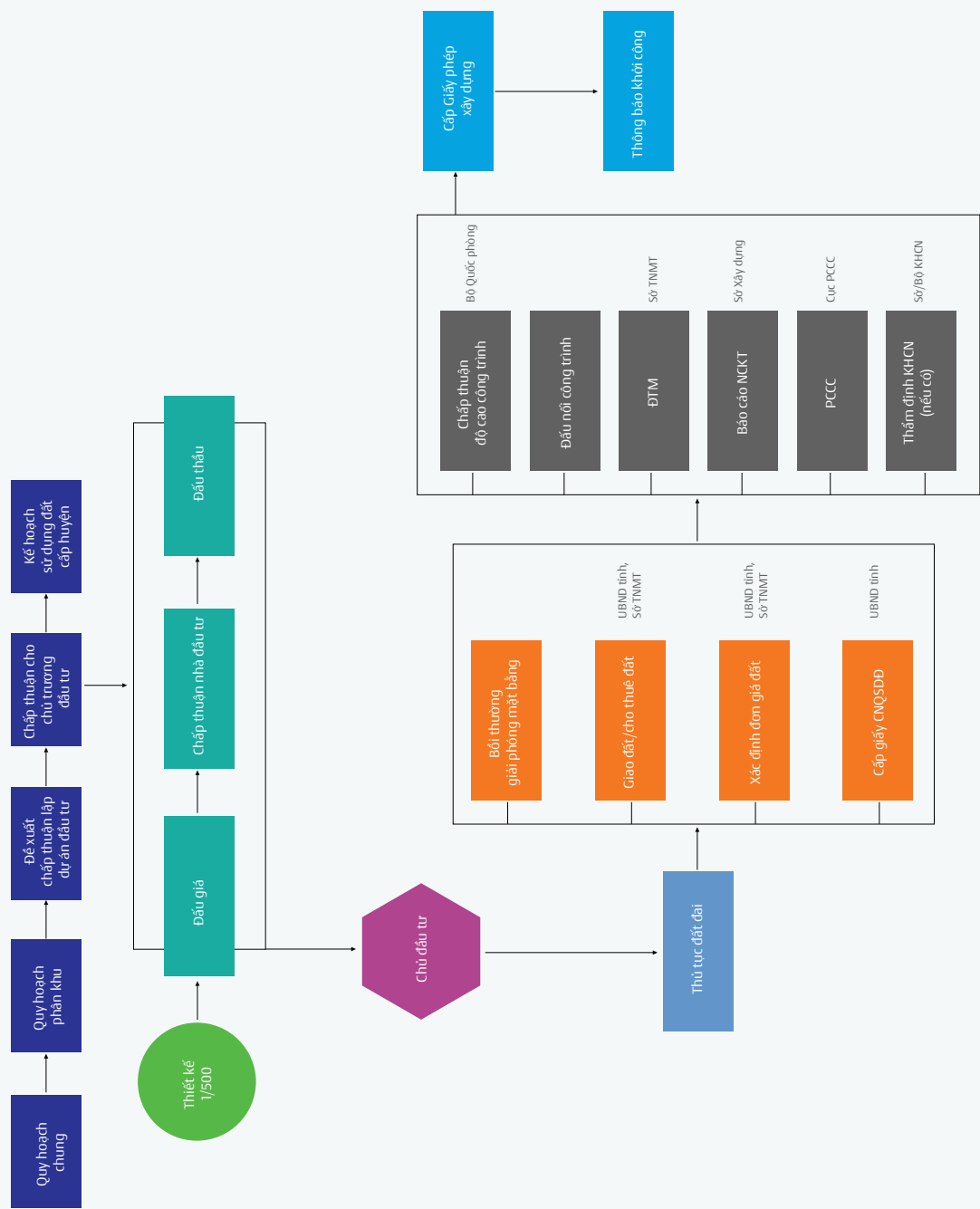
Qua rà soát sơ bộ, đối với một dự án đầu tư có sử dụng đất, thông thường sẽ có ba giai đoạn:

- *Giai đoạn chuẩn bị dự án đầu tư:* Tính từ thời điểm có đề xuất dự án cho đến trước khi bắt đầu triển khai thực hiện dự án. Thời điểm được cho là bắt đầu triển khai thực hiện dự án là chủ đầu tư có giấy phép xây dựng, thông báo khởi công công trình. Trong giai đoạn này, chủ đầu tư phải thực hiện các thủ tục liên quan đến quy hoạch, đầu tư, đất đai, xây dựng, bảo vệ môi trường, khoa học công nghệ, phòng cháy chữa cháy, lâm nghiệp... Đây là giai đoạn chủ đầu tư mất nhiều thời gian nhất và thực hiện nhiều thủ tục nhất. Việc xem xét thực hiện dự án đầu tư có kéo dài hay không, phần lớn ở giai đoạn này.
- *Giai đoạn triển khai dự án đầu tư:* Tính từ thời điểm chủ đầu tư bắt đầu khởi công công trình cho đến trước khi đưa vào vận hành, khai thác. Trong giai đoạn này, chủ đầu tư chủ yếu sẽ thực hiện các hoạt động xây dựng theo quy định của pháp luật xây dựng, phòng cháy chữa cháy, môi trường... Ở giai đoạn này không có nhiều thủ tục hành chính. Việc thực hiện nhanh hay chậm ở giai đoạn này phụ thuộc chủ yếu vào năng lực của chủ đầu tư.
- *Giai đoạn đưa vào vận hành:* Tính từ thời điểm chủ đầu tư hoàn thành các hoạt động xây dựng, nghiệm thu và đưa vào vận hành, khai thác. Trong giai đoạn này, chủ đầu tư sẽ phải thực hiện một số thủ tục hành chính liên quan đến nghiệm thu công trình xây dựng, phòng cháy và chữa cháy, môi trường...

Về cơ bản, để thực hiện dự án đầu tư, chủ đầu tư sẽ phải thực hiện các bước sau:

Hình
4

Sơ đồ hoá quy trình đầu tư



Theo kết quả rà soát và tham vấn với doanh nghiệp, trong quá trình thực hiện một dự án đầu tư, có hơn 15 thủ tục mà chủ đầu tư và các cơ quan nhà nước phải thực hiện. Các thủ tục này liên quan đến nhiều lĩnh vực khác nhau và được xử lý bởi nhiều cơ quan quản lý nhà nước ở các cấp. Cụ thể:

- *Tại Sở Kế hoạch và Đầu tư*: thủ tục đầu tư;
- *Tại Sở Tài nguyên và Môi trường*: thủ tục về đất đai, đánh giá tác động môi trường;
- *Tại Sở Tài chính*: thủ tục liên quan đến tài chính đất đai;
- *Tại Sở Xây dựng*: các thủ tục về xây dựng;
- *Tại Cục Tác chiến – Bộ Quốc phòng*: thủ tục liên quan đến chấp thuận độ cao tính không của công trình;
- *Tại cơ quan Cảnh sát phòng cháy chữa cháy*: thủ tục về phòng cháy, chữa cháy;
- *Tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*: thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng rừng;
- *Tại cơ quan quản lý di sản*: thủ tục liên quan đến bảo vệ di sản văn hóa (nếu dự án nằm trong khu vực bảo vệ di sản).

Mặc dù trong thời gian qua đã có những bước tiến đáng kể trong việc phân cấp thẩm quyền, tuy nhiên, trên thực tế, quy trình thực hiện dự án đầu tư, chủ đầu tư vừa phải thực hiện thủ tục ở cấp địa phương vừa thực hiện ở cấp trung ương.

Ví dụ: Với công trình cần xin chấp thuận về độ cao, chủ đầu tư bắt buộc phải làm thủ tục tại Cục Tác chiến – Bộ Tổng tham mưu, bất kể cấp hay quy mô công trình. Hay, đối với công trình cấp I, các thủ tục phòng cháy chữa cháy vẫn phải thực hiện tại Cục Cảnh sát phòng cháy chữa cháy, trong khi phần lớn các thủ tục của dự án đã được xử lý tại cơ quan chuyên môn cấp tỉnh.

Quy trình đầu tư đặc biệt

Từ năm 2025, có quy trình đầu tư đặc biệt, áp dụng cho dự án đầu tư trong lĩnh vực “đầu tư xây dựng trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm nghiên cứu và phát triển (R&D); đầu tư trong lĩnh vực công nghiệp mạch tích hợp bán dẫn, công nghệ thiết kế, chế tạo linh kiện, vi mạch điện tử tích hợp (IC), điện tử linh hoạt (FE), chip, vật liệu bán dẫn”; “đầu tư trong lĩnh vực công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển, sản xuất sản phẩm thuộc danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ” đầu tư trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung, khu thương mại tự do và khu chức năng trong khu kinh tế.

Theo quy định, đối với thủ tục theo trình tự đầu tư đặc biệt, nhà đầu tư chỉ cần thực hiện thủ tục đăng ký đầu tư, không phải thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư, thẩm định công nghệ, lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, lập quy hoạch chi tiết, cấp giấy phép xây dựng và các thủ tục phê duyệt, chấp thuận, cho phép trong lĩnh vực xây dựng, phòng cháy chữa cháy. Trước khi khởi công xây dựng, nhà đầu tư gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền về quản lý trật tự xây dựng tại địa phương và Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế văn bản thông báo khởi công kèm theo Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng và Báo cáo kết quả thẩm tra Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng do tổ chức, cá nhân đủ điều kiện theo quy định của pháp luật thực hiện thẩm tra về an toàn công trình, bảo vệ môi trường, phòng cháy, chữa cháy; sự tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật³⁹.

Theo quy trình này, phần lớn các thủ tục trong quy trình đầu tư thông thường chủ đầu tư không phải thực hiện. Thời gian thực hiện dự án sẽ rút ngắn đáng kể. Đây được xem là một bước tiến rất lớn về tinh giản thủ tục trong quá trình đầu tư và dự kiến sẽ thu hút các nhà đầu tư trong lĩnh vực trọng điểm.

³⁹ Điểm 8 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu 2024.

2 Nhận diện

Mặc dù có những nỗ lực trong cải cách, nhưng qua rà soát hệ thống văn bản pháp luật có liên quan cũng như tham vấn một số chủ đầu tư thực hiện dự án, có một số vấn đề cả phương diện pháp lý lẫn quá trình thực thi khiến cho việc thực hiện thủ tục đầu tư kéo dài, gặp khó.

Hệ thống văn bản pháp luật phức tạp

Với tư cách là một nhà đầu tư, muốn tìm hiểu hệ thống pháp luật Việt Nam để thực hiện dự án đầu tư, quả thực, để xác định chính xác các bước; thủ tục nào trước, thủ tục nào sau, bắt đầu bằng thủ tục nào để thực hiện một dự án đầu tư là không hề dễ dàng. Hệ thống văn bản pháp luật về kinh doanh của nước ta quá phức tạp.

Thứ nhất, quá nhiều văn bản điều chỉnh một hoạt động đầu tư và quy định thay đổi liên tục:

Dự án đầu tư có sử dụng đất liên quan đến rất nhiều văn bản trong nhiều lĩnh vực khác nhau, ở mỗi lĩnh vực lại có nhiều văn bản điều chỉnh từ cấp luật cho đến nghị định, thông tư, thậm chí là các công văn hướng dẫn của các cơ quan quản lý. Qua rà soát, đối với trình tự, thủ tục thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất từ giai đoạn chuẩn bị đầu tư cho đến giai đoạn thực hiện và kết thúc dự án, có khoảng 12⁴⁰ luật, hơn 20 nghị định, thông tư điều chỉnh. Việc tra cứu, xác định chính xác những quy định đang có hiệu lực khá khó khăn, do một số văn bản có các điều khoản được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ ở những văn bản khác, nhất là trong bối cảnh, việc soạn thảo, sửa đổi, bổ sung văn bản diễn ra nhanh chóng và theo từng đợt rà soát mà các cơ quan nhà nước tiến hành.

Ví dụ: về thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư, từ năm 2020 đến 2024 đã hai lần sửa đổi về các dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Năm 2022, Luật sửa đổi một loạt luật trong đó có Luật Đầu tư đã điều chỉnh về quy mô diện tích hoặc quy mô dân số của dự án xây dựng nhà ở, khu đô thị để phân cấp từ Thủ tướng Chính phủ xuống cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Luật này cũng phân tách dự án thuộc trường hợp liên quan đến di sản văn hóa thuộc phạm vi khu vực bảo vệ I của di tích được cấp có thẩm quyền công nhận là di tích quốc gia, di tích quốc gia đặc biệt; thuộc phạm vi bảo vệ II của di tích được cấp có thẩm quyền công nhận là di tích quốc gia đặc biệt thuộc Danh mục di sản thế giới thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ. Đến năm 2024, một số dự án thuộc thẩm

⁴⁰ Luật Đầu tư 2020; Luật Đất đai 2024; Luật Nhà ở 2023; Luật Kinh doanh bất động sản; Luật Xây dựng 2014; Luật sửa đổi Luật Xây dựng 2020; Luật Quy hoạch đô thị; Luật Bảo vệ môi trường 2020; Luật Lâm nghiệp; Luật Chuyển giao công nghệ; Luật Phòng cháy chữa cháy; Luật Đầu thầu; Luật Đầu tư công.

quyền của Thủ tướng Chính phủ tiếp tục phân cấp xuống cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, trong đó dự án liên quan đến di sản văn hóa lại chia nhỏ ra, Thủ tướng chỉ còn chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án thuộc phạm vi khu vực bảo vệ I của di tích được cấp có thẩm quyền công nhận là di tích quốc gia đặc biệt thuộc Danh mục di sản thế giới.

Như vậy, nếu không cập nhật các văn bản, hoặc không tìm kiếm được văn bản hợp nhất, sẽ rất khó để theo dõi hoặc nhận biết được sự thay đổi của các văn bản pháp luật.

Thứ hai, cách thức thiết kế quy định khó tra cứu:

Một vấn đề khác, ngay cả khi tìm được văn bản điều chỉnh, cách thức thiết kế quy định của các văn bản ở các lĩnh vực lại khác nhau, khiến cho việc định hình quy định, mối liên quan của các quy định với nhau khi thực hiện dự án đầu tư, xác định cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính cũng không hề dễ dàng.

Ví dụ: khi gọi chủ thể thực hiện hoạt động kinh doanh, pháp luật về đầu tư quy định là “nhà đầu tư”. Khái niệm này được sử dụng xuyên suốt từ trước khi được chấp thuận đầu tư, cho đến khi được chấp thuận, điều chỉnh dự án, chấm dứt dự án đầu tư. Chuyển sang pháp luật xây dựng, đất đai chủ thể này được gọi là “chủ đầu tư”. Đến pháp luật về môi trường sử dụng khái niệm “chủ dự án đầu tư”. Pháp luật về lâm nghiệp gọi là “tổ chức, cá nhân có dự án”.

Hoặc tiêu chí để xác định dự án từ đó xác định loại thủ tục phải thực hiện giữa các hệ thống pháp luật liên quan khá rắc rối, do tiêu chí quy định khác nhau. Chẳng hạn, pháp luật về đầu tư quy định thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư dựa vào loại dự án cụ thể (nếu cụ thể các loại dự án phải thuộc thẩm quyền của ai) hoặc yêu cầu phải chuyển đổi mục đích sử dụng đất hay không hay chủ thể đầu tư là nhà đầu tư nước ngoài trong một số lĩnh vực hoặc địa bàn.

Pháp luật về môi trường phân định dự án đầu tư thành từng nhóm I, II, III và IV dựa vào nguy cơ tác động xấu đến môi trường (nguy cơ ở mức độ cao; có nguy cơ tác động xấu; ít có nguy cơ tác động xấu; không có nguy cơ tác động xấu)⁴¹. Trong Phụ lục xác định các dự án thuộc các nhóm này lại phân loại dự án theo: loại dự án (trong những lĩnh vực, ngành cụ thể); thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ; quy mô sử dụng đất, đất có mặt nước; yêu cầu di dân tái định cư; yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất... Để xác định chính xác dự án đầu tư tại các Danh mục quy định của pháp luật về môi trường, cần phải đối chiếu rất nhiều yếu tố như: loại dự án, quy mô sử dụng đất, có yếu tố nhạy cảm về môi trường... với cách thức quy định và dẫn chiếu rất khó để tra cứu và hiểu rõ được.

Pháp luật về xây dựng phân loại theo công trình trong dự án, dựa vào các tiêu chí về mức độ quan trọng, quy mô công suất; quy mô kết cấu. Đối với dự án nhà ở thương mại, dựa vào chiều cao, số tầng, tổng diện tích sàn, nhịp kết cấu lớn nhất, độ sâu, số tầng ngầm của công trình nhà ở để xác định cấp công trình. Từ cấp công trình sẽ xác định cơ quan có thẩm quyền thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng công nghệ hạn chế chuyển giao hoặc dự án đầu tư xây dựng có nguy cơ tác động xấu đến môi trường có sử dụng công nghệ theo Luật Chuyển giao công nghệ; thẩm định thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở; kiểm tra công tác nghiệm thu trong quá trình thi công và khi hoàn thành thi công xây dựng công trình⁴².

⁴¹ Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường 2020.

⁴² Điểm a khoản 3 Điều 3 Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Thông tư quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng.

Thứ ba, việc dẫn chiếu qua lại giữa các văn bản chưa rõ ràng khiến việc xác định nội dung thủ tục phải thực hiện khá rối rắm:

Theo quy định, khi thực hiện dự án đầu tư, nếu có sử dụng công nghệ hạn chế chuyển giao hoặc dự án đầu tư xây dựng có nguy cơ tác động xấu đến môi trường thì phải lấy ý kiến hoặc cơ quan quản lý về công nghệ thẩm định. Tuy nhiên, khi đối chiếu giữa pháp luật về chuyển giao công nghệ, pháp luật về xây dựng lại thấy giữa hai lĩnh vực này dẫn chiếu qua lại khá rối. Cụ thể:

Theo quy định của Luật Chuyển giao công nghệ, trong giai đoạn quyết định đầu tư, việc thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ thực hiện trong các trường hợp⁴³:

- Dự án đầu tư xây dựng sử dụng công nghệ hạn chế chuyển giao hoặc dự án đầu tư xây dựng có nguy cơ tác động xấu đến môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường có sử dụng công nghệ phải được thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ theo quy định của Luật này;
- Dự án đầu tư xây dựng có công nghệ không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này được thẩm định về công nghệ theo quy định của pháp luật về xây dựng;
- Dự án đầu tư sử dụng vốn đầu tư công không có cấu phần xây dựng được thẩm định về công nghệ theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

Theo quy định trên, pháp luật về xây dựng sẽ quy định các dự án đầu tư xây dựng có công nghệ phải thẩm định, ngoài các trường hợp theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ.

Khi đối chiếu sang pháp luật về xây dựng, không thấy quy định các dự án đầu tư xây dựng phải thẩm định về công nghệ ngoài việc hướng dẫn trình tự, thủ tục thẩm định hoặc cho ý kiến cho trường hợp “dự án đầu tư sử dụng công nghệ hạn chế chuyển giao hoặc dự án đầu tư xây dựng có nguy cơ tác động xấu đến môi trường có sử dụng công nghệ theo Luật chuyển giao công nghệ” – đây là dự án theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ.

Như vậy, câu hỏi đặt ra là, pháp luật về xây dựng đang *quy định thiếu*, khi không quy định thêm các trường hợp dự án đầu tư xây dựng phải thẩm định về công nghệ hay pháp luật về chuyển giao công nghệ *quy định thừa* cho trường hợp phải thẩm định/cho ý kiến về công nghệ. Đứng dưới góc độ của chủ đầu tư, đang không rõ ngoài trường hợp quy định tại pháp luật về chuyển giao công nghệ, có dự án đầu tư xây dựng nào phải thẩm định/cho ý kiến về công nghệ hay không?

⁴³ Khoản 3 Điều 13 Luật Chuyển giao công nghệ 2017.

Thời gian thực hiện các thủ tục trong quy trình đầu tư: quy định và thực tế

Một trong những điểm được quan tâm nhất khi đánh giá về việc thực hiện dự án đầu tư là thời gian thực hiện dự án: từ khi dự án ở giai đoạn đề xuất chủ trương đầu tư đến trước khi khởi công xây dựng công trình xây dựng mất bao nhiêu thời gian. Có rất nhiều thủ tục, các bước phải triển khai trong quá trình thực hiện dự án đầu tư ở các giai đoạn: chuẩn bị đầu tư, thực hiện dự án và đưa vào vận hành. Qua rà soát, nếu chỉ dựa vào quy định của pháp luật, *sẽ không xác định được chính xác số ngày* mà chủ đầu tư phải thực hiện các thủ tục trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư (từ khi có đề xuất đến bắt đầu khởi công xây dựng công trình).

Nguyên nhân là do trong quy trình thực hiện dự án đầu tư, có những thủ tục/bước không xác định số ngày do văn bản quy phạm pháp luật không quy định (ví dụ: quy trình đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư; đấu giá đất; thủ tục giao đất trong đó có xác định tiền thuê đất, tiền sử dụng đất...). Một số thủ tục hành chính có quy định rõ ràng về thời gian xử lý, nhưng thời gian này có thể kéo dài và không xác định được thời gian kéo dài. Ví dụ, thời hạn thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định là 45 ngày đối với dự án nhóm I và 30 ngày đối với nhóm II, tính từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Tuy nhiên, thời gian này có thể kéo dài theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ, mà luật và các văn bản hướng dẫn không quy định rõ trường hợp nào sẽ bị kéo dài và kéo dài trong bao lâu.

Hộp 1

Đấu giá quyền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất theo quy định tại Điều 55 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP

Đấu giá quyền sử dụng đất sẽ có các bước:

- Lập phương án đấu giá quyền sử dụng đất
- Thẩm định, phê duyệt phương án đấu giá quyền sử dụng đất: cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện/tỉnh kiểm tra, hoàn thiện hồ sơ trình UBND cấp huyện/tỉnh phê duyệt
- Xác định giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất: Đơn vị được giao tổ chức thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất có trách nhiệm chuẩn bị hồ sơ của các thửa đất, khu đất đấu giá. Cơ quan có chức năng quản lý đất đai tổ chức xác định giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất
- Quyết định đấu giá quyền sử dụng đất: cơ quan được giao nhiệm vụ đấu giá quyền sử dụng đất lập hồ sơ đấu giá gửi cơ quan có chức năng quản lý đất đai; Cơ quan có chức năng quản lý đất đai kiểm tra, hoàn thiện hồ sơ trình UBND cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án đấu giá quyền sử dụng đất để ban hành quyết định đấu giá quyền sử dụng đất
- Lựa chọn đơn vị, tổ chức thực hiện cuộc bán đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đấu thầu
- Công nhận kết quả đấu giá quyền sử dụng đất
- Nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất sau khi có quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá: 05 ngày kể từ ngày nhận được quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá của UBND cấp có thẩm quyền, cơ quan thuế gửi thông báo nộp tiền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất bằng văn bản cho người đã trúng đấu giá theo quy định của pháp luật về quản lý thuế; Trong thời hạn 120 ngày kể từ ngày phê duyệt kết quả trúng đấu giá, người trúng đấu giá không nộp tiền hoặc không nộp đủ tiền trúng đấu giá thì sẽ hủy kết quả; cơ quan thuế thông báo cho cơ quan có chức năng quản lý đất đai về việc người trúng đấu giá đã hoàn thành việc nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; cơ quan quản lý đất đai trình UBND cấp có thẩm quyền ban hành quyết định giao đất, cho thuê đất và ký Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển hồ sơ đến tổ chức đăng ký đất đai hoặc chi nhánh của tổ chức đăng ký đất đai để thực hiện cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính theo quy định; ký hợp đồng thuê đất đối với trường hợp thuê đất.

Trong quy định trên, phần lớn các bước là không quy định về thời gian thực hiện. Vì vậy, hoạt động đấu giá dựa vào thực tế của từng địa phương.

Trong quy trình thực hiện dự án đầu tư, có những thủ tục có thể tiến hành đồng thời, ví dụ như báo cáo đánh giá tác động môi trường có thể được thực hiện cùng lúc với báo cáo nghiên cứu khả thi. Tuy nhiên, để có được kết quả thẩm định của báo cáo nghiên cứu khả thi, cần phải có kết quả từ báo cáo đánh giá tác động môi trường trước⁴⁴.

Dù vậy, phần lớn thủ tục phải thực hiện theo tuần tự, hoàn thành thủ tục này xong mới được thực hiện thủ tục khác (ví dụ: đối với dự án đầu tư có chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, để thực hiện thủ tục quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, chủ đầu tư phải thực hiện xong các thủ tục để có các tài liệu “Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác của cấp có thẩm quyền”; “Phương án trồng rừng thay thế được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc thông báo hoàn thành nghĩa vụ nộp tiền trồng rừng thay thế đối với diện tích để nghị chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác”).

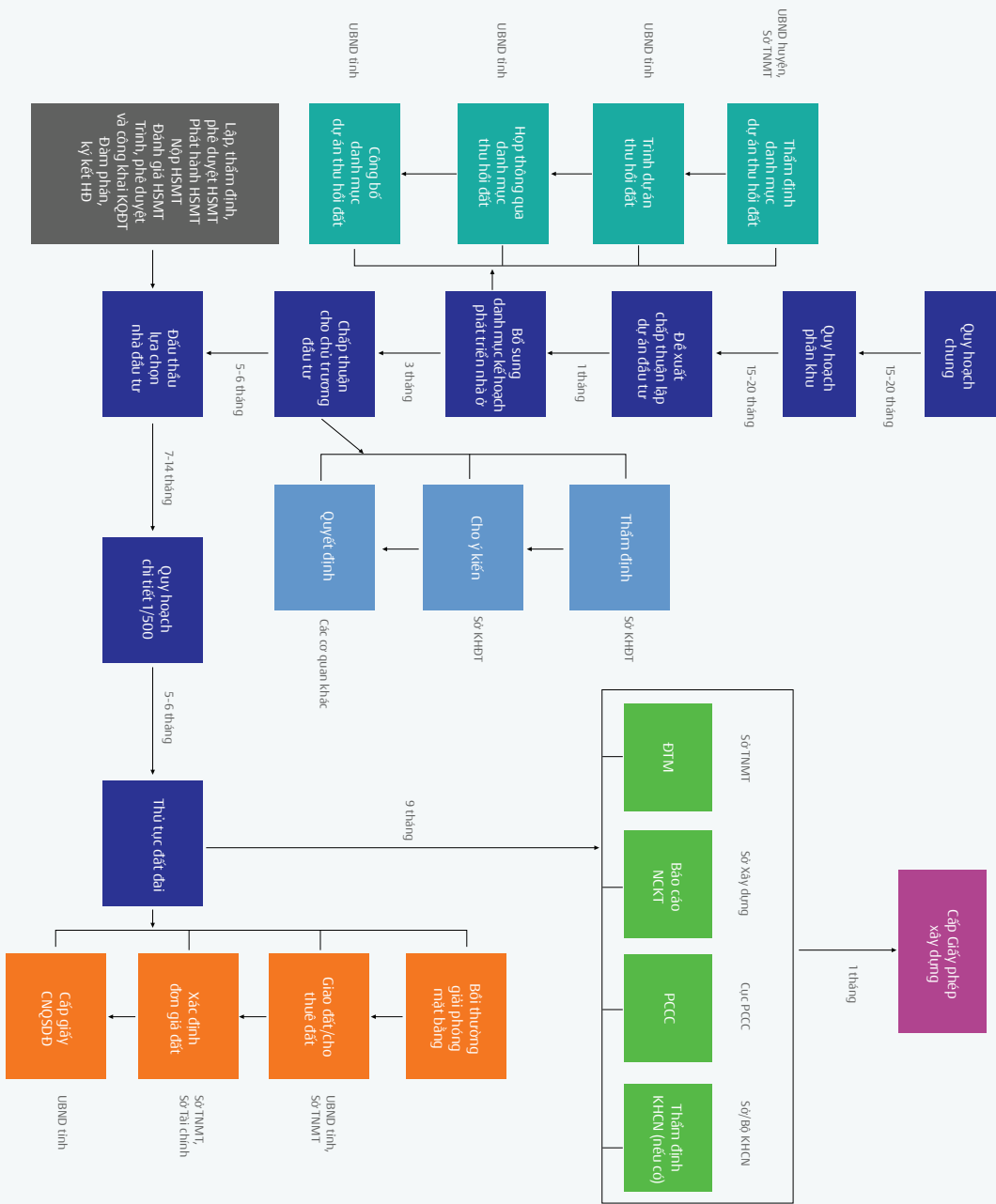
Chúng tôi có tham vấn một số chủ đầu tư về thời gian thực hiện dự án đầu tư. Theo phản ánh, trên thực tế, đối với dự án đầu tư có sử dụng đất nếu nhanh là 18 đến 24 tháng, còn trung bình khoảng 2-3 năm mới thực hiện xong các thủ tục để bắt đầu triển khai dự án, thậm chí là có thể lâu hơn.

Thực tế, các chủ đầu tư thực hiện dự án đầu tư theo quy trình sau:

⁴⁴ Điểm e khoản 2 Điều 17 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP.

Hình
5

Quy trình thực hiện dự án đầu tư



Hộp 2 Trở ngại trong tiếp cận đất đai

“Trở ngại trong tiếp cận đất đai có dấu hiệu gia tăng” đó là nhận định của Báo cáo chỉ số PCI và PGI 2023 do VCCI thực hiện.

Báo cáo cũng cho biết, tỷ lệ doanh nghiệp phải trì hoãn hoặc hủy bỏ kế hoạch kinh doanh do gặp khó khăn khi thực hiện các thủ tục hành chính đất đai lên tới gần 73% vào năm 2023, cao vượt trội so với năm 2022 và 2021 lần lượt ở mức 42,9% và 53,9%.

Những trở ngại chủ yếu là thời gian giải quyết hồ sơ đất đai dài hơn so với thời hạn niêm yết của văn bản quy định (64%); cán bộ tiếp nhận giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính không hướng dẫn đầy đủ (46%) và quy trình, thủ tục giải quyết hồ sơ đất đai không đúng với nội dung được niêm yết hoặc văn bản quy định (46%). Cùng với đó, là việc thực hiện các thủ tục xác định giá trị quyền sử dụng đất rất mất thời gian (44%) và giá đất không đúng với nội dung được niêm yết hoặc văn bản quy định (37%).

(Nguồn: Báo cáo PCI và PGI 2023, tr.59, 60)

Thiếu thống nhất giữa các quy định: gây vướng cho quá trình thực hiện dự án đầu tư

Tình trạng mâu thuẫn, chồng chéo giữa các quy định gây khó khăn, thậm chí là “tắc” khi triển khai dự án đầu tư là một trong những “điểm nóng” suốt thời gian dài qua. Chính phủ đã rất tích cực rà soát để xử lý các chồng chéo trong hệ thống pháp luật kinh doanh. Các năm gần đây, một loạt luật lớn đã được sửa đổi, bổ sung như Luật Đất đai, Luật Đấu thầu, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư... đã khắc phục rất nhiều chồng chéo giữa các quy định liên quan đến thực hiện dự án đầu tư.

Mặc dù vậy, rà soát sơ bộ, vẫn còn một số quy định chưa thống nhất, ngay cả ở trong những quy định mới ban hành. Điều này gây vướng không ít trong quá trình thực thi, nhìn từ cả góc độ nhà đầu tư lẫn cơ quan quản lý. Cụ thể:

Có đấu giá quyền sử dụng đất cho trường hợp Nhà nước giao đất có thu tiền thuê đất trả tiền hàng năm hay không?

Pháp luật về đất đai 2024⁴⁵ quy định việc đấu giá quyền sử dụng đất chỉ áp dụng trong trường hợp Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê mà không đề cập đến trường hợp Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm. Tuy nhiên, Nghị định số 103/2024/NĐ-CP⁴⁶ khi hướng dẫn về đơn giá thuê đất lại quy định rằng “trường hợp đấu giá quyền sử dụng đất thì đơn giá thuê đất là đơn giá trúng đấu giá tương ứng với hình thức Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm hoặc cho thuê đất một lần cho cả thời gian thuê”⁴⁷.

Quy định tại Nghị định này cho thấy việc đấu giá quyền sử dụng đất có thể áp dụng cho cả trường hợp Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm, điều mà Luật Đất đai 2024 không quy định. Sự không thống nhất giữa Luật và Nghị định đã khiến nhiều địa phương lúng túng trong quá trình triển khai thực hiện, đặc biệt là trong việc xác định hình thức và căn cứ pháp lý để tổ chức đấu giá đối với trường hợp thuê đất trả tiền hàng năm.

Cơ quan thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi

Đối với dự án đầu tư sử dụng vốn ngoài vốn đầu tư công và vốn nhà nước ngoài đầu tư công, nếu có công trình cấp I, có nguy cơ tác động xấu đến môi trường và sử dụng công nghệ thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Chuyển giao công nghệ, thì “Bộ quản lý ngành, lĩnh vực sẽ chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ để lấy ý kiến về công nghệ”⁴⁸. Việc lấy ý kiến này được thực hiện trong quá trình thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng. Theo quy định này, Bộ chủ trì thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi sẽ có trách nhiệm lấy ý kiến của Bộ Khoa học và Công nghệ, đồng nghĩa với việc thẩm quyền thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi thuộc về Bộ.

Tuy nhiên, theo quy định về hoạt động xây dựng, thẩm quyền thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án đầu tư có công trình cấp I lại thuộc về Sở Xây dựng – cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Như vậy, quy định hiện tại chưa thống nhất và rõ ràng về cơ quan có thẩm quyền thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi cũng như việc lấy ý kiến về công nghệ đối với dự án đầu tư có công trình cấp I.

⁴⁵ Khoản 1 Điều 125, khoản 2, khoản 3 Điều 120; điểm b và điểm l khoản 1 Điều 159, điểm d khoản 1 Điều 160.

⁴⁶ Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất.

⁴⁷ Khoản 3 Điều 26 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP.

⁴⁸ Khoản 2 Điều 20 Nghị định số 175/2016/NĐ-CP ngày 30/12/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều quy định tại Nghị định số 86/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài.

Một số thủ tục trong quy trình đầu tư: chưa thực sự rõ ràng và cần được đánh giá lại về tính cần thiết

Trong quy trình thực hiện dự án đầu tư, chủ đầu tư sẽ phải thực hiện khá nhiều thủ tục hành chính. Việc quy định trình tự, thủ tục một cách rõ ràng, cụ thể sẽ góp phần đáng kể trong việc tạo thuận lợi cho nhà đầu tư và giảm thiểu nguy cơ những nhiễu từ phía cán bộ thực thi. Về cơ bản, các thủ tục hành chính hiện nay đã được kiểm soát khá tốt trong hệ thống pháp luật nhằm đảm bảo tính rõ ràng, cụ thể, dễ thực thi. Tuy nhiên, qua quá trình rà soát, vẫn còn tồn tại một số thủ tục cần tiếp tục được xem xét, đánh giá lại về tính rõ ràng, hợp lý và thống nhất trong hệ thống quy định pháp luật.

Hồ sơ của thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư⁴⁹: một số giấy tờ không cần thiết

Theo quy định của pháp luật về đầu tư, trong hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư phải có “Bản sao Danh mục công trình, dự án phải thu hồi đất đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua (nếu có); giấy tờ chứng minh đất chưa giải phóng mặt bằng (nếu có), tài liệu giải trình khác (nếu có) trong trường hợp đề xuất lựa chọn nhà đầu tư thông qua đấu thầu dự án có sử dụng đất”⁵⁰.

Theo Nghị định số 102/2024/NĐ-CP, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm công bố Danh mục các khu đất thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất, Danh mục này được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định⁵¹. Dựa trên danh mục đó, cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc nhà đầu tư lập hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư.

Như vậy, đối với dự án thuộc Danh mục này, khi lập đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư, nhà đầu tư *không cần thiết* cung cấp tài liệu chứng minh đất chưa giải phóng mặt bằng, hay là bản sao Danh mục công trình, dự án phải thu hồi đất đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua. Ngoài ra, tên của Danh mục tại Nghị định số 115/2024/NĐ-CP cũng không thống nhất với quy định trong Nghị định số 102/2024/NĐ-CP.

Pháp luật về đầu tư quy định, nhà đầu tư có thể chủ động đề xuất chấp thuận chủ trương đầu tư. Theo quy định, khi đề xuất chấp thuận chủ trương đầu tư, nhà đầu tư phải cung cấp “tài liệu chứng minh năng lực tài chính”, bao gồm ít nhất một trong các tài liệu sau: báo cáo tài chính của hai năm gần nhất, cam kết hỗ trợ tài chính từ công ty mẹ, cam kết hỗ trợ tài chính từ tổ chức khác hoặc các tài liệu khác chứng minh năng lực tài chính. Tuy nhiên, yêu cầu này có thể chưa thực sự cần thiết, vì nhà đầu tư đề xuất chấp thuận chủ trương chưa chắc đã là nhà đầu tư được lựa chọn cuối cùng. Bởi vì, pháp luật về đầu tư quy định rằng đối với các dự án phải chấp thuận chủ trương đầu tư, trước tiên phải hoàn thành thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư, sau đó mới tiến hành lựa chọn nhà đầu tư thông qua đấu thầu (lựa chọn nhà đầu tư) hoặc đấu giá (quyền sử dụng đất).

^[49] Điều 33 Luật Đầu tư 2020, Điều 31 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 36/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư; điểm a, điểm b khoản 4 Điều 68 Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 16/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất.

^[50] Điểm b khoản 4 Điều 68 Nghị định số 115/2024/NĐ-CP.

^[51] Khoản 1 Điều 57 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

Ngay trong hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư, nhà đầu tư đề xuất “hình thức lựa chọn nhà đầu tư”. Do đó, việc yêu cầu nhà đầu tư cung cấp tài liệu chứng minh năng lực tài chính ngay từ giai đoạn đề xuất chấp thuận chủ trương đầu tư đối với các dự án lựa chọn nhà đầu tư theo phương thức đấu thầu hoặc đấu giá là chưa thực sự hợp lý.

Lấy ý kiến trong quá trình thẩm định chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư xây dựng nhà ở: đánh giá lại tính cần thiết

Theo Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở, cơ quan chủ trì thẩm định chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng nhà ở phải “lấy ý kiến của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an về việc xác định dự án thuộc khu vực cần bảo đảm quốc phòng, an ninh hoặc không thuộc khu vực này”. Kết quả này sẽ là cơ sở để đưa vào nội dung chấp thuận chủ trương đầu tư, đồng thời xác định dự án có thuộc diện cho phép tổ chức, cá nhân nước ngoài sở hữu nhà ở hay không⁵².

Trong khi đó, Luật Nhà ở 2024 quy định rằng “Bộ Quốc phòng, Bộ Công an có trách nhiệm thông báo các khu vực cần bảo đảm quốc phòng, an ninh để Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xác định và công bố công khai trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cơ quan quản lý nhà ở cấp tỉnh danh mục dự án đầu tư xây dựng nhà ở trên địa bàn cho phép tổ chức, cá nhân nước ngoài được sử dụng nhà ở”⁵³.

Như vậy, các khu vực cần bảo đảm quốc phòng, an ninh đã được công khai trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Khi thẩm định dự án đầu tư, cơ quan thẩm định sẽ biết được dự án có thuộc khu vực cần bảo đảm quốc phòng, an ninh hay không. Do đó, yêu cầu phải lấy ý kiến Bộ Quốc phòng, Bộ Công an về việc xác định dự án thuộc khu vực cần bảo đảm quốc phòng, an ninh hoặc không thuộc khu vực này là *không cần thiết*.

Đề xuất chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án có đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác: chưa rõ về mối liên hệ giữa pháp luật đất đai và pháp luật lâm nghiệp

Đối với các dự án đầu tư có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, thủ tục thực hiện rất phức tạp, do có sự đan xen giữa nhiều quy trình pháp lý. Cụ thể, dự án phải tuân thủ cả thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư theo pháp luật về đầu tư, thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất rừng theo pháp luật về đất đai, và thủ tục chấp thuận chủ trương chuyển đổi mục đích sử dụng rừng theo pháp luật về lâm nghiệp.

Quá trình này liên quan đến nhiều cơ quan quản lý ở các cấp khác nhau. Từ cấp xã lên cấp huyện, các dự án có đề xuất chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sẽ được tập hợp để Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định, trước khi trình UBND cấp tỉnh phê duyệt theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp. Trong khi đó, theo pháp luật về đất đai, cơ quan quản lý đất đai lập danh mục các dự án cần chuyển mục đích sử dụng đất rừng và trình UBND tỉnh cùng với kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện. Trước khi phê duyệt kế hoạch này, UBND tỉnh còn phải trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua danh mục dự án có diện tích đất rừng cần chuyển đổi.

⁵² Khoản 6 Điều 15 Nghị định 95/2024/NĐ-CP ngày 24/07/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở.

⁵³ Khoản 2 Điều 16 Luật Nhà ở 2024.

Điểm đáng lưu ý là hai hệ thống pháp luật này không có sự liên kết rõ ràng. Một dự án có thể đồng thời phải thực hiện hai quy trình thẩm định độc lập: một bên đánh giá điều kiện chuyển đổi mục đích sử dụng đất rừng, một bên đánh giá điều kiện chuyển đổi mục đích sử dụng rừng. Điều này đặt ra câu hỏi liệu hai cơ quan có xem xét đồng thời hay chỉ đánh giá riêng lẻ các điều kiện này.

Theo quy định của pháp luật lâm nghiệp, chủ đầu tư phải được chấp thuận chủ trương đầu tư (theo pháp luật đầu tư) trước khi thực hiện thủ tục quyết định chủ trương chuyển đổi mục đích sử dụng rừng. Tuy nhiên, pháp luật đầu tư quy định rằng trong quá trình thẩm định chấp thuận chủ trương đầu tư, cơ quan đăng ký đầu tư sẽ lấy ý kiến các cơ quan liên quan để đánh giá “khả năng đáp ứng điều kiện chuyển mục đích sử dụng đất” đối với dự án. Điều này có nghĩa là khi một dự án được chấp thuận chủ trương đầu tư, tức là đã đáp ứng điều kiện chuyển mục đích sử dụng đất. Nhưng đến bước thực hiện thủ tục quyết định chủ trương chuyển đổi mục đích sử dụng rừng, dự án vẫn có thể bị từ chối.

Đáng chú ý, cả hai thủ tục này đều do UBND tỉnh thẩm định và thông qua, nhưng cơ quan thẩm định lại khác nhau: thủ tục đầu tư do Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện, trong khi thủ tục lâm nghiệp do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đảm nhiệm. Sự thiếu liên kết giữa các quy trình này đặt ra yêu cầu cần xem xét lại vai trò, ý nghĩa và tính đầy đủ của nội dung thẩm định trong thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư đối với các dự án liên quan đến nhiều lĩnh vực quản lý khác nhau.

Thủ tục đề nghị chấp thuận độ cao công trình⁵⁴: hồ sơ chưa rõ

Theo quy định, hồ sơ phải bao gồm “bản sao một trong những giấy tờ chứng minh về quyền sở hữu, quản lý, sử dụng công trình, nhà ở theo quy định của pháp luật”. Tuy nhiên, quy định này chưa làm rõ cụ thể loại giấy tờ nào cần cung cấp. Liệu đó có thể là quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, quyết định giao đất, quyết định cho phép chuyển đổi mục đích sử dụng đất hay một loại giấy tờ khác? Sự không rõ ràng này có thể khiến nhà đầu tư lúng túng, không biết phải nộp tài liệu nào, đồng thời tạo ra sự không thống nhất trong cách hiểu giữa nhà đầu tư và cơ quan giải quyết thủ tục.

Bên cạnh đó, trong văn bản chấp thuận độ cao công trình có đề cập đến “thời hạn có hiệu lực của văn bản chấp thuận độ cao công trình”, nhưng lại không quy định cụ thể thời hạn này kéo dài bao lâu. Thời hạn đó có gắn liền với thời gian thực hiện dự án đầu tư hay không? Ngoài ra, chưa có quy định nào hướng dẫn cách xử lý trong trường hợp văn bản chấp thuận hết hiệu lực nhưng chủ đầu tư vẫn chưa triển khai xây dựng công trình. Việc thiếu các quy định rõ ràng này có thể gây khó khăn trong thực tiễn thực hiện và cần được xem xét bổ sung để đảm bảo tính minh bạch, thống nhất.

Yêu cầu tài liệu trong hồ sơ: chưa có sự kết nối, chia sẻ thông tin giữa các cơ quan quản lý

Việc kết nối và chia sẻ dữ liệu thông tin giữa các cơ quan quản lý nhà nước sẽ giúp đơn giản hóa thủ tục hành chính, tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp. Nhờ đó, họ không cần cung cấp lại những tài liệu, thông tin mà cơ quan giải quyết thủ tục có thể tra cứu thông qua hệ thống thông tin của Nhà nước, nhờ vào sự chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan.

⁵⁴ Điều 10 Nghị định số 32/2016/NĐ-CP ngày 06/5/2016 của Chính phủ quy định về quản lý độ cao chướng ngại vật hàng không và các trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời tại Việt Nam.

Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án đổi mới thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính đã đặt ra mục tiêu: “80% người dân, doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính không phải cung cấp lại các thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được chấp nhận trong các thủ tục hành chính trước đó mà cơ quan nhà nước có thẩm quyền đang quản lý, hoặc những thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được kết nối, chia sẻ giữa các cơ quan nhà nước”.

Tuy nhiên, qua rà soát, một số thủ tục trong quy trình đầu tư vẫn yêu cầu nhà đầu tư cung cấp lại các giấy tờ mà cơ quan giải quyết thủ tục đã có sẵn. Ví dụ:

Thủ tục thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi:

Theo quy định tại Nghị định số 175/2024/NĐ-CP, chủ đầu tư phải cung cấp các tài liệu sau trong hồ sơ đề nghị thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi:

- Văn bản/quyết định phê duyệt và bản đồ, bản vẽ kèm theo (nếu có) của quy hoạch sử dụng làm căn cứ lập dự án theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Nghị định này;
- Văn bản/quyết định phê duyệt và các bản vẽ có liên quan hoặc trích lục phần bản vẽ có liên quan (nếu có) của quy hoạch được sử dụng làm căn cứ lập quy hoạch sử dụng làm căn cứ lập dự án;

Đây là những tài liệu có thể tra cứu trong hệ thống thông tin của Nhà nước, không cần thiết yêu cầu chủ đầu tư phải nộp.

Thủ tục phê duyệt phương án trồng rừng thay thế

Theo quy định tại Thông tư số 22/2023/TT-BNNPTNT⁵⁵ và Thông tư số 25/2022/TT-BNNPTNT⁵⁶, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan tiếp nhận, còn UBND cấp tỉnh sẽ phê duyệt phương án trồng rừng thay thế. Hồ sơ phê duyệt trồng rừng thay thế hiện yêu cầu phải có “bản sao văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác”.

Tuy nhiên, yêu cầu này là không cần thiết, bởi chính Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là đơn vị thẩm định hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng để trình UBND cấp tỉnh, sau đó UBND tỉnh sẽ trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận. Điều đó có nghĩa là Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã nắm rõ dự án có được chấp thuận chủ trương chuyển đổi mục đích sử dụng rừng hay không. Vì vậy, việc yêu cầu thêm văn bản này trong hồ sơ phê duyệt phương án trồng rừng thay thế là không cần thiết và có thể gây thêm thủ tục hành chính không đáng có.

⁵⁵ Thông tư số 22/2023/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp.

⁵⁶ Thông tư số 25/2022/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.

Năng lực thực thi của địa phương: còn có nhiều vấn đề

Phần lớn các thủ tục liên quan đến thực hiện dự án đầu tư được triển khai tại địa phương, đặc biệt trong bối cảnh phân cấp, phân quyền ngày càng được đẩy mạnh. Nhiều thủ tục trước đây do cấp trung ương thực hiện nay đã được giao về cho địa phương, như: chuyển một số dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ xuống cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh⁵⁷; cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh sẽ thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đối với công trình cấp I trở xuống, thay vì trước đây phải lên bộ thẩm định. Do vậy, việc triển khai dự án đầu tư thuận lợi hay không, cũng dựa vào năng lực thực thi của địa phương.

Khi tiến hành tham vấn doanh nghiệp, chúng tôi nhận được các phản ánh về những khó khăn của việc triển khai dự án liên quan đến việc thực thi ở địa phương.

Về giao đất khi đã giải phóng mặt bằng

Pháp luật đất đai 2013 chưa quy định rõ về việc giao đất theo tiến độ giải phóng mặt bằng hoặc theo phân kỳ đầu tư như Luật Đất đai 2024. Do đó, cách thức giao đất phụ thuộc vào từng địa phương, có nơi chờ giải phóng mặt bằng toàn bộ mới giao, trong khi có nơi thực hiện giao đất theo tiến độ giải phóng mặt bằng. Tuy nhiên, Luật Đất đai 2024 lại chưa có quy định chuyển tiếp đối với các dự án đầu tư đã được chấp thuận trước khi luật có hiệu lực, không có phân kỳ đầu tư và chưa được giao đất thì sẽ giao đất như nào, dẫn đến vướng mắc trong thực tế.

Trên thực tế, có trường hợp, dự án đầu tư hạ tầng khu công nghiệp không phân kỳ đầu tư, chủ đầu tư đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Khu đất của dự án mới chỉ được giải phóng mặt bằng một phần, và chủ đầu tư đề nghị tỉnh giao đất đã được giải phóng mặt bằng để thực hiện san lấp và triển khai xây dựng, nhưng không được với lý do, theo quy hoạch chi tiết 1/500 khu vực chưa giải phóng mặt bằng là các hạ tầng kỹ thuật dùng chung (trạm biến áp, trạm xử lý nước thải), nếu giao phần đất đã giải phóng mặt bằng thì chủ đầu tư cũng không khai thác được.

Để được giao phần đất đã giải phóng mặt bằng, chủ đầu tư được hướng dẫn thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư để bổ sung nội dung về phân kỳ đầu tư; thực hiện thủ tục điều chỉnh quy hoạch chi tiết 1/500 để thay đổi vị trí của các hạ tầng kỹ thuật dùng chung sang khu vực đã giải phóng mặt bằng để được giao đất. Với hướng dẫn này, chủ đầu tư lại phải thực hiện lại một số thủ tục và điều này khiến cho việc triển khai dự án đầu tư bị kéo dài.

⁵⁷ Như dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất; dự án đầu tư xây dựng mới: bến cảng, khu bến cảng có quy mô vốn đầu tư dưới 2.300 tỷ đồng thuộc cảng biển đặc biệt; Dự án đầu tư phù hợp với quy định của pháp luật về di sản văn hóa không phân biệt quy mô diện tích đất, dân số thuộc phạm vi khu vực bảo vệ I và II của di tích được cấp có thẩm quyền công nhận là di tích quốc gia, di tích quốc gia đặc biệt, trừ khu vực bảo vệ I của di tích quốc gia đặc biệt thuộc Danh mục di sản thế giới; dự án đầu tư không phân biệt quy mô diện tích đất, dân số thuộc khu vực hạn chế phát triển hoặc nội đô lịch sử (được xác định trong quy hoạch đô thị) của đô thị loại đặc biệt (khoản 5 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư 2024).

Về các quy hoạch

Một trong những vướng mắc lớn nhất khi thực hiện dự án đầu tư, theo phản ánh của doanh nghiệp, là sự không thống nhất giữa các loại quy hoạch. Mặc dù pháp luật về quy hoạch đã đề ra nguyên tắc đảm bảo sự đồng bộ giữa các loại quy hoạch, nhưng trên thực tế, các quy hoạch này thường “không khớp” với nhau do thời điểm phê duyệt khác nhau.

Có trường hợp, quy hoạch chung được phê duyệt trước khi quy hoạch tỉnh được ban hành. Khi quy hoạch tỉnh được phê duyệt sau đó, nội dung lại chưa thống nhất với quy hoạch chung. Theo nguyên tắc, quy hoạch chung phải phù hợp với quy hoạch tỉnh, do đó, cần điều chỉnh lại quy hoạch chung. Tuy nhiên, quá trình thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chung rất mất thời gian (theo phản ánh, quy trình xin chủ trương lập quy hoạch chung; lập, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch và đồ án quy hoạch chung mất từ 15 đến 20 tháng). Nếu quy hoạch chung chưa được phê duyệt hoặc điều chỉnh kịp thời, sẽ không thể lập quy hoạch phân khu hay quy hoạch chi tiết.

Trong khi đó, theo quy định của pháp luật đất đai, một trong những điều kiện để tổ chức đấu giá, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất là phải có quy hoạch chi tiết hoặc quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Điều này gây ra tình trạng chậm trễ trong triển khai dự án.

Không chỉ trong quy hoạch đô thị, sự thiếu đồng bộ còn xuất hiện ở các quy hoạch khác như quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch ba loại rừng, và nhiều quy hoạch chuyên ngành khác. Nguyên nhân chính là do các quy hoạch này được lập bởi các cơ quan quản lý khác nhau, dẫn đến thiếu sự liên kết và thống nhất. Với các dự án đầu tư liên quan đến nhiều loại quy hoạch, sự chồng chéo và mâu thuẫn giữa các quy hoạch có thể khiến dự án không thể triển khai, gây khó khăn lớn cho doanh nghiệp và cơ quan quản lý.

Một vấn đề khác là khi nhà đầu tư đề xuất chấp thuận chủ trương đầu tư dự án, cơ quan nhà nước có thẩm quyền sẽ thẩm định và đánh giá sự phù hợp của dự án với các quy hoạch liên quan như quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị và quy hoạch đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt (nếu có).

Nếu dự án không phù hợp với một trong các quy hoạch này, đề xuất chấp thuận chủ trương đầu tư sẽ không được thông qua. Trên thực tế, điều này có thể khiến dự án bị “tắc” ngay từ giai đoạn đầu, trước khi nhà đầu tư có thể thực hiện các thủ tục tiếp theo.

Do đó, trước khi nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư, nhà đầu tư thường phải thực hiện các thủ tục liên quan đến lập hoặc điều chỉnh quy hoạch để đảm bảo tính phù hợp. Quá trình này có thể kéo dài đến hàng năm, thậm chí lâu hơn, gây ảnh hưởng lớn đến tiến độ triển khai dự án.

Về định giá đất

Định giá đất đóng vai trò quan trọng trong quá trình triển khai các dự án đầu tư. Tuy nhiên, theo phản ánh từ cộng đồng doanh nghiệp, công tác định giá đất hiện nay vẫn tồn tại nhiều bất cập, là một trong những nguyên nhân chính dẫn đến việc chậm tiến độ, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của nhà đầu tư.

Tình trạng chậm trễ trong định giá và nguyên nhân

Tình trạng chậm trễ trong việc xác định giá đất không phải là cá biệt, mà khá phổ biến tại nhiều địa phương. Hệ quả là hàng loạt dự án bị đình trệ, "đắp chiếu" trong thời gian dài do không thể hoàn tất bước định giá – một khâu mang tính chất quyết định để dự án được triển khai.

Mặc dù đã có nhiều văn bản hướng dẫn liên quan đến công tác định giá đất, nhưng thực tế cho thấy đây vẫn là một trong những vấn đề “khó nhằn” trong quá trình triển khai các dự án đầu tư sử dụng đất, đặc biệt là trong lĩnh vực bất động sản.

Theo các chuyên gia, định giá đất – cũng như thẩm định giá nói chung – là một công việc mang tính định tính, phụ thuộc nhiều vào đánh giá chủ quan của tổ chức thẩm định và cá nhân thẩm định viên⁵⁸. Tính định tính này thể hiện ở mọi phương pháp định giá, dù ở mức độ khác nhau: từ phương pháp so sánh (ít định tính nhất), đến phương pháp thu nhập, và rõ rệt nhất là phương pháp thặng dư – vốn được xem là phức tạp và dễ biến động.

Trên thực tế, ngay cả khi áp dụng cùng một phương pháp thặng dư tại cùng một dự án, kết quả định giá giữa các cơ quan vẫn có sự chênh lệch rất lớn. Có trường hợp, đơn vị định giá thứ nhất xác định giá trị đất là 900 tỷ đồng, đơn vị thứ hai đưa ra con số gấp đôi, trong khi đơn vị thứ ba thẩm định giá đất lên đến 3.000 tỷ đồng – cao gấp hơn ba lần so với mức đầu tiên.

Về nguyên tắc, công tác định giá đất cần đảm bảo tính chính xác và công bằng đối với tất cả các bên liên quan. Tuy nhiên, do đặc thù mang tính định tính cao, việc đạt được điều này trên thực tế là rất khó khăn.

Nếu quá linh hoạt trong quá trình định giá, các địa phương và đơn vị thẩm định giá có thể đối mặt với rủi ro pháp lý nghiêm trọng. Trên thực tế, sau nhiều cuộc thanh tra, kiểm tra gần đây, nhiều dự án bất động sản đã bị phát hiện có sai lệch đáng kể trong khâu định giá đất. Hậu quả là một số cán bộ địa phương và lãnh đạo công ty thẩm định đã bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Chính tâm lý e ngại trách nhiệm sau các vụ việc này càng khiến cho quá trình định giá đất trở nên chậm trễ hơn. Nhiều dự án bị đình trệ trong thời gian dài – từ 2–3 năm, thậm chí lên đến 10 năm – chỉ vì chưa thể hoàn tất việc xác định giá đất để đủ điều kiện triển khai.

Trong một báo cáo của Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội⁵⁹, có nhiều nguyên nhân trong việc chậm xác định giá đất như: i) các hồ sơ xác định giá đất đã được xác định trước đó đã phải xác định lại theo phương pháp và trình tự theo quy định của quy định mới; ii) việc rà soát, xác định nghĩa vụ tài chính bổ sung do điều chỉnh quy hoạch gặp khó do hồ sơ một số dự án lưu trữ trước đây không đầy đủ dẫn đến khó xác định phương pháp định giá; iii) khó khăn trong việc tìm kiếm các đơn vị tư vấn xác định giá đất vì thiếu hoặc các đơn vị từ chối không tham gia...

[58] “Tắc nghẽn định giá đất - Bài 3: Gỡ mãi vấn vương, vì sao?” - <https://theleader.vn/tac-nghen-dinh-gia-dat--bai-3-go-mai-van-vuong-vi-sao-d3938.html?utm>

[59] “Hà Nội: Nhiều khó khăn trong xác định giá đất” - <https://baotaingyenmoitruong.vn/ha-noi-nhieu-kho-khan-trong-xac-dinh-gia-dat-383009.html>

Nộp tiền bổ sung cho khoảng thời gian chưa được khi định giá đất

Theo quy định của pháp luật đất đai, trong trường hợp chậm ban hành quy định giá đất, người sử dụng đất vẫn phải nộp bổ sung tiền sử dụng đất cho khoảng thời gian chưa được tính giá. Cụ thể, quy định này áp dụng đối với các trường hợp đã có quyết định giao đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, hoặc điều chỉnh quy hoạch chi tiết theo quy định pháp luật trước thời điểm Luật Đất đai 2024 có hiệu lực nhưng vẫn chưa có quyết định giá đất. Mức thu bổ sung được xác định là 5,4%/năm trên số tiền sử dụng đất phải nộp, tính cho thời gian chậm trễ.

Tuy nhiên, nhiều doanh nghiệp cho rằng quy định này chưa phản ánh đúng thực tế và tạo thêm gánh nặng chi phí cho nhà đầu tư, trong khi nguyên nhân chậm xác định giá đất lại không xuất phát từ phía doanh nghiệp. Thực tế cho thấy, tại một số địa phương, cơ quan nhà nước có trách nhiệm xác định giá đất đã cố tình trì hoãn hoặc không thực hiện đúng quy trình, dẫn đến việc kéo dài thời gian định giá – có dự án mất hơn 2 năm từ lúc có quyết định giao đất đến khi được phê duyệt giá đất chính thức.

Dù lỗi nằm ở phía cơ quan quản lý nhà nước, nhưng nhà đầu tư vẫn bị buộc phải nộp khoản tiền lãi 5,4%/năm, điều này bị đánh giá là bất hợp lý, làm gia tăng chi phí đầu tư và có nguy cơ khiến giá bán sản phẩm bất động sản bị đội lên tương ứng.

Bảng giá đất mới

Luật Đất đai 2024 và các văn bản hướng dẫn thi hành đã có những điều chỉnh quan trọng liên quan đến công tác xác định giá đất. Một trong những thay đổi lớn là việc bãi bỏ khung giá đất, thay vào đó, UBND cấp tỉnh sẽ xây dựng và công bố bảng giá đất hàng năm, áp dụng từ ngày 1/1 của năm kế tiếp, bắt đầu từ ngày 1/1/2026.

Việc cập nhật bảng giá đất định kỳ hằng năm được kỳ vọng sẽ giúp giá đất tiệm cận hơn với giá thị trường, qua đó nâng cao tính minh bạch và công bằng trong quản lý đất đai. Tuy nhiên, điều này cũng làm dấy lên lo ngại trong cộng đồng doanh nghiệp, đặc biệt là các nhà đầu tư bất động sản, về nguy cơ giá đất tăng cao, ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí và hiệu quả đầu tư.

Thực tế hiện nay, trong quá trình chuẩn bị xây dựng bảng giá đất mới, nhiều địa phương đã tiến hành điều chỉnh bảng giá đất theo hướng tăng mạnh. Khi phân tích chi tiết, có thể thấy rằng mức giá mới tại nhiều địa phương cao hơn nhiều lần so với bảng giá cũ, đặc biệt tại các khu vực có tốc độ đô thị hóa nhanh.

Hệ quả là chi phí mua đất và bồi thường, giải phóng mặt bằng sẽ tăng đáng kể, ảnh hưởng trực tiếp đến tổng mức đầu tư của dự án và làm đội giá thành sản phẩm bất động sản, từ đó tác động đến khả năng tiếp cận nhà ở của người dân.

Về giải phóng mặt bằng

Giải phóng mặt bằng là một trong những nguyên nhân chủ yếu khiến nhiều dự án đầu tư bị kéo dài tiến độ, thậm chí rơi vào tình trạng đình trệ. Theo phản ánh từ doanh nghiệp, công tác giải phóng mặt bằng thường mất từ 2–3 năm, thậm chí lâu hơn, tùy thuộc vào quy mô thu hồi đất, số lượng hộ dân phải di dời, cũng như tính chất phức tạp của từng dự án.

Nguyên nhân chính dẫn đến sự chậm trễ này là do khó khăn trong việc thỏa thuận đền bù – trong đó phổ biến là việc giá bồi thường chưa sát với giá thị trường, khiến người dân khiếu nại kéo dài. Bên cạnh đó, trình tự, thủ tục giải phóng mặt bằng tại một số địa phương còn thiếu minh bạch, thiếu đồng bộ, gây cản trở quá trình triển khai.

Đối với các dự án áp dụng cơ chế thỏa thuận trực tiếp giữa nhà đầu tư và người sử dụng đất, cũng có những điểm khó khăn. Thực tế cho thấy, dù chủ đầu tư đã thỏa thuận được với phần lớn các hộ dân, nhưng chỉ cần một vài hộ không đồng thuận thì toàn bộ dự án vẫn không thể triển khai. Trong khi đó, theo quy định hiện hành, cơ quan nhà nước không được phép thu hồi đất trong trường hợp này, vì vậy việc thực hiện dự án theo cơ chế thỏa thuận nhiều trường hợp gặp khó.

Hệ quả của việc giải phóng mặt bằng kéo dài là dự án không thể triển khai đúng tiến độ, ảnh hưởng nghiêm trọng đến kế hoạch đầu tư – kinh doanh của doanh nghiệp. Trong bối cảnh thị trường bất động sản biến động mạnh, nếu thời gian chuẩn bị mặt bằng kéo dài quá lâu, doanh nghiệp có thể đánh mất cơ hội đầu tư quan trọng. Ví dụ, doanh nghiệp kỳ vọng thực hiện dự án để đón đầu xu hướng thị trường đang lên, nhưng mất đến 5–10 năm để hoàn tất mặt bằng thì thị trường có thể đã đảo chiều, khiến cơ hội bị vuột mất.

Không chỉ vậy, việc đình trệ còn gây áp lực lớn về tài chính đối với doanh nghiệp. Phần lớn các doanh nghiệp bất động sản sử dụng vốn vay ngân hàng để triển khai dự án, nên nếu dự án bị chậm tiến độ, lãi vay vẫn phát sinh trong khi dòng tiền chưa được tạo ra, dẫn đến rủi ro tài chính nghiêm trọng, ảnh hưởng đến toàn bộ hoạt động kinh doanh.

3 Đề xuất

Việc tháo gỡ các “điểm nghẽn” trong quá trình triển khai dự án đầu tư sẽ góp phần quan trọng trong việc cải thiện môi trường đầu tư, tạo sức hút đối với các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Đây cũng là yếu tố then chốt thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và hỗ trợ Việt Nam đạt được các mục tiêu phát triển đã đề ra.

Nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án và giải quyết các vướng mắc thực tiễn, cộng đồng doanh nghiệp đề xuất một số giải pháp sau:

Xây dựng hướng dẫn chung về quy trình thực hiện dự án đầu tư

Như đã phản ánh ở trên, hệ thống pháp luật kinh doanh tại Việt Nam còn khá phức tạp. Việc triển khai một dự án đầu tư thường liên quan đến nhiều văn bản pháp luật thuộc các ngành, lĩnh vực khác nhau. Do đó, nhà đầu tư khi muốn tìm hiểu quy trình đầu tư sẽ gặp nhiều khó khăn trong việc tra cứu và tiếp cận các quy định cần thiết.

Vì vậy, rất cần thiết xây dựng một tài liệu hướng dẫn quy trình thực hiện dự án đầu tư, trong đó xác định rõ các giai đoạn triển khai, các thủ tục mà nhà đầu tư phải thực hiện, cơ quan có thẩm quyền giải quyết và thời hạn xử lý từng bước. Tài liệu này nên được công khai trên các cổng thông tin điện tử về xúc tiến đầu tư để đảm bảo tính minh bạch, dễ tiếp cận và hỗ trợ hiệu quả cho nhà đầu tư trong quá trình thực hiện dự án.

Rà soát hệ thống pháp luật về đầu tư để sửa đổi các quy định chồng chéo, mâu thuẫn, chưa rõ ràng và chưa hợp lý

Mặc dù Chính phủ đã tiến hành nhiều đợt rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật nhằm loại bỏ các quy định mâu thuẫn, chồng chéo và cụ thể hóa các quy định, đặc biệt là đối với thủ tục hành chính, tuy nhiên vẫn còn tồn tại không ít quy định chưa đảm bảo tính thống nhất, minh bạch và hợp lý. Thực trạng này gây ra nhiều vướng mắc trong quá trình thực hiện dự án đầu tư, do sự lúng túng trong việc áp dụng quy định từ cả phía cơ quan quản lý nhà nước và nhà đầu tư.

Vì vậy, cần thiết phải có cơ chế rà soát thường xuyên và hiệu quả hơn từ phía các cơ quan quản lý đối với các quy định pháp luật liên quan, nhằm kịp thời phát hiện và điều chỉnh những điểm thiếu thống nhất, chưa rõ ràng hoặc bất hợp lý. Hoạt động rà soát này cũng nên được thực hiện trên cơ sở tiếp thu các kiến nghị, phản ánh từ doanh nghiệp và các hiệp hội ngành nghề.

Trong bối cảnh quy trình xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật hiện nay đang có xu hướng rút ngắn về thời gian và được thực hiện nhanh chóng, nếu thiếu sự phối hợp đồng bộ giữa các cơ quan có thẩm quyền, nguy cơ phát sinh các quy định không thống nhất vẫn luôn hiện hữu. Việc sáp nhập một số cơ quan quản lý nhà nước trong thời gian gần đây được kỳ vọng sẽ góp phần giảm thiểu tình trạng chồng chéo, thiếu thống nhất trong hệ thống pháp luật giữa các lĩnh vực từng do nhiều cơ quan khác nhau quản lý.

Bên cạnh đó, nhiều doanh nghiệp cũng cho rằng, một số quy định pháp luật hiện hành còn khá rườm rà, khó hiểu và khó áp dụng trong thực tế. Do đó, cần xem xét lại cách thức thiết kế các văn bản pháp luật theo hướng ngắn gọn, dễ hiểu, dễ áp dụng và phù hợp hơn với thực tiễn triển khai.

Nâng cao năng lực thực thi chính sách của các địa phương

Một trong những yếu tố có ảnh hưởng lớn đến mức độ thuận lợi trong quá trình triển khai dự án đầu tư chính là năng lực thực thi chính sách tại các địa phương. Hiện nay, hoạt động phân cấp, phân quyền được đẩy mạnh, phần lớn thủ tục liên quan đến thực hiện dự án đầu tư đều do chính quyền địa phương nơi có dự án đảm nhiệm.

Đáng chú ý, nhiều khâu then chốt trong quy trình triển khai dự án như định giá đất, giải phóng mặt bằng... đều do các cơ quan chức năng cấp địa phương thực hiện. Đây cũng là những điểm thường phát sinh vướng mắc, gây đình trệ tiến độ dự án.

Vì vậy, cần có giải pháp nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ và trách nhiệm của đội ngũ cán bộ địa phương nhằm đảm bảo chất lượng và hiệu quả trong công tác thực thi pháp luật, góp phần cải thiện môi trường đầu tư và đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án.

Mở rộng đối tượng áp dụng thủ tục đầu tư đặc biệt

Hiện nay, đã có một quy trình đầu tư theo thủ tục đặc biệt được áp dụng, giúp nhà đầu tư không cần thực hiện nhiều loại giấy phép và thủ tục liên quan đến xây dựng, phòng cháy chữa cháy, thẩm định khoa học và công nghệ. Theo đó, nhà đầu tư chỉ cần hoàn tất thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và giấy phép môi trường, trong khi các yêu cầu về quản lý sẽ được thực hiện thông qua cơ chế hậu kiểm.

Quy trình này đã góp phần rút ngắn đáng kể thời gian thực hiện thủ tục hành chính, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đầu tư. Tuy nhiên, hiện tại việc áp dụng quy trình này còn giới hạn, chủ yếu áp dụng đối với một số ngành, lĩnh vực cụ thể và trong phạm vi một số khu vực như khu công nghiệp, khu công nghệ cao.

Việc triển khai thủ tục đầu tư đặc biệt là một bước tiến quan trọng trong cải cách thủ tục hành chính và chính sách thu hút đầu tư. Do đó, cần tiếp tục nghiên cứu và đánh giá để có thể mở rộng phạm vi áp dụng cho nhiều ngành nghề và địa bàn hơn trong thời gian tới.

Tóm lại, quá trình triển khai dự án đầu tư tại Việt Nam hiện đang đối mặt với nhiều thách thức, chủ yếu xuất phát từ hệ thống pháp luật phức tạp, thủ tục hành chính rườm rà và sự thiếu đồng bộ giữa các quy định pháp lý. Những vướng mắc này không chỉ cản trở hoạt động của nhà đầu tư mà còn làm chậm tiến độ thực hiện các dự án trọng điểm, ảnh hưởng trực tiếp đến môi trường đầu tư và sự phát triển kinh tế của đất nước.

Để khắc phục tình trạng này, cần thúc đẩy cải cách mạnh mẽ trong hệ thống pháp luật đầu tư – kinh doanh, đơn giản hóa quy trình thủ tục và nâng cao năng lực thực thi của các cơ quan quản lý nhà nước. Việc xây dựng tài liệu hướng dẫn thống nhất về quy trình đầu tư, cùng với rà soát, sửa đổi các quy định chồng chéo, mâu thuẫn là giải pháp cần thiết nhằm tạo dựng môi trường đầu tư thông thoáng, minh bạch và hiệu quả.

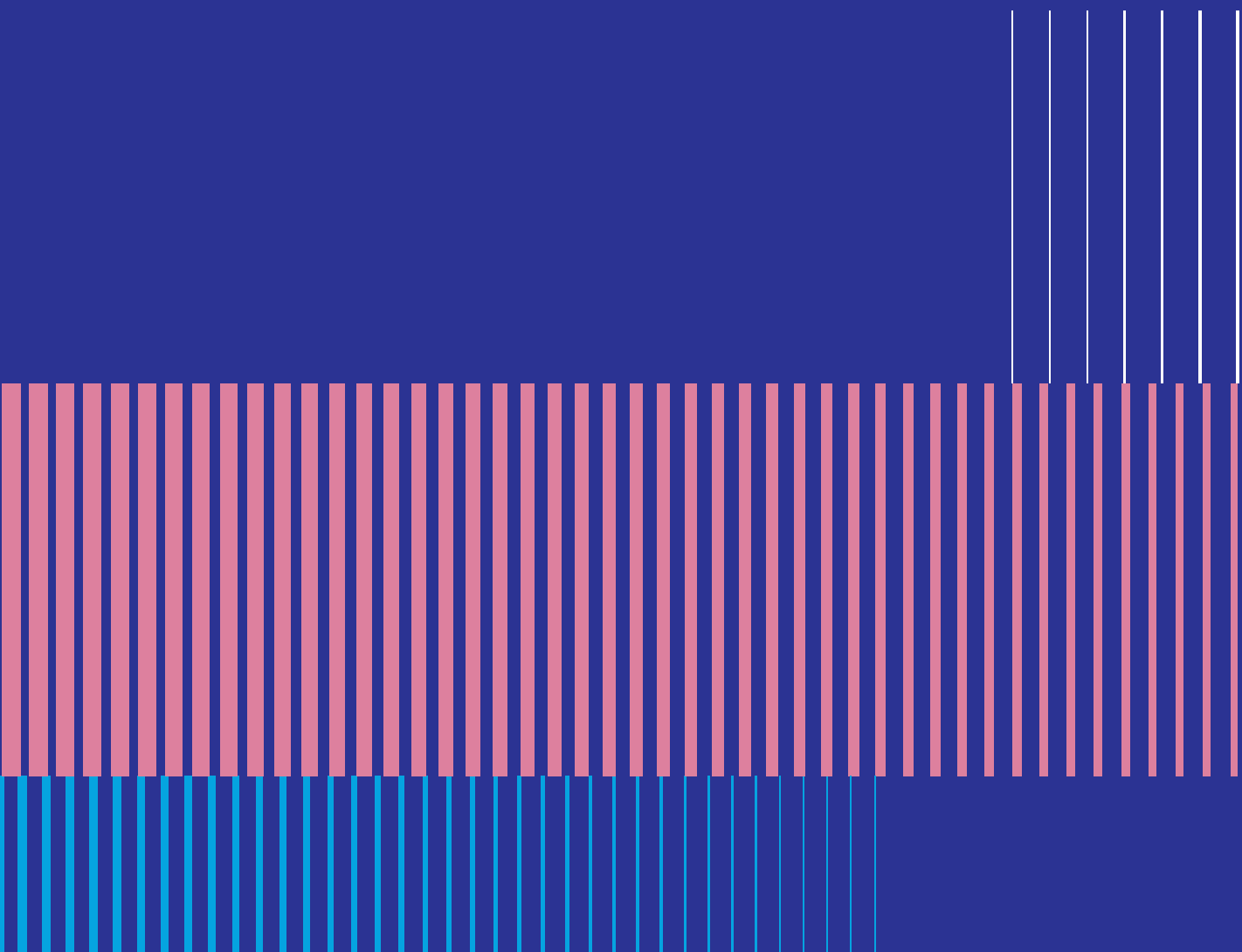
Bên cạnh đó, mở rộng phạm vi áp dụng thủ tục đầu tư theo cơ chế đặc biệt và tăng cường năng lực thực thi của chính quyền địa phương sẽ góp phần nâng cao chất lượng triển khai dự án, từ đó thúc đẩy phát triển kinh tế bền vững.

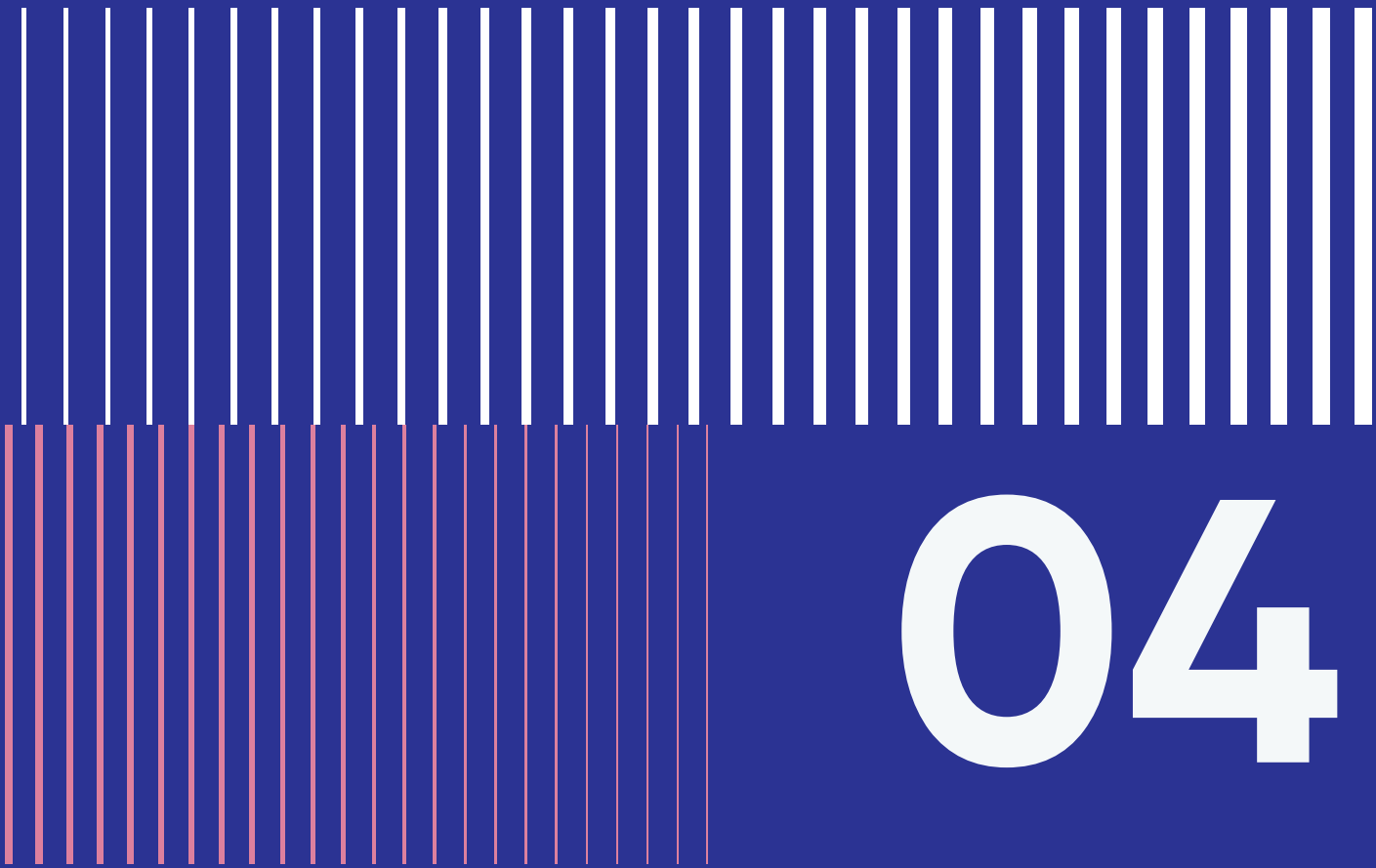
Đáng chú ý, trong những ngày cuối năm 2024, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1568/QĐ-TTg ngày 12/12/2024 về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo rà soát, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc liên quan đến các dự án đầu tư. Tiếp đó, Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Nguyễn Hòa Bình – Trưởng Ban Chỉ đạo – đã ký Quyết định số 152/QĐ-BCĐ phê duyệt Kế hoạch hoạt động năm 2024–2025, với trọng tâm là tổng hợp vướng mắc, đề xuất phương án xử lý và giám sát tiến độ triển khai.

Những động thái này thể hiện rõ quyết tâm và nỗ lực của Chính phủ trong việc tháo gỡ các điểm nghẽn, tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động đầu tư kinh doanh trong nước. Cộng đồng doanh nghiệp kỳ vọng, với sự chỉ đạo quyết liệt từ Trung ương, các khó khăn trong thủ tục đầu tư sẽ sớm được giải quyết, góp phần quan trọng vào việc hoàn thành các mục tiêu phát triển kinh tế của năm 2025 và các giai đoạn tiếp theo.

Điện rác:

Rào cản pháp lý và giải pháp



A decorative graphic consisting of a series of vertical lines of varying heights and colors (white and light red) against a dark blue background, spanning the width of the page.

04

Tốc độ đô thị hoá nhanh chóng đi cùng với việc gia tăng khối lượng chất thải sinh hoạt. Lượng chất thải rắn sinh hoạt tăng lên nhanh chóng, trung bình hơn 38.000 tấn/ngày trong năm 2023⁶⁰ và tăng trung bình 10-16% mỗi năm. Trong khi, phương pháp xử lý hiện nay lại vẫn chủ yếu là chôn lấp, tiềm ẩn nhiều nguy cơ ô nhiễm môi trường.

Với yêu cầu bảo vệ môi trường, xu hướng kinh tế xanh, các địa phương có nhu cầu chuyển đổi sang các công nghệ xử lý thân thiện với môi trường, trong đó có công nghệ đốt rác phát điện (hay còn gọi là điện rác). Đây là công nghệ hiện đại, có nhiều ưu điểm nổi bật như giảm được 90-95% thể tích và khối lượng chất thải; có thể tận dụng nhiệt; giảm phát thải khí nhà kính...⁶¹ Công nghệ này cũng được ưu tiên đẩy mạnh phát triển theo các văn bản của Đảng, Nhà nước như Nghị quyết 24-NQ/TW⁶², Chiến lược Bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.⁶³

Dù vậy, việc thu hút nhà đầu tư vào các dự án này còn gặp nhiều khó khăn. Tính đến năm 2023, số lượng nhà máy điện rác đi vào hoạt động trên cả nước còn rất ít.

Trước tình hình đó, VCCI đã thực hiện một nghiên cứu nhằm xác định những điểm vướng mắc về mặt pháp lý với thủ tục đầu tư các dự án nhà máy điện rác.

Chương này của Báo cáo sẽ trình bày các khó khăn, vướng mắc cản trở hoạt động đầu tư vào các dự án nhà máy điện rác. Các phát hiện thu thập từ văn bản cung cấp thông tin của các địa phương, doanh nghiệp, thông qua quá trình phỏng vấn sâu với các bên có liên quan.

Hiện nay, nhà đầu tư có thể đầu tư dự án điện rác thông qua ba con đường:

- Đầu thầu lựa chọn nhà đầu tư;
- Đầu tư theo phương thức PPP;
- Đầu tư vào dự án xử lý rác thải hiện hữu và thực hiện chuyển đổi công nghệ.

Cả ba phương thức trên đều chưa thuận lợi do gặp những vướng mắc lớn. Hai phần đầu tiên trong chương này sẽ đề cập đến các vướng mắc pháp luật liên quan đến các phương thức này.

[60] Viện chiến lược, chính sách tài nguyên và môi trường (2022). *Tọa đàm chính sách: Sự tham gia của doanh nghiệp tư nhân trong quản lý chất thải rắn sinh hoạt tại Việt Nam*. Truy cập tại: <https://isponre.gov.vn/vi/news/tin-tuc/toa-dam-chinh-sach-su-tham-gia-cua-doanh-nghiep-tu-nhan-trong-quan-ly-chat-thai-ran-sinh-hoat-tai-viet-nam-2631.html>

[61] Nguyễn Xuân Thái. 2020. *Điện rác - bài toán kinh tế hay môi trường đối với Việt Nam?* Sở Công Thương tỉnh Bắc Ninh. Truy cập tại: news - Sở Công thương - Cổng thông tin điện tử tỉnh Bắc Ninh (bacninh.gov.vn).

[62] Nghị quyết 24-NQ/TW ngày 03/6/2013 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường đặt ra mục tiêu thúc đẩy sản xuất, thu hồi năng lượng từ chất thải.

[63] Chiến lược Bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đặt ra mục tiêu đẩy mạnh áp dụng các công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường, đồng xử lý, xử lý kết hợp với thu hồi năng lượng.

1 Chuyển đổi công nghệ với dự án hiện hữu và Đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư: Thiếu cam kết dài hạn với nhà đầu tư

Thiếu cơ sở pháp lý ký hợp đồng dài hạn với nhà đầu tư

Dịch vụ xử lý rác thải được xem là một loại dịch vụ công. Nhà nước sẽ thực hiện thông qua doanh nghiệp nhà nước hoặc giao cho tư nhân thực hiện. Trong cả hai trường hợp, chi phí thực hiện sẽ được ngân sách nhà nước chi trả cho đơn vị cung cấp dịch vụ. Trong trường hợp điện rác, các nhà máy điện rác sẽ thực hiện hoạt động xử lý (đốt) rác và nhận chi trả từ ngân sách nhà nước cho hoạt động này.

Việc lựa chọn cơ sở thực hiện dịch vụ được thực hiện thông qua phương thức cụ thể, trong trường hợp cơ sở xử lý chất thải sẽ theo một trong hai phương thức (i) đấu thầu hoặc (ii) đặt hàng. Thời hạn thực hiện dịch vụ tương đối ngắn với cả hai phương thức (1 năm với phương thức đặt hàng, và tối đa 5 năm với phương thức đấu thầu). Lý do là nguồn chi cho dịch vụ công phải phù hợp với kế hoạch tài chính 05 năm và dự toán chi hàng năm của địa phương.

Với quy định như vậy, địa phương chỉ có thể ký kết hợp đồng ngắn hạn với các cơ sở xử lý rác thải.

Điều này lại không phù hợp với tính chất của một dự án điện rác. Nhà máy điện rác thường có hai đặc điểm sau:

Thứ nhất, các dự án điện rác có suất vốn đầu tư ban đầu rất lớn, lên đến hàng nghìn tỷ đồng. Nhà đầu tư cần nhìn thấy trước tính khả thi và khả năng hoàn vốn của dự án trước. Đây cũng là yêu cầu tiên quyết của bên cấp vốn (thường là ngân hàng) trước khi quyết định cho vay. Các nhà đầu tư và ngân hàng không thể tính toán doanh thu và lợi nhuận khi chỉ có thể ký hợp đồng ngắn hạn.

Thứ hai, tính chất đặc biệt về nhà cung cấp và khách hàng: địa phương. Địa phương vừa là nhà cung cấp duy nhất nguồn nguyên liệu đầu vào (chất thải rắn sinh hoạt), vừa là khách hàng chủ yếu (nguồn thu từ chi trả dịch vụ xử lý chất thải, ngoài ra còn có nguồn thu từ bán điện). Đầu ra và đầu vào đều phụ thuộc vào địa phương, nên nhà đầu tư cần sự cam kết đến từ chính quyền địa phương về việc sử dụng dịch vụ. Nếu không, kế hoạch kinh doanh sẽ thất bại vì không có nguồn khác bù vào.

Với các đặc điểm này, một dự án điện rác cần có sự đảm bảo *dài hạn* từ địa phương để đảm bảo khả năng vận hành liên tục và khả năng hoàn vốn của dự án. Hai khía cạnh quan trọng gồm: (i) nguồn cung cấp rác đầu vào; (ii) giá dịch vụ xử lý chất thải. Như vậy, có thể nói, hợp đồng dài hạn dịch vụ xử lý rác là điều kiện tiên quyết để nhà đầu tư có thể ra quyết định đầu tư.

Qua phỏng vấn, trước đây, một số địa phương đã phải vận dụng giữa các quy định pháp luật để tạo ra một cam kết dài hạn cho nhà đầu tư. Cụ thể, Ủy ban nhân dân tỉnh đồng ý về mặt chủ trương cho phép đặt hàng trong toàn bộ thời gian của dự án. Nhưng việc đặt hàng vẫn được diễn ra theo từng năm. Để được đặt hàng, nhà đầu tư phải đáp ứng tiêu chí, điều kiện theo quy định mới được đặt hàng trong năm đó. Các điều kiện đó bao gồm: (1) Nhà cung cấp có đủ năng lực về tài chính, cơ sở vật chất, công nghệ, quản lý; (2) Dịch vụ công có tính đặc thù do liên quan đến sở hữu trí tuệ hoặc có một nhà cung cấp đăng ký thực hiện; (3) Có định mức kinh tế kỹ thuật và đơn giá (Điều 12.2 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP⁶⁴).

Tuy nhiên, các điều kiện trên có một số điểm vướng: i) không rõ cách thức xác định một nhà cung cấp đăng ký thực hiện tại điều kiện (2) là như thế nào. Hiện nay, địa phương xác định vị trí nhà máy xử lý rác thải tại quy hoạch tỉnh, nhưng chỉ có thể xác định là quy hoạch nhà máy đó sẽ xử lý rác cho địa bàn, khu vực nào, chứ không thể quy định nhà máy đó sẽ là duy nhất xử lý rác cho khu vực đó. Tính duy nhất của nhà cung cấp do đó nhiều khi chưa rõ ràng; ii) chưa có định mức kinh tế kỹ thuật.

Quy định về phương thức lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ thiếu rõ ràng

Một điểm vướng khác là sự thiếu rõ ràng trong quy định pháp luật. Trước đây, theo quy định của Nghị định số 32/2019/NĐ-CP, có hai phương thức lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ công là đấu thầu hoặc đặt hàng. Địa phương có thể có quyền lựa chọn giữa một trong hai phương thức này. Sau này, Luật Bảo vệ môi trường 2020 quy định việc lựa chọn cơ sở xử lý chất thải phải đấu thầu (Điều 78). Chỉ khi không thể đấu thầu thì mới thực hiện thông qua đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ.

Quy định tại Luật Bảo vệ môi trường hiện nay còn thiếu rõ ràng, dẫn đến nhiều cách hiểu khác nhau và gây khó khăn trong quá trình áp dụng thực tế. Cụ thể, chưa có định nghĩa cụ thể về trường hợp nào được xem là “không thể đấu thầu” – liệu là đã tổ chức đấu thầu nhưng không có đơn vị trúng thầu, hay do không có đơn vị đáp ứng tiêu chí, hoặc do không thể áp dụng hình thức đấu thầu? Do quy định chưa được làm rõ, mỗi địa phương lại có cách hiểu và cách xử lý khác nhau, nhưng đều lúng túng và chưa dám đưa ra quyết định. Bên cạnh đó, trong trường hợp không thể đấu thầu mà chuyển sang hình thức đặt hàng, các địa phương lại tiếp tục gặp khó khăn do những vướng mắc liên quan đến quy trình đặt hàng như đã nêu trước đó.

Một số địa phương đã phải xin cơ chế đặc thù, có thể để không phải thực hiện quy định tại Luật Bảo vệ môi trường. Cụ thể, Nghị quyết số 98/2023/QH15 về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh cho phép địa phương áp dụng hình thức đặt hàng với cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt chuyển đổi công nghệ sang thu hồi năng lượng (điện rác). Đà Nẵng cũng xin cơ chế đặc thù như vậy tại Nghị quyết số 136/2024/QH15 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị và thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng.

⁶⁴ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên.

2 Đầu tư theo phương thức đối tác công tư: thiếu các hướng dẫn chi tiết

Đầu tư theo phương thức đối tác công tư là một trong những phương thức lựa chọn nhà đầu tư tham dự dự án điện rác. Với phương thức này, nhà đầu tư có cam kết dài hạn về sử dụng dịch vụ xử lý chất thải từ nhà nước – vấn đề mà phương thức trên đang gặp vướng mắc. Đây được xem là ưu điểm nổi bật của phương thức PPP trong việc thu hút đầu tư.

Tuy nhiên, trên thực tế, phương thức PPP vẫn chưa được áp dụng rộng rãi cho các dự án nhà máy điện rác. Qua khảo sát từ các doanh nghiệp và địa phương, nguyên nhân chủ yếu được cho là do thiếu các hướng dẫn cụ thể trong quá trình triển khai đầu tư theo hình thức này.

Luật PPP và các nghị định hướng dẫn hiện hành mới chỉ cung cấp một khuôn khổ chung cho hoạt động đầu tư theo phương thức đối tác công tư. Trong khi đó, mỗi lĩnh vực đầu tư lại có những đặc thù riêng, đòi hỏi phải có các văn bản hướng dẫn chi tiết phù hợp. Do đó, tại Điều 93 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP⁶⁵, Chính phủ đã quy định rõ trách nhiệm của các bộ, ngành trong việc chủ trì xây dựng và ban hành hướng dẫn cụ thể cho các nội dung liên quan đến hoạt động đầu tư PPP, nhằm bảo đảm tính khả thi và hiệu quả khi triển khai trong thực tiễn:

- Cơ quan chịu trách nhiệm thẩm định thiết kế theo pháp luật chuyên ngành;
- Nội dung trong báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi bao gồm: chỉ tiêu hiệu quả kinh tế xã hội; khung lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư; chỉ số đánh giá chất lượng của công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng, cung cấp dịch vụ công do doanh nghiệp dự án cung cấp; thời hạn khấu hao công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng;
- Nội dung chi tiết tiêu chuẩn và phương pháp đánh giá hồ sơ dự thầu bao gồm: tiêu chuẩn và phương pháp đánh giá về năng lực, kinh nghiệm; kỹ thuật; tài chính - thương mại; tiêu chí ưu tiên nhà đầu tư có kinh nghiệm thực hiện dự án tại các nước thuộc Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (nếu áp dụng);
- Mẫu hợp đồng dự án phù hợp với yêu cầu thực hiện dự án của ngành, lĩnh vực mình quản lý căn cứ nội dung cơ bản của hợp đồng dự án PPP và Hướng dẫn lập hợp đồng mẫu dự án PPP.

⁶⁵ Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

Trong số các nội dung cần được hướng dẫn cụ thể trên, mẫu hợp đồng PPP trong lĩnh vực xử lý chất thải – đặc biệt là hợp đồng theo hình thức BLT (Xây dựng – Thuê dịch vụ – Chuyển giao) hoặc BTL (Xây dựng – Chuyển giao – Thuê dịch vụ) – có thể là yếu tố quan trọng hàng đầu. Giống như các hợp đồng PPP khác, hợp đồng BLT/BTL phải tuân thủ đồng thời nhiều quy định pháp luật. Bên cạnh Luật PPP 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành, hợp đồng này còn chịu sự điều chỉnh của các luật chuyên ngành như: Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Đấu thầu, Luật Giá (liên quan đến cơ chế xác định giá và thanh toán sản phẩm, dịch vụ công), Luật Xây dựng, Luật Khoa học và Công nghệ (liên quan đến đầu tư thiết bị, công nghệ trong dự án), cũng như Luật Điện lực (áp dụng đối với các dự án điện rác). Ngoài ra, quá trình ký kết và thực hiện hợp đồng PPP còn liên quan đến nhiều cơ quan quản lý nhà nước và các chủ thể khác nhau.

Do thiếu hướng dẫn cụ thể, cộng với sự phức tạp trong việc áp dụng đồng thời nhiều hệ thống pháp luật, các địa phương và doanh nghiệp gặp không ít khó khăn, đặc biệt trong quá trình đàm phán và ký kết hợp đồng.

Việc ban hành hướng dẫn này diễn ra rất chậm. Ngày 23/11/2021, Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 30/CT-TTg⁶⁶ nhằm đẩy mạnh triển khai thi hành văn bản quy phạm pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư và đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư, trong đó đôn đốc ban hành Thông tư hướng dẫn lĩnh vực xử lý chất thải trong Quý II năm 2022.

Tuy nhiên, đến thời điểm 10/2024, văn bản hướng dẫn các nội dung này vẫn chưa được ban hành. Hiện nay, Bộ Tài nguyên và Môi trường đang chủ trì soạn thảo Dự thảo hướng dẫn các nội dung này.

⁶⁶ Chỉ thị 30/CT-TTg năm 2021 về đẩy mạnh triển khai thi hành văn bản quy phạm pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư và đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư do Thủ tướng Chính phủ ban hành.

3 Năng lực của chính quyền địa phương

Các dự án điện rác là những dự án có quy mô lớn, sử dụng công nghệ phức tạp và đòi hỏi chuyên môn cao. Quá trình nghiên cứu dự án, xây dựng hồ sơ mời thầu với các yêu cầu chặt chẽ về tài chính, kỹ thuật, thẩm định hồ sơ dự thầu cũng như lựa chọn công nghệ phù hợp đều là những công việc phức tạp, cần nhiều thời gian và chuyên môn sâu. Đặc biệt, giai đoạn đàm phán hợp đồng càng trở nên khó khăn hơn khi phải làm rõ các điều khoản kỹ thuật và ràng buộc pháp lý giữa nhà đầu tư và địa phương. Những công việc này đòi hỏi đội ngũ cán bộ phụ trách phải có trình độ chuyên môn cao và được đào tạo bài bản – điều thường chỉ có thể đạt được qua kinh nghiệm thực tiễn từ nhiều dự án tương tự.

Tuy nhiên, thực tế cho thấy mỗi địa phương thường chỉ có nhu cầu xây dựng một hoặc một vài nhà máy điện rác, dẫn đến tình thế “lưỡng nan”. Các cán bộ tại địa phương phải đầu tư rất nhiều công sức để tìm hiểu về công nghệ, quy định pháp luật và cách thức triển khai dự án. Khi họ đã nắm vững và có khả năng xử lý công việc một cách hiệu quả thì dự án tại địa phương đã hoàn thành, và không còn phát sinh thêm nhu cầu triển khai mới. Ở chiều ngược lại, với mỗi địa phương mới, các nhà đầu tư lại phải bắt đầu lại toàn bộ quy trình, từ việc trao đổi, làm quen đến thuyết phục, giải thích các nội dung kỹ thuật – điều mà họ đã thực hiện nhiều lần ở các địa phương khác. Trong khi mối quan tâm và nội dung trao đổi nhìn chung không thay đổi nhiều, thì với các địa phương lần đầu tiếp cận mô hình này, mọi thứ đều là mới mẻ và cần thời gian nghiên cứu, tìm hiểu kỹ lưỡng.

Nếu so sánh với các dự án phức tạp khác như nhà máy điện BOT, có thể thấy sự khác biệt rõ rệt. Mặc dù các dự án điện BOT cũng có hợp đồng lên đến hàng trăm trang với hàng loạt điều khoản kỹ thuật, pháp lý chi tiết, song các cán bộ của Bộ Công Thương đã được đào tạo chuyên sâu và có kinh nghiệm thực hiện nhiều dự án tương tự. Do đó, các hợp đồng BOT điện thường được đàm phán và ký kết nhanh chóng, ít gặp trở ngại lớn. Tương tự, trong lĩnh vực giao thông, việc triển khai hàng trăm dự án BOT trong giai đoạn trước năm 2020 đã giúp đội ngũ cán bộ phụ trách thành thạo quy trình và xử lý nhanh gọn các vấn đề phát sinh.

Từ đó cho thấy, một trong những yếu tố quyết định hiệu quả triển khai dự án chính là năng lực chuyên môn và kinh nghiệm của đội ngũ cán bộ. Với đặc thù là số lượng dự án không nhiều nhưng lại rất phức tạp như điện rác, việc để các địa phương tự triển khai toàn bộ là một thách thức lớn. Vì vậy, cần xem xét vai trò hỗ trợ chuyên môn từ các cơ quan trung ương – như xây dựng đội ngũ tư vấn chuyên sâu, hướng dẫn mẫu hợp đồng, quy trình triển khai chuẩn – nhằm hỗ trợ các địa phương, giúp việc triển khai dự án điện rác được thực hiện một cách hiệu quả, nhất quán và đúng quy định pháp luật.

4 Thủ tục đầu tư: Chưa phân cấp triệt để

Hiện nay, phần lớn các thủ tục đầu tư dự án điện rác đều thuộc thẩm quyền của địa phương. Địa phương là cấp có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư, phê duyệt và công bố dự án, cũng là cấp thực hiện các quy trình lựa chọn nhà đầu tư (thông qua đấu thầu hoặc PPP). Địa phương cũng có thẩm quyền trong việc thẩm định công nghệ của dự án đầu tư.

Dù vậy, một số thủ tục chuyên ngành xây dựng và môi trường với các dự án này lại thuộc thẩm quyền của trung ương. Theo chia sẻ của các doanh nghiệp, nhà máy điện rác có công suất lớn, từ trên 500 tấn/ngày đêm. Với mức này, dự án thuộc công trình cấp đặc biệt theo pháp luật xây dựng tại Thông tư số 06/2021/TT-BXD, và thuộc loại hình có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường công suất lớn theo pháp luật môi trường tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Khi đó, thẩm quyền thẩm định thiết kế cơ sở và phê duyệt đánh giá tác động môi trường đều thuộc trách nhiệm của bộ chuyên ngành. Điều này tạo ra “gấp khúc” trong quá trình đầu tư, từ đó có thể làm tăng tổng thời gian thực hiện dự án đầu tư.

5 Quy hoạch điện: Thiếu cơ chế điều chỉnh linh hoạt

Các nhà máy điện rác vừa là một nhà máy xử lý rác, lại vừa là một nhà máy phát điện. Do vậy, thủ tục đầu tư nhà máy liên quan đến cả các quy định của pháp luật điện lực. Trong đó, quy hoạch phát triển điện lực quốc gia là vấn đề then chốt, là cơ sở để dự án được đấu nối vào lưới điện, và là tiền đề ký kết Hợp đồng mua bán điện và vận hành thương mại (COD).

Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia 2012-2030 (Quy hoạch điện VIII) xác định ưu tiên, khuyến khích phát triển điện sản xuất từ rác, chất thải rắn, với tiềm năng khoảng 1.800 MW. Quy hoạch xác định công suất nguồn điện sinh khối và điện rác đạt 2.270 MW vào năm 2030 và định hướng đạt 6.015 MW vào năm 2050. Để thực hiện Quy hoạch điện VIII, Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII⁶⁷ xác định tổng công suất điện sản xuất từ rác là 1.182 MW.

Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII xác định cụ thể mức độ phân bổ công suất điện rác cho từng địa phương (gắn với từng dự án tại địa phương đó). Điểm bất cập của việc phân bổ cụ thể xuống từng dự án, từng địa phương là tổng công suất đặt bị chia nhỏ, trong khi nhu cầu của một số địa phương lại lớn hơn lượng phân bổ. Ví dụ, theo văn bản số 3535/UBND-KT ngày 24/7/2023, thành phố Hồ Chí Minh (Tp.HCM) muốn được phân bổ mức công suất đặt của điện sinh khối và điện rác là 340MW vào năm 2030, nhưng Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII chỉ phân bổ cho TP. HCM 123 MW.⁶⁸ Hay, Sóc Trăng chỉ được phân bổ 16MW trong Kế hoạch, nhưng công suất này không đáp ứng được yêu cầu của nhà đầu tư.⁶⁹

Việc phân bổ cụ thể xuống từng dự án, từng địa phương cũng tạo nên tình trạng: dự án có khả năng triển khai thì không được phân bổ công suất, trong khi số công suất đó được phân bổ cho dự án chưa/chậm triển khai. Một số địa phương có kinh nghiệm sẽ có khả năng triển khai dự án nhanh hơn, nhưng không đủ công suất phân bổ nên không thể triển khai xây dựng nhà máy. Trong khi, một số địa phương khác được phân bổ công suất, nhưng không thể hoàn thành dự án, để dự án điện rác kéo dài, chậm tiến độ.

⁶⁷ Kế hoạch ban hành theo Quyết định 262/QĐ-TTg ngày 01/4/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

⁶⁸ Tô Văn Trường. (2024). *TP.HCM và 'lỗ hổng' làm điện rác*. Báo VietNamNet. Truy cập tại: <https://vietnamnet.vn/tp-hcm-va-lo-hong-lam-dien-rac-2261548.html>

⁶⁹ 2 nhà đầu tư xin đầu tư dự án điện rác với công suất 25 MW; một doanh nghiệp khác đang xin đầu tư dự án điện rác với công suất 15MW, theo Công văn 1615/STNMT-MT ngày 13/6/2024 gửi VCCI về cung cấp thông tin khó khăn vướng mắc trong lĩnh vực quản lý chất thải rắn sinh hoạt

Mục tiêu của việc phân bổ công suất có thể nhằm phân kỳ đầu tư, giám sát tiến độ thực hiện và phối hợp triển khai đầu tư đường dây truyền tải cho đồng bộ. Tuy nhiên, áp dụng phân bổ với dự án điện rác dường như không thật cần thiết. Bởi, dự án điện rác thường có quy mô công suất nhỏ (khoảng 15 – 30 MW), không phải là dự án trọng điểm về điện. Các địa phương xây dựng nhà máy điện rác chủ yếu để giải quyết vấn đề rác thải, chứ không phải phát triển điện, đảm bảo an ninh năng lượng. Ngoài ra, việc phân bổ này cũng không có ý nghĩa xác định trách nhiệm xây dựng đường dây truyền tải. Địa phương có thẩm quyền phê duyệt đầu tư với đường dây truyền tải điện với các nhà máy cỡ nhỏ như vậy, nên hoàn toàn chủ động trong công tác này.

6 Chậm ban hành văn bản hướng dẫn

Dự án đầu tư nhà máy điện rác tương đối phức tạp, liên quan đến văn bản pháp luật trong nhiều lĩnh vực khác nhau. Triển khai thực hiện loại dự án này phụ thuộc rất lớn vào các văn bản hướng dẫn chi tiết. Tuy nhiên, hiện nay nhiều văn bản hướng dẫn chi tiết chưa được ban hành. Do đó, gây khó cho việc thực hiện.

Thứ nhất, kỹ thuật hiện có tốt nhất. Điều 105 Luật Bảo vệ môi trường 2020 yêu cầu các cơ sở thuộc loại hình có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường phải áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình. Các cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt thuộc loại hình có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường nên có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ này.

Bảng 3 Lộ trình thực hiện kỹ thuật hiện có tốt nhất với các nhà máy xử lý chất thải sinh hoạt theo quy định tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP

Loại hình tái chế, xử lý chất thải rắn sinh hoạt	Dự án đầu tư	Cơ sở hiện hữu
Công suất từ 500 tấn/ngày trở lên	01/01/2027	01/01/2028
Công suất dưới 500 tấn/ngày	01/01/2028	01/01/2029
Không áp dụng	01/01/2029	01/01/2030

Sau khi có danh mục kỹ thuật tốt nhất phải áp dụng, doanh nghiệp cần có thời gian nghiên cứu, lên kế hoạch kinh doanh, huy động nguồn vốn và tiến hành đầu tư, cải tiến công nghệ. Các nhà máy điện rác thường có công suất trên 500 tấn/ngày, nên thời hạn áp dụng sớm nhất là đầu năm 2027, tức còn chỉ hơn 2 năm nữa. Do vậy, không còn nhiều thời gian để cho doanh nghiệp chuẩn bị áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất cho dự án hoặc cơ sở của mình.

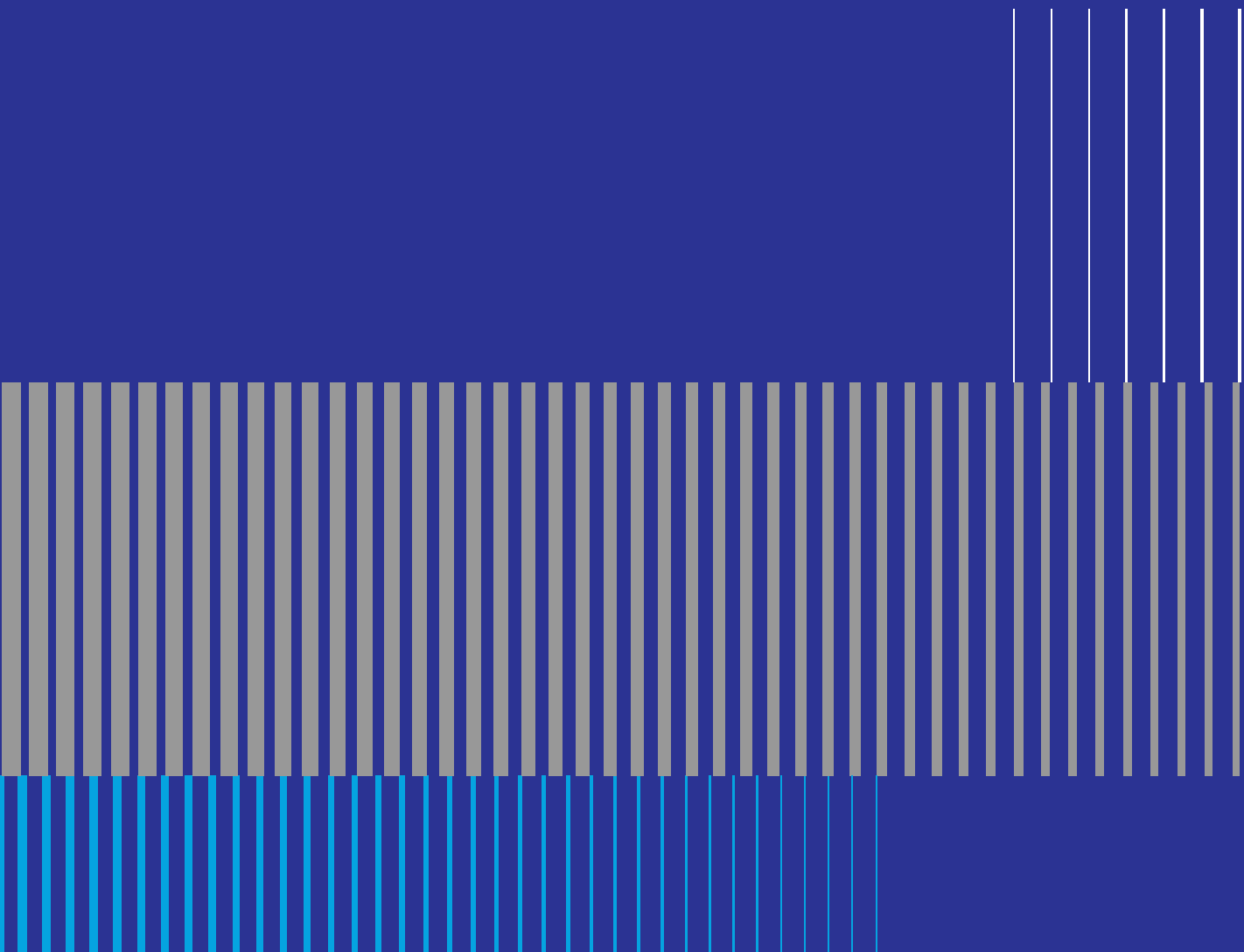
Thứ hai, chưa có hướng dẫn xử lý tro bay. Sau quá trình xử lý, các nhà máy điện rác sẽ phát sinh một lượng lớn tro bay của lò đốt chất thải rắn sinh hoạt sau hoá rắn. Tro bay này được phân loại là chất thải công nghiệp phải kiểm soát với mã chất 12 03 02 theo Mục C Mẫu 01 Phụ lục III Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT⁷⁰. Tuy nhiên, hiện nay chưa có hướng dẫn việc xử lý tro bay này sau hoá rắn nên khó khăn trong việc xử lý, đặc biệt khi khối lượng phát sinh lớn.

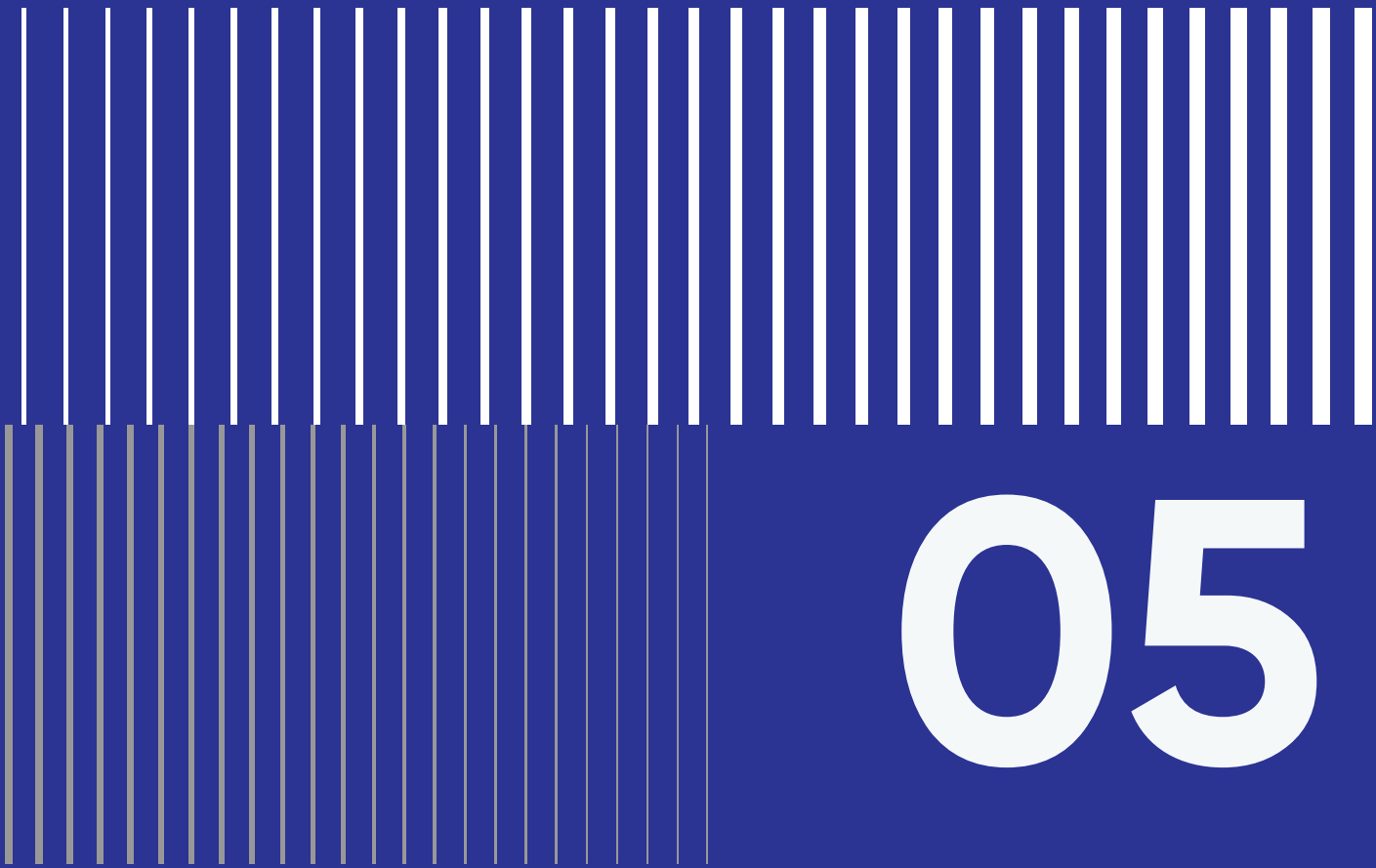
⁷⁰ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

7 Kiến nghị

- *Thứ nhất*, ban hành quy định cho phép địa phương ký kết hợp đồng dịch vụ xử lý chất thải dài hạn với các nhà máy điện rác.
- *Thứ hai*, sớm ban hành mẫu hợp đồng PPP (mẫu BLT) trong lĩnh vực xử lý chất thải.
- *Thứ ba*, cần nhắc thành lập Tổ công tác của trung ương để hỗ trợ địa phương trong việc thực hiện các dự án điện rác.
- *Thứ tư*, sớm ban hành danh mục kỹ thuật hiện có tốt nhất và xây dựng hướng dẫn về việc xử lý tro bay của lò đốt chất thải rắn sinh hoạt sau hoá rắn.
- *Thứ năm*, phân cấp cho địa phương thực hiện các thủ tục hành chính trong lĩnh vực xây dựng (thẩm định thiết kế cơ sở) và lĩnh vực môi trường (phê duyệt đánh giá tác động môi trường).
- *Thứ sáu*, thiết kế lại Danh mục dự điện rác trong Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII theo hướng mở, trong đó không phân bổ trước công suất đặt cho từng địa phương, mà ưu tiên cho các dự án có khả năng triển khai trước.

Đánh giá phản hồi của cơ quan soạn thảo



A decorative graphic consisting of numerous vertical lines of varying heights and colors (white and light blue) on a dark blue background, spanning the width of the page.

05

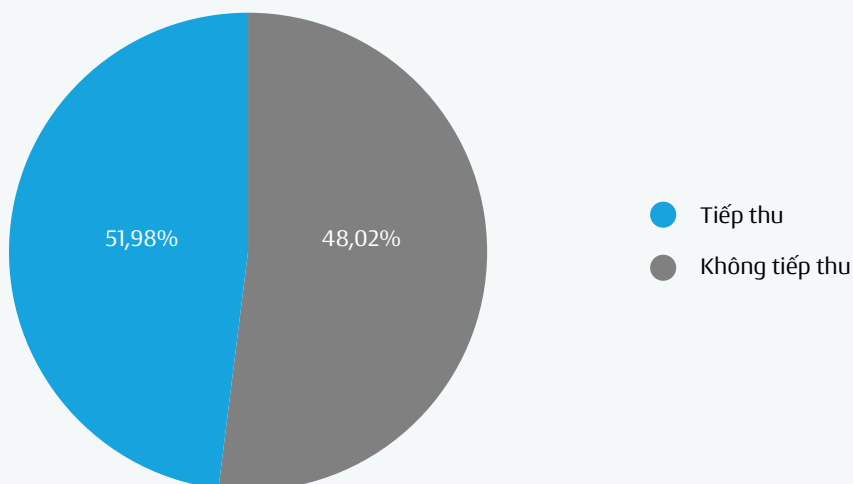
1 Đánh giá mức độ tiếp thu

Tổng cộng VCCI đã đưa ra 504 ý kiến góp ý với 79 văn bản quy phạm pháp luật trên, tương ứng với mỗi văn bản có 6 đề xuất, kiến nghị gửi tới cơ quan soạn thảo.

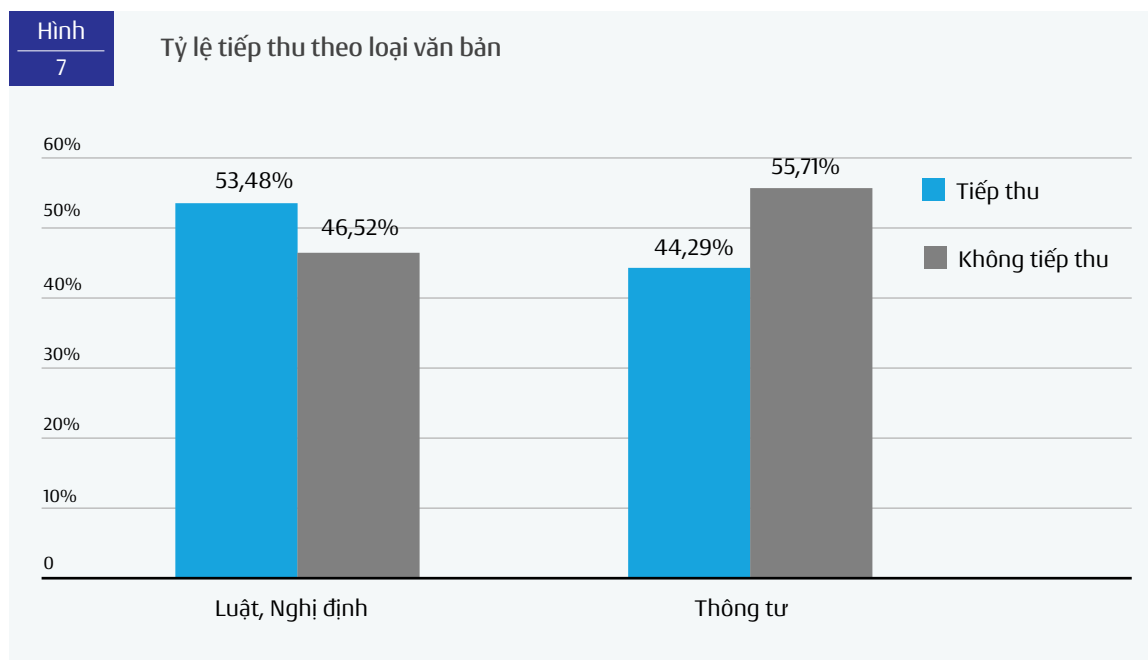
Tỷ lệ tiếp thu ý kiến góp ý của VCCI năm 2024 của Bộ, ngành là 51,98% (262/504 ý kiến). Tỷ lệ này thấp hơn so với năm 2023 (53,87%) và năm 2020 (54,92%), tuy nhiên lại cao hơn so với tỷ lệ tiếp thu của năm 2022 (47,73%), năm 2021 (46,5%), năm 2019 (44%).

Hình
6

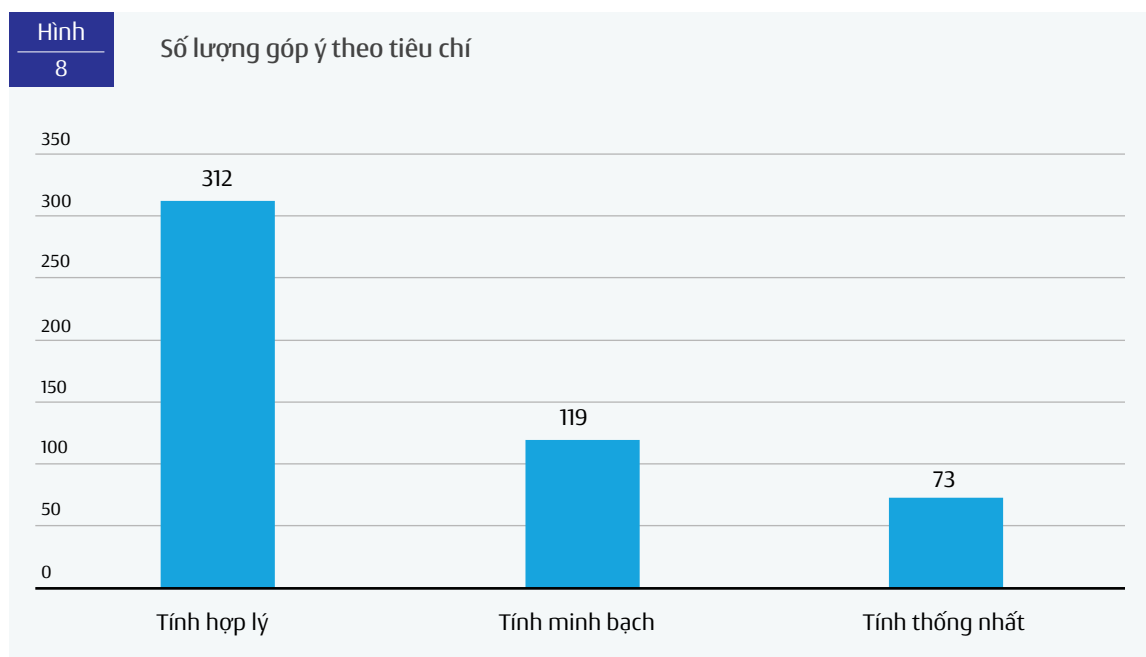
Tỷ lệ tiếp thu các ý kiến của VCCI



Xét theo loại văn bản, tỷ lệ tiếp thu đối với các góp ý trong các dự thảo văn bản ở cấp luật, nghị định cao hơn so với ở cấp thông tư nhưng không đáng kể.



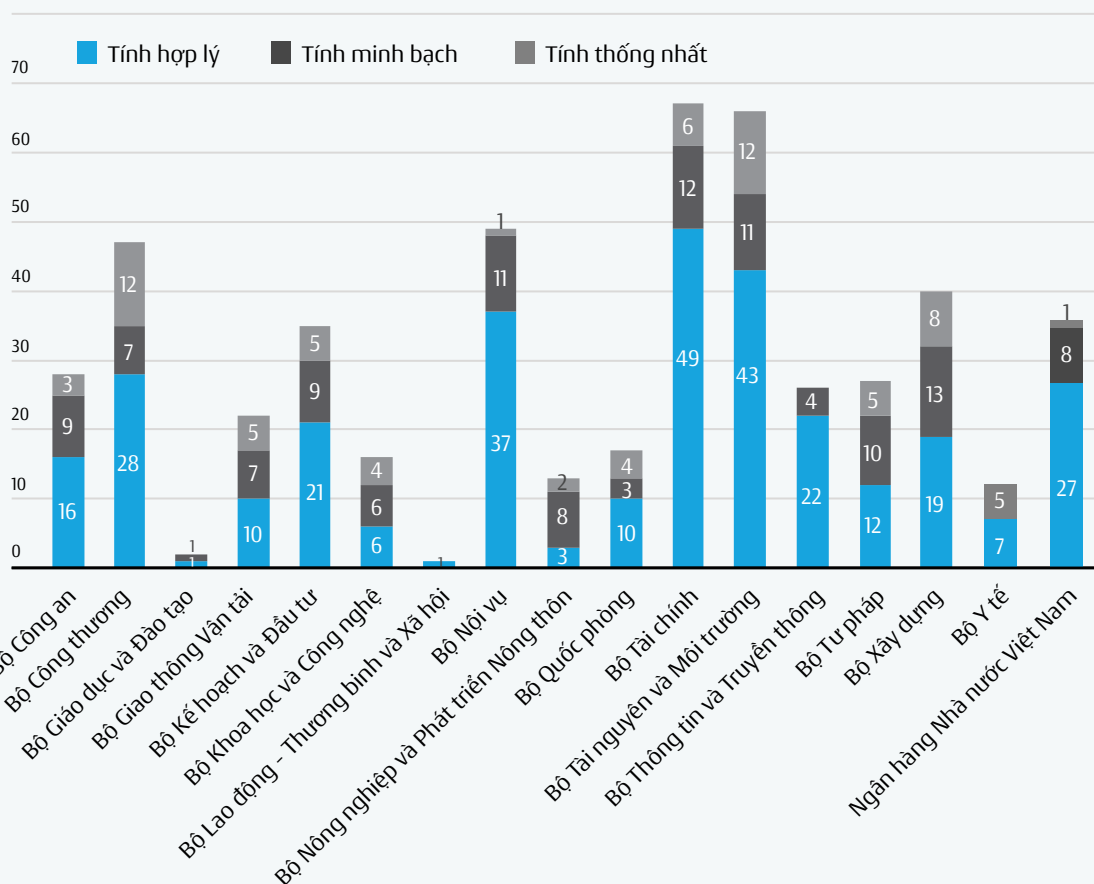
Các góp ý của VCCI thường tập trung vào các yếu tố về tính hợp lý, tính minh bạch và tính thống nhất của quy định. Các đề xuất liên quan đến tính hợp lý chiếm hơn một nửa tổng số góp ý, tiếp theo sau là các góp ý về tính minh bạch và tính thống nhất. Điều này cho thấy, các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật về kinh doanh được soạn thảo trong năm qua, vẫn còn khá nhiều điểm chưa hợp lý, khả thi, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp.



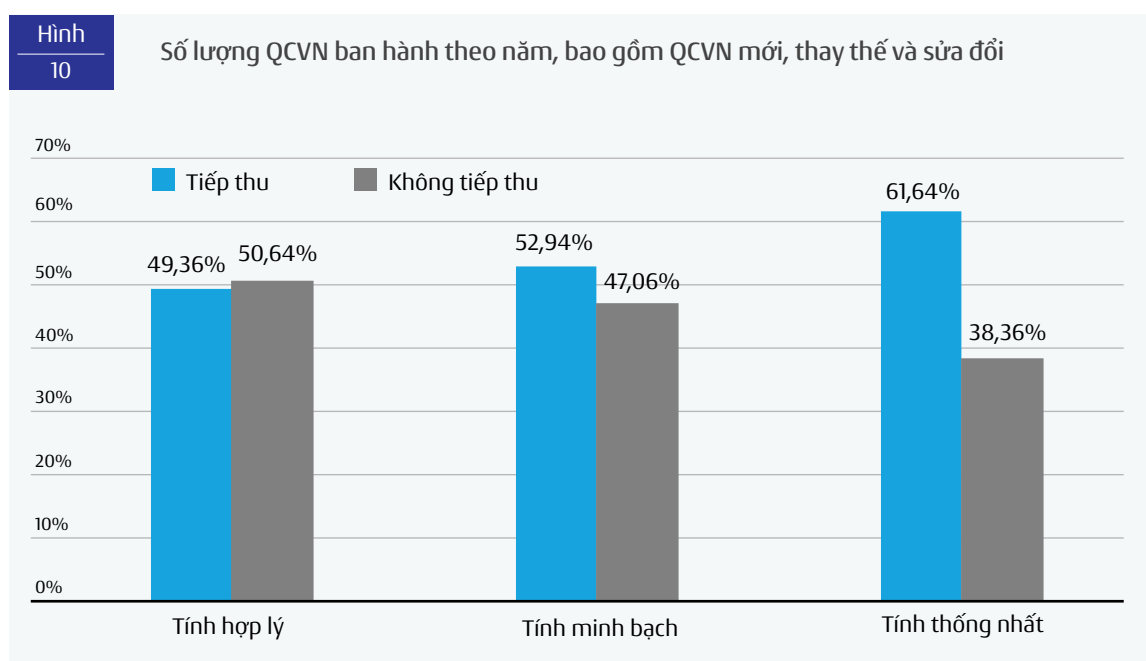
Xét theo cơ quan chủ trì soạn thảo, các góp ý của VCCI cho Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường có số lượng lớn nhất, do số lượng văn bản liên quan đến doanh nghiệp Bộ này soạn thảo mỗi năm cũng rất nhiều. Tiếp đến là các góp ý cho các Bộ Nội vụ, Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Kế hoạch và Đầu tư liên quan đến các dự thảo văn bản quy định chi tiết luật.

Hình
9

Các góp ý theo từng tiêu chí của từng bộ, ngành



Xét theo tỷ lệ tiếp thu, các góp ý về tính hợp lý của quy định có tỷ lệ tiếp cao hơn hẳn so với tỷ lệ góp ý không được tiếp thu. Mặt khác, tỷ lệ tiếp thu góp ý của VCCI liên quan đến tính minh bạch và thống nhất lại tương đối thấp.



Cụ thể, trong 3 tiêu chí, tỷ lệ tiếp thu các góp ý về tính thống nhất là cao nhất (61,64%), Cũng có tỷ lệ tiếp thu cao hơn tỷ lệ không tiếp thu là các góp ý về tính minh bạch, với gần 53% ý kiến được tiếp thu.

Ngược lại, đối với các góp ý liên quan đến tính hợp lý, tỷ lệ không tiếp thu (50,64%) cao hơn tỷ lệ tiếp thu (49,36%). Sự chênh lệch nhỏ giữa hai tỷ lệ này cho thấy các góp ý về tính hợp lý thường tính chất gây tranh cãi hoặc có nhiều yếu tố cần xem xét kỹ lưỡng, dẫn đến sự phân chia tỷ lệ khá đồng đều. Đây thường là các đề xuất nhận được ít đồng tình từ cơ quan soạn thảo nhất, do những khác biệt trong quan điểm tiếp cận trong quá trình xây dựng chính sách.

Tóm lại, với 504 đề xuất trong văn bản pháp luật và một nửa trong số đó được ghi nhận, tiếp thu đã thể hiện sự quan tâm, nỗ lực của cộng đồng doanh nghiệp cũng như cơ quan chủ trì soạn thảo trong hoạt động xây dựng chính sách.

2 Các văn bản quy phạm pháp luật được ban hành mà VCCI góp ý

Trong năm 2024, có 79 VBQPPL mà VCCI có góp ý đã được ban hành, trong đó có 11 luật; 1 nghị quyết, 7 quyết định, 37 nghị định và 23 thông tư, cụ thể là các văn bản sau:

11 Luật

- 1 Luật Đất đai 2024 số 31/2024/QH15 của Quốc hội ngày 18/01/2024;
- 2 Luật Các tổ chức tín dụng 2024 số 32/2024/QH15 của Quốc hội ngày 18/01/2024;
- 3 Luật Lưu trữ 2024 số 33/2024/QH15 của Quốc hội ngày 21/06/2024;
- 4 Luật Đấu giá tài sản sửa đổi 2024 số 37/2024/QH15 của Quốc hội ngày 27/06/2024;
- 5 Luật Công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp 2024 số 38/2024/QH15 của Quốc hội ngày 27/06/2024;
- 6 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ 2024 số 42/2024/QH15 của Quốc hội ngày 29/06/2024;
- 7 Luật Thuế giá trị gia tăng 2024 số 48/2024/QH15 của Quốc hội ngày 26/11/2024;
- 8 Luật Phòng không nhân dân 2024 số 49/2024/QH15 của Quốc hội ngày 27/11/2023;
- 9 Luật Địa chất và Khoáng sản 2024 số 54/2024/QH15 của Quốc hội ngày 29/11/2024;
- 10 Luật sửa đổi Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính 2024 số 56/2024/QH15 của Quốc hội ngày 29/11/2024;
- 11 Luật sửa đổi Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu 2024 số 57/2024/QH15 của Quốc hội ngày 29/11/2024.

1 Nghị quyết

- 12 Nghị quyết 171/2024/QH15 thí điểm thực hiện dự án nhà ở thương mại thông qua thỏa thuận về nhận quyền sử dụng đất hoặc đang có quyền sử dụng đất do Quốc hội ban hành.

7 Quyết định

- 13 Quyết định 209/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 29/02/2024 phê duyệt Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương năm 2024;
- 14 Quyết định 412/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 14/5/2024 phê duyệt Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính giai đoạn 2024-2025;
- 15 Quyết định 07/2024/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 20/6/2024 về Danh mục sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ phải đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung;
- 16 Quyết định 09/2024/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 01/7/2024 quy định về điều kiện, hồ sơ, thủ tục đề nghị chấp thuận mức cấp tín dụng tối đa vượt giới hạn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;
- 17 Quyết định 13/2024/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 13/8/2024 ban hành Danh mục lĩnh vực, cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính (cập nhật);
- 18 Quyết định 1013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 20/9/2024 về Ngày An ninh mạng Việt Nam;
- 19 Quyết định 19/2024/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 15/11/2024 quy định lộ trình áp dụng mức tiêu chuẩn khí thải đối với xe cơ giới nhập khẩu và sản xuất, lắp ráp.

37 Nghị định

- 20 Nghị định 32/2024/NĐ-CP của Chính phủ ngày 15/03/2024 về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;
- 21 Nghị định 24/2024/NĐ-CP của Chính phủ ngày 27/02/2024 hướng dẫn Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;
- 22 Nghị định 06/2024/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25/01/2024 sửa đổi Nghị định 08/2021/NĐ-CP quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;
- 23 Nghị định 19/2024/NĐ-CP của Chính phủ ngày 23/02/2024 sửa đổi Nghị định 48/2019/NĐ-CP quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước;
- 24 Nghị định 12/2024/NĐ-CP của Chính phủ ngày 05/02/2024 sửa đổi Nghị định 44/2014/NĐ-CP quy định về giá đất và Nghị định 10/2023/NĐ-CP sửa đổi Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

- 25 Nghị định 37/2024/NĐ-CP của Chính phủ ngày 04/4/2024 sửa đổi Nghị định 26/2019/NĐ-CP hướng dẫn Luật Thủy sản;
- 26 Nghị định 41/2024/NĐ-CP của Chính phủ ngày 16/4/2024 sửa đổi Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe;
- 27 Nghị định 52/2024/NĐ-CP của Chính phủ ngày 15/5/2024 quy định về thanh toán không dùng tiền mặt;
- 28 Nghị định 55/2024/NĐ-CP của Chính phủ ngày 16/5/2024 hướng dẫn Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng;
- 29 Nghị định 59/2024/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25/5/2024 sửa đổi Nghị định 34/2016/NĐ-CP hướng dẫn Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi theo Nghị định 154/2020/NĐ-CP;
- 30 Nghị định 71/2024/NĐ-CP của Chính phủ ngày 27/6/2024 quy định về giá đất;
- 31 Nghị định 69/2024/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25/6/2024 quy định về định danh và xác thực điện tử;
- 32 Nghị định 60/2024/NĐ-CP của Chính phủ ngày 05/6/2024 về phát triển và quản lý chợ;
- 33 Nghị định 38/2024/NĐ-CP của Chính phủ ngày 05/4/2024 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản;
- 34 Nghị định 80/2024/NĐ-CP của Chính phủ ngày 03/7/2024 quy định về cơ chế mua bán điện trực tiếp giữa Đơn vị phát điện năng lượng tái tạo với Khách hàng sử dụng điện lớn;
- 35 Nghị định 115/2024/NĐ-CP của Chính phủ ngày 16/9/2024 hướng dẫn Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất;
- 36 Nghị định 78/2024/NĐ-CP của Chính phủ ngày 01/7/2024 hướng dẫn Luật Giá về thẩm định giá;
- 37 Nghị định 85/2024/NĐ-CP của Chính phủ ngày 10/7/2024 hướng dẫn Luật Giá;
- 38 Nghị định 87/2024/NĐ-CP của Chính phủ ngày 12/7/2024 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong quản lý giá;
- 39 Nghị định 103/2024/NĐ-CP của Chính phủ ngày 30/7/2024 quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;
- 40 Nghị định 102/2024/NĐ-CP của Chính phủ ngày 30/7/2024 hướng dẫn Luật Đất đai;
- 41 Nghị định 95/2024/NĐ-CP của Chính phủ ngày 24/7/2024 hướng dẫn Luật Nhà ở;
- 42 Nghị định 96/2024/NĐ-CP của Chính phủ ngày 24/7/2024 hướng dẫn Luật Kinh doanh bất động sản;
- 43 Nghị định 100/2024/NĐ-CP của Chính phủ ngày 26/7/2024 hướng dẫn Luật nhà ở về phát triển và quản lý nhà ở xã hội;
- 44 Nghị định 122/2024/NĐ-CP của Chính phủ ngày 04/10/2024 sửa đổi Nghị định 14/2018/NĐ-CP hướng dẫn về hoạt động thương mại biên giới;
- 45 Nghị định 128/2024/NĐ-CP của Chính phủ ngày 10/10/2024 sửa đổi Nghị định 81/2018/NĐ-CP hướng dẫn Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại;
- 46 Nghị định 124/2024/NĐ-CP của Chính phủ ngày 05/10/2024 sửa đổi Nghị định 86/2018/NĐ-CP quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục;
- 47 Nghị định 126/2024/NĐ-CP của Chính phủ ngày 08/10/2024 quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;

- 48 Nghị định 149/2024/NĐ-CP của Chính phủ ngày 15/11/2024 hướng dẫn Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ;
- 49 Nghị định 145/2024/NĐ-CP của Chính phủ ngày 04/11/2024 sửa đổi Khoản 2 Điều 12 Nghị định 03/2017/NĐ-CP về kinh doanh casino;
- 50 Nghị định 153/2024/NĐ-CP của Chính phủ ngày 21/11/2024 quy định phí bảo vệ môi trường đối với khí thải;
- 51 Nghị định 137/2024/NĐ-CP của Chính phủ ngày 23/10/2024 quy định về giao dịch điện tử của cơ quan Nhà nước và hệ thống thông tin phục vụ giao dịch điện tử;
- 52 Nghị định 141/2024/NĐ-CP của Chính phủ ngày 28/10/2024 hướng dẫn Luật Phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS);
- 53 Nghị định 147/2024/NĐ-CP của Chính phủ ngày 09/11/2024 quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng;
- 54 Nghị định 166/2024/NĐ-CP của Chính phủ ngày 26/12/2024 quy định điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới; tổ chức hoạt động của cơ sở đăng kiểm; niên hạn sử dụng của xe cơ giới;
- 55 Nghị định 172/2024/NĐ-CP của Chính phủ ngày 27/12/2024 hướng dẫn Luật Đấu giá tài sản 2016 được sửa đổi bởi Luật Đấu giá tài sản 2024;
- 56 Nghị định 182/2024/NĐ-CP của Chính phủ ngày 31/12/2024 quy định về thành lập, quản lý và sử dụng Quỹ Hỗ trợ đầu tư.

23 Thông tư

Bộ Công Thương

- 57 Thông tư 05/2024/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương ngày 29/03/2024 quy định về tạm ngừng kinh doanh tạm nhập, tái xuất mặt hàng quặng và tinh quặng Monazite;
- 58 Thông tư 19/2024/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương ngày 10/10/2024 sửa đổi 1:2024 QCVN 05A:2020/BCT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển hóa chất nguy hiểm.

Bộ Khoa học và Công nghệ

- 59 Thông tư 01/2024/TT-BKHCN của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ngày 18/01/2024 quy định kiểm tra Nhà nước về chất lượng hàng hóa lưu thông trên thị trường;
- 60 Thông tư 02/2024/TT-BKHCN của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ngày 28/03/2024 quy định về quản lý truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa;
- 61 Thông tư 03/2024/TT-BKHCN của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ngày 15/04/2024 sửa đổi Thông tư 23/2013/TT-BKHCN quy định về đo lường đối với phương tiện đo nhóm 2 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư 07/2019/TT-BKHCN;

- 62 Thông tư 04/2024/TT-BKHCHN của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ngày 12/06/2024 quy định quản lý Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2030.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư

- 63 Thông tư 10/2024/TT-BKHĐT của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ngày 12/06/2024 sửa đổi Thông tư 09/2021/TT-BKHĐT hướng dẫn lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư và dự án đầu tư có sử dụng đất, Thông tư 10/2022/TT-BKHĐT hướng dẫn cung cấp, đăng tải thông tin và lựa chọn nhà đầu tư trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

- 64 Thông tư 13/2024/TT-BLĐTBXH của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ngày 05/12/2024 sửa đổi Thông tư 26/2018/TT-BLĐTBXH quy định về quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý Nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Bộ Tài chính

- 65 Thông tư 15/2024/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính ngày 06/03/2024 sửa đổi Thông tư 150/2012/TT-BTC hướng dẫn cập nhật kiến thức hàng năm cho kiểm toán viên đăng ký hành nghề kiểm toán;
- 66 Thông tư 28/2024/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính ngày 16/05/2024 quy định về trình tự, thủ tục kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá;
- 67 Thông tư 34/2024/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính ngày 16/05/2024 quy định về thi, cấp, quản lý, thu hồi thẻ thẩm định viên về giá;
- 68 Thông tư 39/2024/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính ngày 16/05/2024 quy định về đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức và cấp chứng chỉ nghiệp vụ thẩm định giá;
- 69 Thông tư 84/2024/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính ngày 26/11/2024 sửa đổi Thông tư 324/2016/TT-BTC quy định hệ thống mục lục ngân sách nhà nước đã được sửa đổi tại Thông tư 93/2019/TT-BTC và 51/2022/TT-BTC;
- 70 Thông tư 85/2024/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính ngày 29/11/2024 sửa đổi Thông tư 69/2022/TT-BTC hướng dẫn chứng chỉ bảo hiểm, chứng chỉ đại lý bảo hiểm, chứng chỉ môi giới bảo hiểm, chứng chỉ về phụ trợ bảo hiểm.

Bộ Tài nguyên và Môi trường

- 71 Thông tư 36/2024/TT-BTNMT về định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt do Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành.

Bộ Xây dựng

- 72 Thông tư 01/2024/TT-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ngày 06/05/2024 hướng dẫn Luật Thi đua, khen thưởng trong ngành Xây dựng;
- 73 Thông tư 10/2024/TT-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ngày 01/11/2024 quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng

Bộ Y tế

- 74 Thông tư 12/2024/TT-BYT của Bộ trưởng Bộ Y tế ngày 18/07/2024 về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 20-1:2024/BYT đối với giới hạn các chất ô nhiễm trong thực phẩm bảo vệ sức khỏe.

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

- 75 Thông tư 07/2024/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 21/06/2024 về hoạt động đại lý thanh toán;
- 76 Thông tư 12/2024/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 28/06/2024 sửa đổi Thông tư 39/2016/TT-NHNN quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng;
- 77 Thông tư 42/2024/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 22/07/2024 sửa đổi Thông tư 04/2021/TT-NHNN quy định về tái cấp vốn đối với tổ chức tín dụng sau khi tổ chức tín dụng cho Tổng công ty Hàng không Việt Nam - CTCP vay và việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ, giữ nguyên nhóm nợ, trích lập dự phòng rủi ro đối với khoản nợ của Tổng công ty Hàng không Việt Nam - CTCP do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành;
- 78 Thông tư 50/2024/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 31/10/2024 quy định về an toàn, bảo mật cho việc cung cấp dịch vụ trực tuyến trong ngành Ngân hàng;
- 79 Thông tư 51/2024/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 29/11/2024 quy định về kiểm toán độc lập đối với ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, tổ chức tài chính vi mô, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

BÁO CÁO

DÒNG CHẢY PHÁP LUẬT KINH DOANH NĂM 2024

Chịu trách nhiệm xuất bản
Giám đốc - Tổng Biên tập
Trương Thu Hiền

Biên tập
Trương Hữu Thắng

Chế bản – Trình bày bìa
Nguyễn Thái Dũng

NHÀ XUẤT BẢN CÔNG THƯƠNG
Trụ sở: Số 655 Phạm Văn Đồng, Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Điện thoại: 024-3934 1562 | Fax: 024-3938 7164
Website: <http://nhaxuatbanconghuong.com.vn>
E-mail: nxbct@moit.gov.vn

In 700 cuốn, khổ 18.5 x 25.5 cm tại Công ty TNHH In và Thương Mại Trần Gia
Địa chỉ: Số 43 ngõ 406 đường Âu Cơ, Phường Nhật Tân, Tây Hồ, Hà Nội
Số xác nhận đăng ký xuất bản: 4841-2024/CXBIPH/3-305/CT.
Số Quyết định xuất bản: 584-2/QĐ – NXBCT ngày 18 tháng 12 năm 2024
In xong và nộp lưu chiểu: Quý IV năm 2024
Mã số ISBN: 978-604-481-877-1

LIÊN ĐOÀN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM
Ban Pháp chế

Số 9 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (024) 3574 6545 | Fax: (024) 3577 1459

Email: xdphapluat@vcci.com.vn, xdphapluat.vcci@gmail.com

www.vcci.com.vn / www.vibonline.com.vn

ISBN: 978-604-481-877-1



SÁCH KHÔNG BÁN